

NĂM THỨ 6 — NGÀY 15-12-62

BACH

KHOA

trong số này

TIỂU DÂN cuộc nội chiến tại Yemen • NGUYỄN DỨC
TIỂU sự lập chí của Cao-Bá-Quát • DOHAMIDE
tang lễ và tín ngưỡng của người Chăm Châu-Đốc •
BỬU KẾ hoàng tử nạp phi • CÔ LIÊU danh nhân
Claude Bernard • ĐOÀN VĂN AN vấn đề giáo dục phụ
nữ Nhật bản ngày nay • TRỌNG KHANG sự ngẫu
nhiên và con số Pi • ĐOÀN THỀM những bước tiến
của họa sĩ Phạm-Tăng • TRĂNG THIÊN Uwe Johnson •
NGUYỄN MINH HOÀNG đường ranh giới • HOÀNG
QUY bóng thu • HOÀI KHANH thức giấc nghe chim •
THU NHẤT PHƯƠNG nỗi buồn thương du •
TƯỜNG LINH thuyền lưới • HỮU PHƯƠNG buồn
Quê Nhơn • LÊ TẤT ĐIỀU loài hoa trên đá •
TRẦN DZU HỒNG — THANH BẠCH — PHƯƠNG
MAI trả lời • cuộc phỏng vấn quan niệm hội
họa • CÔ PHƯƠNG THẢO
đọc « kỷ niệm văn thi sĩ hiện
đại » của Bằng-Bá-Lân •

143



Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐÈN LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỀ CHẤT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THÚI.

CŨNG SẮP XẼP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẤT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẤT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIỀC NÚT KHÔNG THÂM NƯỚC, LÀM THÈ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THÚI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHẨM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẤT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ, NGÀI CÓ THỂ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LÀNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn
đúng đắn với giá mỗi chai chỉ có 68s

BÁCH

KHOA trong số này

Số 143 ngày 15-12-62

TIỂU-DÂN nội chiến tại Yémen	3
NGUYỄN-ĐỨC-TIỂU sự lập chí của Cao-Bá-Quát	11
DOHAMIDE tang lễ và tín ngưỡng của người chàm Châu-Đốc	21
BỬU-KÊ hoàng-tử nạp phi	29
CÔ-LIÊU danh nhân : Claude Bernard	33
ĐOÀN-VĂN-AN vấn đề giáo-dục phụ-nữ Nhật-Bản ngày nay	37
TRỌNG-KHANG sự ngẫu nhiên và con số Pi	47
ĐOÀN-T-ÊM những bước tiến của họa-sĩ Phạm-Tăng	51
TRÀNG-THIÊN Uwe Johnson	59
NGUYỄN-MINH-HOÀNG đường ranh giới (trích dịch : « La frontière » của U. Johnson)	64
HOÀNG-QUY bóng thu (thơ)	76
HOÀI-KHANH thức giấc nghe chim (thơ)	76
THU-NHẬT-PHƯƠNG nỗi buồn thương du (thơ)	77
TƯỜNG LINH thuyền lái (thơ)	78
HỮU-PHƯƠNG buồn qui-nhơn (thơ)	79
LÊ-TÁT-ĐIỀU loài hoa trên đá (truyện ngắn)	81
TRẦN-DZỤ-HỒNG - THANH-BẠCH - PHƯƠNG-MAI trả lời cuộc phỏng vấn quan niệm hội họa	89
Cô PHƯƠNG-THẢO đọc « kỷ-niệm văn-thi-sĩ hiện tại » của Bàng-bá-Lân	97

bách khoa

số kỷ-niệm 6 năm

sẽ trình bày cùng bạn đọc :

— Những nét chính trong năm 1962 về chính-trị, quân-sự, kinh-tế, văn-hóa, nghệ-thuật . . .

— Những vấn đề hiện tại mà mọi người đang thiết tha tìm hiểu về văn chương, triết học, tôn giáo, khoa học, thẩm mỹ, kịch trường . . .

— Tổng kết cuộc phỏng vấn trong năm 1962 về quan-niệm Hội-Họa.

bách khoa

số kỷ niệm 6 năm

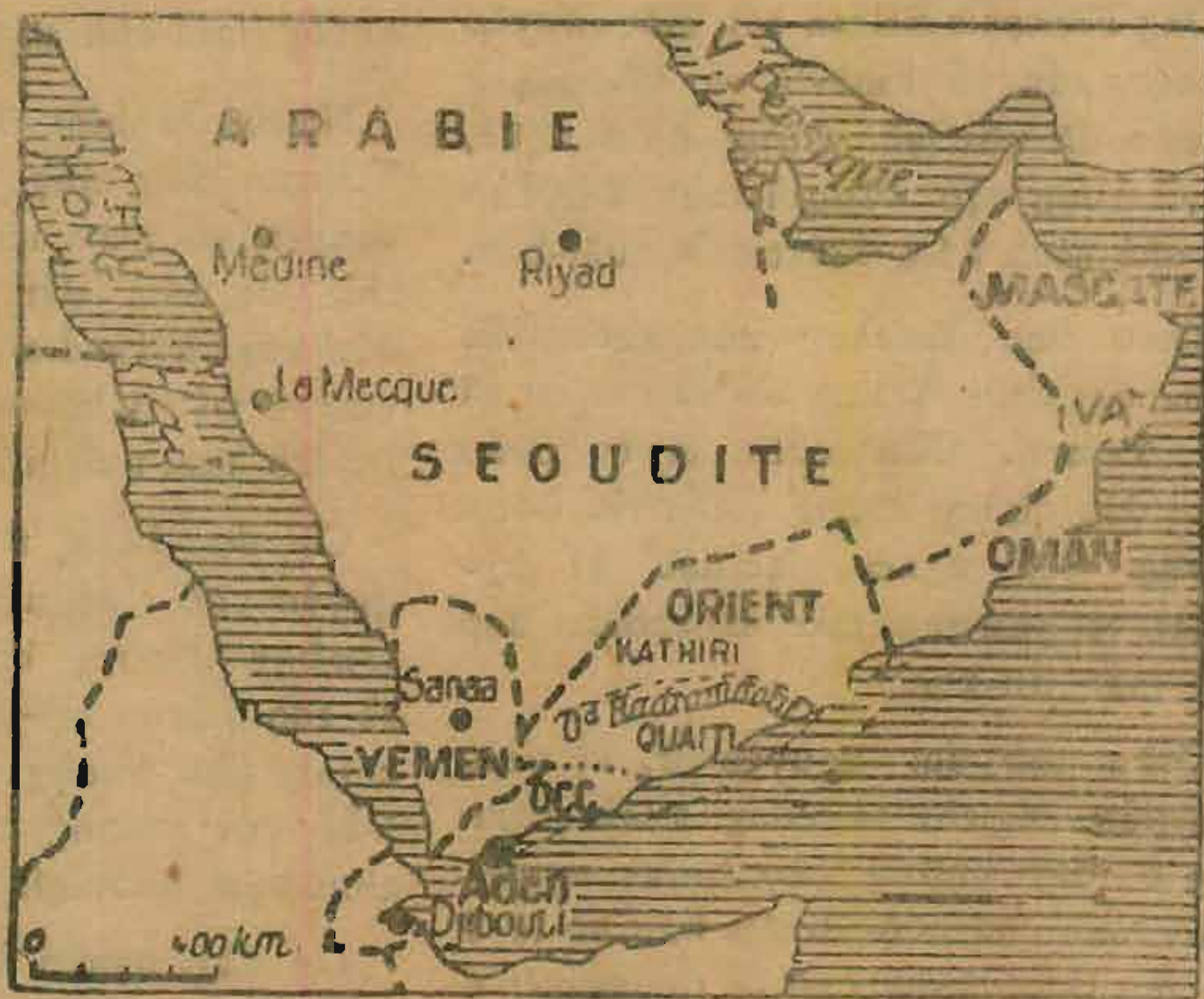
cũng là số Tết Quý-Mão

với những sáng tác về Xuân về Tết của các nhà văn, nhà thơ Trung, Nam, Bắc, trẻ trung hay kỳ cựu, thuộc nhiều xu hướng văn nghệ ở trong nước và ngoài nước, sẽ làm vui bạn đọc trong những ngày chờ đón Tết.

Nội chiến tại Yémen có gì lạ ?

CUỘC khủng hoảng chính-trị tại vùng biển Caraïbes và trận chiến ở biên giới Trung - Cộng — Ấn-Độ đã khiến thế-giới nhẹ phần quan tâm đến vấn-đề Yémen.

Yémen là một nước nhỏ ở Trung-Đông (nằm về phía Tây-Nam nước Arabie Séoudite, trên bờ Hồng-Hải, dân số gần 5 triệu, diện-tích 62.000 cây sô vuông). Tuy nhiên chỉ cần nhìn vị-trí của Yémen trên dư-đồ và nhớ lại sự quan-trọng chiến-lược



của Trung-Đông, người ta nghĩ ngay rằng cuộc nội-chiến đang diễn ra có thể có những yếu-tố liên-quan đến tình-hình chính-trị Trung-Đông hiện-thời.

NỘI CHIẾN TẠI YÉMEN CÓ GÌ LẠ ?

Một yếu-tò tâm-lý khác kích-thích sự chú ý ; từ hơn mười thế-kỷ rồi, quốc gia Yémen sống thu mình biệt cách với các trào-lưu văn-minh thế-giới ; do đây người ta muốn tìm hiểu thực-trạng của quốc-gia ấy.

Một chế-độ quân-chủ lỗi thời

Cho đến nay rất ít người ngoại-quốc được vào viếng thăm Yémen. Những người may mắn được hiểu quốc-gia này qua một cuộc du hành đều có những cảm-tưởng nặng-nề về một thực-trạng đen tối.

Ông François Balsan sau một chuyến đi công-cán về kinh-tế và kỹ-nghệ ở Yémen đã ghi lại những điều nghe, thấy trong tập « Inquietant Yémen » do nhà sách « La Palatine » xuất-bản.

Theo ông Balsan, một không-khí sinh-hoạt thời Trung-Cổ bao trùm xã hội Yémen. Gần chín mươi phần trăm dân chúng không biết chữ. Cảnh tượng đói, nghèo, lạc-hậu về kỹ-thuật và phương-thức sản-xuất, đập vào mắt du-khách.

Giữa thời-đại nguyên-tử, vệ-tinh, hòa-tiến, người ta công khai phơi-bày ở đây những chợ buôn người. Đặc-điểm của cuộc buôn bán nô lệ ở Yémen là có hạng « nô-lệ tự-nguyện ». Người ta nghèo khổ quá đem bán bớt con đi ở chợ nô-lệ, với hy-vọng rằng nô-lệ mà có ăn, có mặc sẽ còn sướng hơn tự-do mà khờn-khở vô cùng.

Cảnh sống của người dân bi-đát như thế nhưng nạn trộm cắp, cướp bóc lại ít xảy ra. Nguyên do là người ta sợ những hình-phạt hết sức nghiêm khắc. Những hình-phạt này lại được áp-dụng ngay đối với kẻ có tội, sau khi có sự xét xử theo một đường lối giản dị và nhanh chóng. Kẻ phạm tội ngoại tình bị ném đá cho tới chết. Kẻ ăn trộm bị chặt tay. Người dân nông-thôn sống trong một nền kinh-tế tự-nhiên, với những phương thức canh-tác truyền lại từ nghìn đời, vốn dĩ đã khô. Thế mà — vẫn theo François Balsan — họ có tâm-lý làm vừa đủ ăn mà thôi, không ham được dư ăn dư để, vì thuê má khác-nghịet, thêm vào đây nạn eo sách, những lạm của người thầu thuê.

Người ta biết rằng trong lòng đất Yémen tiềm-tàng cả một kho tài-nguyên vô giá : ngọc, vàng, bạc, đồng chì, sắt và... dầu lửa. Nhưng cho đến nay triều-đình và các các quốc vương trị vì không thiết-tha lắm đến lợi-ích khai thác những tài nguyên ấy.

Có dư luận ít nhiều có thẩm-quyền cho rằng ngân-kho vương triều thường thường không lưu trữ quá số 100 triệu mỹ-kim. Nhu cầu của chính phủ không vượt quá mức ấy. Đối với vương triều, sự quản-trị sinh-hoạt quốc-gia rất ít tồn kém.

Do đây, người quan sát tình hình Yémen không khỏi bàng-khuâng.

Vương quốc Hồi-giáo nhỏ bé này nằm ở địa khu chiến lược trọng-yếu Trung-Đông, sẽ giữ được trạng thái bất-động ấy đến bao giờ ?

Quốc vương Badr thấy đến mức độ nào nguyện vọng về dân sinh và dân chủ của thần-dân vương-triều ? Và kho tài-nguyên chưa được khai-thác kia, nó có sẽ là nguyên-nhân sâu xa của một cuộc khuấy động tình-hình Yémen do người ngài thủ-xướng ?

Không-khí cách-mạng buổi-đầu

Những ngày cuối tháng 9-1962, nhân-vật thân tín của quốc-vương Badr, tướng Sallal và một số chiến-hữu khởi xướng cuộc chính-biến và đã thắng-lợi tương-đối dễ-dàng. Cuộc chính-biến được sự hưởng-ứng của dân-chúng trở thành cuộc cách-mạng triệt-hạ chế-độ quân-chủ, khai sinh chế-độ Cộng-hòa Ả-rập Yémen. Tân chính phủ tuyên-cáo theo chính-sách Trung-lập.

Cuộc cách-mạng này, trong buổi đầu cho thấy hai điều có liên-hệ mật thiết với nhau: vương-triều Badr hoàn-toàn bị bắt-ngờ, không kịp đổi-phó và dân-chúng thì mong-mỏi một trật-tự xã-hội, chính-trị, kinh-tế mới, tiên-bộ.

Tuy nhiên quốc-vương Badr đã may mắn trốn thoát và tìm về các địa-

phương có những bộ-lạc trung-thành với vương-triều.

Phản-ứng đầu-tiên của thế giới kể ra không làm ngạc-nhiên nhiều: Le Caire hân-hoan, Mạc-Tư-Khoa có cảm-tình, Tây-phương chờ xem, trong khi Arabie Séoudite và Jordanie lo-ngại.

Theo ký-giả Erie Rouleau, đặc phái viên của báo Monde, thì không-khí cách-mạng buổi đầu rất thuận-lợi cho phe Cộng-hòa của ông Sallal.



Tướng Sallal

lợi cho vương-triều: «thành phố buồn».

Nhưng hôm nay mọi người đều ra đường, sống ngoài đường. Từng đoàn biểu-tình, toàn thanh-niên, áo quần rách-rưới, đi chân không, hò hét những khẩu-hiệu chống chế-độ quân-chủ, hoan-ngênh Sallal và Nasser. Những phần tử trung-lưu xách máy truyền thanh trong tay đi dạo, gieo rắc trên các nẻo đường những lời ca-ngợi cách-mạng của Le Caire

NỘI CHIẾN TẠI YÉMEN CÓ GÌ LẠ ?

và Sanaa, thủ-đô của quốc-gia Yémen. Các tiệm cà phê đông nghẹt khách. Dân chúng tới những nơi này uống một tách trà, nhai một thứ lá thuốc đặc-biệt của địa-phương và nghe những bài ca của Ai-Cập. Trái lại cung-điện của nhà vua và công-trường mà nhà vua thường dùng làm pháp-trường để hành-quyết những chính-trị phạm, thì đắm chìm trong bóng tối và sự yên lặng.

Tại Sanaa, trung-tâm điểm của các giới tư-sản, trí-thức Yémen, cũng một không-khí vui sống ấy.

Đặc biệt có những người ngâm thơ, nói về — hình ảnh nghệ sĩ bình dân của nghìn xưa — xuất hiện, ngồi ở các ngã ba đường, các nơi đông người qua lại, đàn hát, ngâm thơ, thu hút người nghe đông-đáo. Nội-dung bài hát, bài thơ, hướng về thời sự, ca ngợi chế-độ Cộng-hòa, mạt-sát, kết án những kẻ thù của cách-mạng và chế-độ như quốc-vương Séoud của Arabie Séoudite và quốc-vương Hussein của Jordanie.

Hàng ngày các tù-trưởng các bộ-lạc xa về thủ-đô Sanaa bằng lạc-đà hay xe Jeep, để bày tỏ sự ủng-hộ với tướng Sallal.

Tân chánh-phủ xác nhận rằng tất cả bộ-lạc đều hưởng-ứng cách-mạng. Thật ra các bộ lạc miền duyên-hải và miền Nam ủng-hộ chế-độ Cộng-hòa. Các bộ-lạc mạnh ở miền Bắc như Bachad và Backel cũng hưởng-ứng cách-mạng. Nhưng cũng còn một số các bộ-lạc khác trung-thành với quốc

vương Badr và chịu ảnh-hưởng của Arabie Séoudite và xứ bảo-hộ Aden.

Trước không-khí cách-mạng say-sưa ấy, người ký-giả ngoại-quốc tự hỏi: dân-chúng Yémen có thật tình sung sướng vì sự đổi thay chế-độ chăng ?

Câu hỏi này đã được đặt ra với tướng Sallal và nhà lãnh-đạo chế-độ Cộng-hòa trả lời: « Chắc là họ thỏa lòng nhưng sung-sướng thì chưa, bởi họ còn khốn khổ lắm ».

Một ký-giả hỏi một thổ-dân xem anh ta có nghĩ rằng quốc-vương có thể trở lại trị-vì. Anh này trả lời: « Áo quần mà rách tả tơi thì không thể mặc nữa, người ta vứt bỏ ».

Tuy nhiên sự thật những ngày sau có lẽ đã làm lắng dịu, nếu không phải nguội đi, không-khí say sưa buổi đầu. Quốc vương Badr đã tập hợp được lực-lượng trung thành với ông ta và tiến quân về thủ-đô Sanaa. Và bây giờ thì cuộc nội chiến thiệt sự bùng nổ.

Một tình-hình còn rối-ren

Phe Cộng-hòa được Cộng-hòa Ả-rập Thống-nhất của Nasser ủng-hộ ngay từ đầu, về mọi mặt. Khi có nội-chiến thì Le Caire đưa qua một số quân đội sát cánh cùng với quân của tướng Sallal chiến - đấu. Chính-phủ Cộng-hòa Ả-rập Yémen cũng đã được một số quốc-gia — trong số có Nga-

số — thừa-nhận. Mạc-tư-Khoa đã phái sang Yémen một số chuyên-viên nghiên-cứu vấn đề viện-trợ.

Nhưng phe quân-chủ của quốc-vương Badr cũng không yếu. Sau lưng quốc-vương Badr có một hậu-thuần hùng hậu của quốc-vương Séoud (Arabie Séoudite) và quốc-vương Hussein (Jordanie). Nhà vua Yémen lại dần-dần kết-tập được các bộ lạc để chống phe Cộng-hòa. Hiện quân của phe quân-chủ tiến làm hai cánh về thủ-đô Sanaa: cánh miền Tây do quốc-vương Badr đích thân chỉ huy, cánh miền Đông, do hoàng-thúc Hassan, chú của nhà vua chỉ huy.

Tin cuối cùng do phe nhà vua đưa ra cho biết họ chỉ còn cách thủ-đô Sanaa 30 cây số và quân Cộng-hòa chỉ còn kiểm-soát được có 3 thành-phố lớn: Sanaa, Taz và Hodeida.

Như vậy là phe quốc-vương Badr có vẻ thắng thế. Tuy nhiên người ta chưa có được những tin tức rõ ràng hơn, xác thực hơn phát-xuất từ những nguồn gốc khách quan, vô-tư, để nhận-định đầy đủ hơn thắng thế này.

Quốc-vương Badr hi-vọng có thể giải-phóng thủ-đô Sanaa trong vài tuần lễ nữa và sẽ thắng lợi hoàn-toàn trong một tương-lai gần.

Nhưng khi nhớ rằng cuộc nội-chiến này còn là một cuộc so gươm gián-tiếp giữa Ai-Cập và các chế-độ quân chủ ở Arabie Séoudite và Jordania, người ta ngại rằng cuộc tranh chấp còn kéo dài.

Tuy nhiên dầu thắng-lợi cuối-cùng về phe quân-chủ hay Cộng-hòa, những dữ-kiện của vấn-đề Yémen cũng đã cho thấy một cái gì mới mà tầm quan-trọng có thể vượt ra ngoài biên-giới quốc-gia ấy.

Thí-diểm đầu-tiên của chủ-nghĩa xã-hội Ả-rập?

Sử-gia Benoist-Méchin có nhắc lại trong « Un printemps arabe » một câu nói lý-thú của phê-đề Ai-Cập Farouk: « Rồi đây thế-giới chỉ còn lại có năm ông vua: hoàng-đề nước Anh và ... bốn ông vua trong bài các-tê »

Trong một chừng nào, nhà vua mất ngai vàng đã thấy được bước đi tất-yếu của lịch-sử nhân loại tiến-hóa. Nhưng điều mà ông không thể nào ngờ được là chính tại xứ sở ông trị-vì ngày nào, chính nơi chế-độ đã loại bỏ ông, đã phát-sinh một yếu-tố thúc đẩy lịch-sử các quốc-gia, dân-tộc Ả-rập tiến theo chiều hướng ấy: chủ-nghĩa xã-hội Ả-rập của Gamel Abdel Nasser. Ngày 2 tháng 7 năm nay, nhà lãnh tụ Cộng-hòa Ả-rập Thống-nhất đã công-bố « Hiến-chương quốc-gia » mà nội-dung là chủ-nghĩa xã-hội Ả-rập.

Trong « hiến chương » này, ông Nasser hiến cho các dân-tộc Ả-rập anh em một chủ nghĩa để tự giải-phóng, cối ách thống-trị của những chính-phủ, chính-quyền phản-động. Chương IX của « hiến-chương » ấy xác-nhận vai trò của Ai-Cập lãnh-đạo thế-giới

Ả-rập, qui định bốn phận của Ai-cập là ủng-hộ về mặt chính trị tất cả phong-trào tranh đấu giải phóng của nhân-dân nhưng dành trách-nhiệm hành-động trực-tiếp cho nhân - dân địa-phương.

« Hiến-chương » cũng xác-nhận rằng những chính-phủ Ả-rập tiêu-biểu được quyền-lợi, nguyện-vọng nhân-dân, và những sự hòa hợp, thống nhất bộ phận giữa các quốc gia Ả-rập, được xem như là những yếu-tố tích-cực, thuận lợi cho sự thống-nhất các quốc-gia Ả-rập.

Theo bình-luận gia Pierre Rondot của báo Le Monde Diplomatique, thì tinh-thần của « Hiến-chương quốc-gia » như trên giúp người ta thông-cảm với thái-độ ủng-hộ tích-cực, nồng-nhiệt của Cộng-hòa Ả-rập thống nhất đối với Cộng-hòa Yémen.

Dưới mắt các nhà cầm quyền ở Le Caire thì rõ-ràng cuộc cách-mạng Yémen, lật đổ chế-độ quân chủ, đã có sự tham gia của nhân-dân. Cuộc cách-mạng này, nằm trong khuôn khổ « Các phong trào tranh đấu của nhân-dân Ả-rập chống chính-quyền phản-động thống-trị », đã được xem như là một yếu-tố tích-cực thuận lợi cho sự thống nhất các quốc gia Ả-rập, dưới sự lãnh đạo của Ai-cập.

Sự ủng-hộ của các quốc vương Arabie Séoudite và Jordanie đối với quốc vương Yémen làm cho ông Nasser thêm tin - tưởng ở lập - trường tư-tướng của mình.

Từ ngày chủ nghĩa xã hội Ả-rập được tuyên-cáo, đây là lần đầu tiên

nó được ứng - dụng trong một vài nguyên-tắc.

Có lẽ Yémen là thí-điểm đầu tiên của chủ-nghĩa ấy chăng ?

Rồi đây cuộc cách-mạng Yémen có thể thắng lợi hay bị đánh bại.

Nếu phe tướng Sallal đánh tan được phe quốc vương Badr thì ông Nasser cũng sẽ thắng lợi về tinh thần, chính-trị. Thắng lợi này sẽ có một ảnh-hưởng lớn lao. Người ta sẽ quên thất-bại của ông Nasser ở Syrie. Ông sẽ có thể giơ cao ngọn đuốc « chủ-nghĩa xã-hội Ả-rập » soi đường cho các dân-tộc Ả-rập huynh-đệ, và mở đường tiến đến ngôi vị lãnh-đạo tối cao cả thế giới Ả-rập. Và trực tiếp phải lo-lắng sẽ là các chế-độ quân-chủ ở Arabie Séoudite và Jordanie.

Nhưng nếu quốc vương Badr thắng ?

Thì điều chắc chắn là quốc vương sẽ chỉ tìm được một cái duy nhất không thay đổi là ngai vàng của ông.

Ông sẽ không còn có thể trị-vì theo quan-niệm và đường-lối cũ.

Ngọn gió cách-mạng đã thổi qua. Chưa hiểu nó là ngọn gió xuân gây vui sống, tin yêu hay là cuồng phong phá-hoại nhà cửa, mùa màng. Nhưng nó mới nó có sức hấp dẫn của sự tân kỳ mà một dân-tộc hơn mười thế-kỷ sống thu mình trong nền văn-minh Trung-Cổ không dễ gì quên.

Quốc-vương Badr sẽ phải quan-tâm đến những dữ-kiện mới của văn-đề Yémen vậy.

TIỂU-DẪN

Và không những ông mà các quốc-vương Ả-rập khác cũng phải lo.

Khi nhớ đến câu nói dự đoán tương lai đầy ý-vị trào-phúng đáng cay của phê-đề Farouk.

Khi ghi nhận một yếu-tố mới trên chính-trường Trung-Đông: chủ nghĩa xã-hội Ả-rập.

TIỂU-DẪN

Tài-liệu tham khảo :

Un pays de mystère et de violence : le Yémen của François (Extrême-Asie)

Le Yémen s'ouvre soudainement au monde extérieur của Eric Rouleau (Le Monde)

Le Yémen, banc d'essai de l'arabisme populaire ? của Pierre Rondot (Le Monde Diplomatique)

Un printemps arabe của Benoist-Méchin.

★ Nói, đương thích mà nín được ngay ; ý, đương hơn hờ mà thu hãm được ; tức giận, ham mê, đương sôi nổi, nồng nàn mà tiêu trừ được ; không phải là người rất kiên nhẫn thì không tài nào được như thế.

Vương-Dương-Minh

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tính

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngành : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE AMIDJAN BOJALA

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachat, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

**Xung quanh cái chết của
nhà danh sĩ số 1 triều Nguyễn**

NGUYỄN-ĐỨC-TIỂU

*Sự lập chí
của Cao-bá-Quát*

L. T. S. Cao-Bá-Quát là một thiên tài vào đầu thế-kỷ XIX. Nếu về văn học, ông đã để lại một số tác-phẩm phi thường thì đối với triều đình Huế ông đã từng làm một việc « phi pháp ». Nhưng từ xưa tới nay, người ta chỉ thường thức, phê bình văn tài của « thánh Quát » chưa thấy ai đi sâu vào vấn đề « con người » của thi sĩ họ Cao. Nay ông Nguyễn-Đức-Tiểu tìm một tương quan giữa « người » và « văn nghiệp » để phê bình văn học.

Quan niệm trên đây có thể gợi ra nhiều ý kiến đồng dị mà chúng tôi hy vọng sẽ được tiếp nhận sau này và trình bày trên mặt báo, để vấn đề văn-học nêu ra được mở rộng thêm và phong phú hơn lên.

NÓI đến Cao-Bá-Quát là nói sự lập chí: đó là mẫu chốt của vấn đề.

Người xưa coi sự lập chí quan hệ nhứt trong đời kẻ sĩ, trước cả sự lập đức và lập ngôn. Văn chương dầu bạt tụy thế mấy mà chí chưa vững, đức chưa sáng thì sự trước tác ấy chỉ là trò xảo ngữ có hại cho tâm thuật.

« Sự học không gì cốt yếu bằng sự lập chí; phàm kẻ đi học, cái chí phải lập

trước. Nếu chí mà không lập cũng như trồng cây không để cho rễ ăn xuống đất, chỉ tưới gội vun đắp ở trên thì khó nhọc mà không có kết quả... »

(Vương-Dương-Minh — Phan-Văn-Hùm dịch)

Chí đã lập, người nường theo đó mà đi, như kẻ đi đêm nường theo ngọn đuốc, dám coi thường mọi gian lao, coi thường cả cái chết.

Xem như xưa đức Khổng hăm hở mang cái chí trị bình cổ võ khắp sơn khải Đông-Châu, nguy khôn chẳng sòn lòng, thất bại không đổi ý. Không được làm quan để hành đạo, thánh trở về làng mở trường dạy đạo.

Văn Thiên-Tường lập chí làm đại trượng phu ngồi chung bàn các vị tiên hiền trong văn miếu.

Phan-Bội-Châu lập chí vá trời trong bài phú BÀI-THẠCH VI-HUYNH :

Tam sanh điền hải chi tư, vị vong tương bá.

Nhiệt phiên bố thiên chi lực, hữu thị phùng quân.

(Trong tư tưởng ba sanh lập biển, ta không quên giúp đỡ của người.

Trong sự góp sức vá trời, ta sẽ gặp người).

Đến trường hợp của Phạm-Đình-Trọng và Nguyễn-Hữu-Cầu còn điển hình hơn. Ở cùng ỉnh, học cùng thầy, Cầu thích làm vua không thích Khanh tướng, còn Trọng nuôi chí làm anh hùng chống đỡ vua Lê chúa Trịnh. Hai khối óc, hai chí hướng nghịch nhau từ dưới mái trường. Lớn lên hai bạn cũ lại xô xát nhau ở các mặt trận Hải-Dương, Đông-Triều, về quân sự cũng như về văn học. Có lần Cầu gọi cho Trọng về đối :

— *Ngọc tàng nhiệt điểm, xuất vi chúa, nhập vi vương.*

(Chữ NGỌC 玉 có ẩn một chấm phẩy, thò lên thành chữ CHÚA 主, thụt xuống thành chữ VƯƠNG 王)

Trọng hiểu ý đưa thơ phúc đáp :

— *Thổ triệt báu hoàng, thuận giả thượng, nghịch giả hạ.*

(Chữ THỔ 土 gẫy nửa nét ngang, để thuận là chữ THƯỢNG 上, lật ngược lại thành chữ HẠ 下).

Sau Cầu bị Trọng bắt. Trọng tù xa, Cầu vẫn coi mình như chim bằng thanh thản ngâm thơ khải khí. Ấy, cái chí của kẻ sĩ nó bất khuất vậy đó, nên người xưa nói « có thể cướp được ông soái của ba quân, không cướp nổi cái chí của gã thất phu ».

Đọc Cao-Bá-Quát, ai cũng khen thơ có khí tượng đế vương. Vậy Cao lập chí làm gì? Hỏi tức trả lời. « Cái chí là chủ của khí », thơ Cao có khí đế vương, vì người Cao có chí đế vương. Vâng, Cao-Bá-Quát lập chí làm vua đó.

Cao-Bá-Quát là một người phi thường của thời đại, phi thường từ cái sanh đến cái chết.

Điều phi thường trước nhất của Cao là ... sự giáng sanh, tương truyền rằng một đêm khuya gánh nước về nhà, bà đồ Cao — thân mẫu của thi sĩ — thấy sa vô đôi thùng hai điểm tinh tú. Hỏi cơm canh cá, bà đồ có mang từ đó. Đành rằng chuyện đó hoang đường, song, dầu thực dầu hư, cũng in đậm nét vào tâm não đứa bé. Sẵn nhiệm truyện Tàu, cậu Quát tránh đâu khỏi tánh mặc cảm tự tôn rằng mình là văn tinh xuất thế, là điểm anh linh của Thượng-Đế sai xuống trần. Phải, xưa nay bao sự nghiệp vĩ đại há chẳng khởi đầu từ một ảo tưởng, bao danh nhưn xây dựng cuộc đời nhưn đuổi theo một bóng mờ ? Do câu chuyện thân mẫu thấy kỳ lân nhà ngọc thơ có

hàng chữ « con của vị Thủy tinh nổi nghiệp nhà Châu suy yếu mà làm vua không ngôi », Khổng Khâu lập chí làm sự biểu của muôn đời.

Ở cậu bé Cao-Bá-Quát, tin tưởng trịch giáng này bám chặt vào tâm hồn không gội rửa được :

« Tình uồn ẻo muốn vạch Trời lên hỏi :
nào kiếp Chử Đồng đầu tá, nữ nào chén
ngọc để hoài ru ? »

Sau, bà đồ Cao sanh ra một bọc hai trai đình ngộ khác thường.

Ngày xưa các cụ thường đặt tên cho con rất trẻ, khi trẻ bắt đầu có trí khôn, còn từ trước chỉ gọi con bằng tên tục. Tên, đối với các cụ, phải nói lên được sở nguyện của mình. « Cổ danh tư nghĩa », tên người không phải không ảnh hưởng đến đời người. Xem như sử gia Ngô-Thời-Sĩ chờ con lên sáu mới hỏi con muốn lấy tên gì. Con thưa : « Xin thầy cho phép con ghép vào tên húy của thầy (chữ Sĩ 仕) một chấm phẩy để làm tên con : chữ Nhiệm (仕). Nhiệm là gánh vác, cậu bé mong mai sau gánh vác một phần trách nhiệm của nước nhà vậy. Sau cậu lấy hiệu là Hy-Doãn càng làm sáng thêm chí nguyện ban đầu. Quả nhiên lớn lên, Ngô-Thời-Nhiệm không hổ với tên mình. Một ngọn bút lông : một sự nghiệp ngoại giao cái thế.

Trường hợp đặt tên cho Cao-Bá-Quát nguyên do như sau : Cụ đồ Cao đọc sách Luận Ngữ (tứ thư huấn nghĩa) thấy chép (1) « đời nhà Châu có tám người hiền sĩ là Bá-Quát, Bá-Đạt, Trọng-Đột, Trọng-Hốt, Thúc-Dạ, Thúc-Hạ, Quý-Tùy và Quý-Oa » và giải nghĩa

rằng « tám hiền sĩ ấy, hoặc có người nói sanh đời Thành-Vương, hoặc có người nói sanh đời Tuyên-Vương, do một mẹ bốn vú mà sanh tám con » (Ứng Hộc Nguyễn-Văn-Tổ), cụ bèn mượn tên người xưa để đặt tên hai con : Bá-Đạt và Bá-Quát. Sau này, Quát lấy hiệu là Châu Thẩn (bề tôi nhà Châu) hẳn không ngoài điển tích ấy. Ý nguyện của cụ đồ Cao, ta không biết ; điều ta biết rõ là nhà Châu theo vương đạo, và theo chế độ phong kiến. Hiền sĩ của nhà Châu đều là các vị bá làm vua mỗi người một nước chư hầu. Nói một cách khác, tất cả vua chư hầu đều là bề tôi của nhà Châu vậy. Mang tên là Bá-Quát, lấy hiệu là « bề tôi nhà Châu », Cao dấu sao được sở nguyện của mình khéo gói trong điển cũ.

Hơn nữa, ta còn được biết nhà Châu mở đầu bằng một cuộc cách mạng : « Thuận theo mạng trời, ứng theo lòng người », Tây Bá Kỳ Sơn Châu Vô Vương cầm binh tám trăm chư hầu diệt Trụ. (Thang, Võ cách mạng thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhơn — Kinh Dịch). Tư tưởng cách mạng này đeo riết họ Cao suốt đời. Thoạt tiên, nó xuất hiện trong bài phú « Tài tử đa cùng », dưới nét bút phê bình thái độ của Di Tề đối với cách mạng. Bá-Di và Thúc-Tề là con vua Cô-Trúc căn đầu ngựa Châu-Vô-Vương (tôi) kéo binh diệt Trụ (vua). Không được, cả hai lên núi Thái-Dương ăn rau vi mà chết. Thiên hạ khen Di Tề là cao sĩ, cũng như cụ Khổng trách Vô-Vương giết vua là « vị tận thiện » (chưa đúng mức thiện). Mấy ngàn năm sau, bàn về chánh kiến của Di Tề, Cao-Bá-Quát gằn cười trong một lời châm

SỰ LẬP CHÍ CAO-BÁ-QUÁT

biếm vừa ngọt, vừa cực kỳ thô bạo :
« đỏ, xanh mắt ».

*Đôi : rau rùng, thấy thóc Châu mà
trả ; đá Thù-Dương chom chôm, xanh
mắt Di nằm tốt ngày o o.*

Chê Bá-Di, Cao dứt khoát đứng dưới
cờ cách mạng của Châu-Võ-Vương ; Cao
ngang nhiên nhận làm của mình tư tưởng
tôi giết vua của thầy Mạnh : « nghe giết
một đứa tên Trụ, chớ chưa nghe giết
vua vậy ».

Cao còn dám chê cả Khương-Tử-Nha
là thừa tài kinh luân mà thiếu tinh thần
tự lập :

*Khát : nước sông, trông dòng đục không
vơ ; phao Vĩ-Thủy lênh đênh, bạc đầu
Lữ ngồi dài no kẻu kẻu.*

Tất cả tâm sự của Cao đều được kín
đảo gói vào hai câu phú trên. Có phan
phui được nỗi long đò, ta mới thấy rõ
chí hướng để vương của thi sĩ. Mang
chí hướng ấy ra đời, thi sĩ ngông
nghênh mà sống, say sưa mà sống, hào
hưng mà sống. Phóng cái tôi ra ngoài
giới, thi sĩ mê ly thấy ngoài giới là của
mình, ngoài giới là mình, mình là trung
tâm của trời đất. Trong văn học sử, dễ
thường chưa có ai ồn ào hơn, hướng
ngoại hơn Cao-Bá-Quát. Cao đã gây
mâu thuẫn khắp khắp, mâu thuẫn giữa
tâm và cảnh, giữa mình và người, giữa
lý tưởng và thực tại.

Cao chống vua Minh-Mạng :

- Nước trong leo lẻo cá nuốt cá
- Trời nắng chang chang người trời
người.

Cao chống vua Tự-Đức :

— Hoàng triều Tự-Đức quân vương
Thánh

— Từ phủ Yên-Sơn huấn đạo Thần.

Cao chống các bậc đàn anh Nguyễn-
Công-Trứ và Hà-Tôn-Quyền :

— Ý cảm thượng quỳnh, quân tử ở
kỳ văn chi Trứ

— Bao Tề dũ Tấn, thánh nhưn kất
đắc dĩ dụng Quyền. (2)

Cao chống bạn đồng liêu Nguyễn-Nhạ
(đỗ tiến sĩ trước mình một khóa) :

— Nhĩ cầu vô Nha hà tốc ngã ?

— Dư do hieu Thiệt khởi thâu nhưn ! (3)

Cao chống hoàn cảnh :

— Nhà trống ba gian, một thầy một
cô một chó cái

— Học trò dăm đứa, nửa người nửa
ngậm nửa đời trời.

— Mô phạm dăm ba thành mặt trắng

— Đình chung chiếc rươi cái lương
vàng.

Cao chống Trời :

— Thăng nhược bộ tưng cừu tiền, tri
trúc trượng đục tiền Bắc-Đẩu

— Túng sực phi đảng vạn trượng, giải
ma y cải tịch Nam-Tào
(Câu đối khóc cha)

Bị ám ảnh bởi cái tôi để vương, Cao
dòm đầu cũng chỉ thấy có Cao, Cao với
tất cả khí tượng để vương.

Khi thì bản ngã ấy hiện vào người hút
thuốc Lào :

Ra tay cầm cán sỏi trong nước:

Ngậm khói phun mây sạch bụi (?)
trần.

Khi thì bản ngã ấy thoát sanh vào con người của đế Nghiêu đế Thuấn: trong một cuộc đấu khẩu với một ông đồ học mắng mình là:

— *Nhĩ, tiểu sanh, hà xú đắc lai, cảm thuyết Trình-Châu sự nghiệp?*

(Mấy, thằng học trò con ở đâu đến đây, dám bàn nói sự nghiệp của các bậc đại Nho Trình-Di và Châu-Hy?).

Cao lớn dọng khoe:

— *Ngã, quân tử kiến cơ nhi tác, dục vi Nghiêu Thuấn quân dân.*

(Ta, là người quân tử thấy cơ đến thì làm, muốn sao được như vua dân Nghiêu Thuấn).

Vua đây là ai, nếu không là Cao? Không là Cao, đồ ai dám có khẩu khí để vương của Cao?

Khi thì bực lộ hơn, Cao dám đem cả triều đình đặt ngay giữa nhà mình: theo « Cao-Bá-Quát thi tập » của Trường Viên Đông Bác Cổ thì năm mười bốn tuổi Cao đi thi hương. Vô trường nhứt làm bài xong, Cao đánh quay chơi. Thấy lạ, quan trường hỏi ra mới biết đó là danh sĩ làng Phú-Thị bèn hết lời khen tặng:

— *Nhiệt bào song sanh, nan vi huynh, nan vi đệ.*

(Một bọc sanh đôi, khó là anh, khó là em)

Cao ứng đối lại:

— *Thiên tải nhiệt ngộ: hữu thị quân, hữu thị thân.*

(Ngàn năm một hội, có vua ấy, có tôi ấy).

Thiệt là rõ nghĩa như ban ngày: cả hai về đều chung chủ từ, huynh đối với

quân, đệ đối với thân. Vua và tôi đây là ai khác hơn là Bá-Đạt và Bá-Quát: hễ Đạt làm vua thì sẵn đó có Quát làm tôi (và ngược lại).

Như mọi người. Cao-Bá-Quát vẫn mượn khoa hoạn làm đường tiến thân. Song, vốn không chịu

*nghe mình đứng chức cửa hậu môn,
mời gối quỳ môn sản tướng phủ.*

đường mây của thi-sĩ tránh đầu khởi vấp vấp ở chề. Năm tân mao (1831), tiên sanh thi hương đỗ á nguyên (cử nhơn thứ nhì) bị bộ duyệt lại truất xuống hạng chót. Thi hội mãi không đậu, tiên sanh đành uất nghẹn nhận cái chức hành tẩu quèn ở đồng chờ thời. Năm Thiệu-Trị thứ nhứt (1841) sém bị xử tử vì tội ngầm dùng khoi đèn sửa 24 quyển văn sĩ tử tiên sanh được giảm tội tử xuống tội giảo giam hậu, sau được tha, và được tháp tùng sang sứ bộ sang Tân-Gia-Ba. Ở hải ngoại về tiên sanh chứng tỉnh hẳn giấc mê khoa hoạn:

*Thế gian thù thị chơn nam tử,
Uống cá bình sanh độc thư si.*

Trúc-Khê dịch:

*Không đi khắp bốn phương trời,
Vui đầu ăn sách uống đời làm trai.*

Năm giáp dần, tiên sanh được bổ làm giáo thụ phủ Quốc - Oai. Song, chung đỉnh (1) sao an trong khi sờ sờ đó chí ngu ẹn chưa thành mãi dày vò trí óc. Nào cần bị căng thẳng trong khủng hoảng đòi hỏi một hành động cực đoan! Chí nguyện bị dồn ép lâu ngày đòi nổ bung ra ánh sáng, nếu không sẽ co đở vờ ở tình thần có thác loạn ở nội tâm. Chí đã nung sôi thành ý lực (idée-force). Nói ý

lực là nói hành động, nói cỡi mở cái gì bị dồn ép, bị náo loạn, bị mất quân bình.

Không ngồi mãi than thân: « Mạt tri ngā giả phù » (đời chẳng ai biết ta), Cao-Bá-Quát cáo quan về Bắc-Ninh quyết phen này « cựa đuôi kinh, xoay cơn khí số ». Quy tụ một số đồng chí, Tiên sanh tìm Lê-Duy-Cự quyền tôn làm minh chủ, còn mình làm quốc sư, phất cờ cách mạng:

— *Bình-Dương, Bồ Bàng vô Nghiêu Thuấn*

— *Mục Dã, Minh Điều hữu Võ Thang*

Bình-Dương và Bồ-Bàng là kinh đô của hai ông đế Thuấn đế Nghiêu đức sánh tày trời đất.

Mục Dã và Minh Điều là khởi điểm của hai cuộc cách mạng Tàu: Thành Thang phạt Kiệt dựng nhà Thương, Võ Vương phạt Trụ dựng nhà Châu. Kiệt Trụ đây ám chỉ triều đình nhà Nguyễn, vua Tự-Đức, còn Võ-Thang là Cao-Bá-Quát vậy. Bình-Dương Bồ Bàng ám chỉ kinh đô Huế còn Mục, Dã, Minh Điều là đất Mỹ-Lương của lực lượng cách mạng.

Cao-Bá-Quát say sưa thực hiện cái chí đế vương ấp ủ từ ngày nào. Than ôi! thất bại dồn dập, Tiên sanh rút cuộc bị bắt. Bắt được người, nhà vua làm sao cướp được cái chí của người. Trong tù xa, sang sáng hơn lúc nào, kiêu hùng hơn lúc nào, Tiên sanh ngâm thơ — thơ sôi khí bạo nhiên của trời đất.

Khấp cùng vô trụ thiên vô bắc

Nộ đảo sơn hà địa dục đông.

Một chiếc cùm lim chun có ĐẾ.

Ba vòng xích sắt bước thì VƯƠNG.

Đến ngày ra pháp trường đưa cổ cho người chặt, Tiên sanh vẫn凛冽 như lúc nào, khí thiêng vút ngang trời mờ át hết trăng sao:

Ba hồi trống giục: đùn cha kiếp

Một lát gươm đưa: đéo mẹ đời.

Cả cuộc đời ngang tàng ấy, sống kiêu hùng, chết uy nghi, cả sự nghiệp văn chương ấy nhứt thiết đều do một ý chí kết thành: Ý CHÍ ĐẾ VƯƠNG.

Đời đã nghĩ gì về Cao-Bá-Quát?

Có người qui cái chết của nhà danh sĩ vào vua Tự-Đức không thức thời, không biết dùng người. Kể cũng đúng phần nào, song ta thử nghĩ hiền thánh như Nghiêu Thuấn kia còn bỏ sót Sào-Phủ, Hứa-Do ở rừng xanh hưởng nữa thường nhưn. « Khốn cho dân tộc nào ném đá vào các đấng tiên tri », thiên cổ không chau mày nghiêng rãng sao được trước cảnh Gia-Long giết văn hào Nguyễn-Văn-Thành, Tự-Đức giết thi bá Cao-Bá-Quát. Tuy nhiên Tự-Đức chưa là bạo chúa. Chúng tôi thiết nghĩ: một khi Cao đã nuôi chí đế vương rồi thì dầu vua đó là Tự-Đức, là Lý-Thái-Tổ, hoặc Thuấn Nghiêu đi nữa, Cao vẫn phất cờ cách mạng như thường. Làm cách mạng, đối với thi sĩ, là giải thoát một sự dồn ép, là giải quyết một bài toán tâm lý vậy. Ta há chẳng thấy Cao gặp cảnh nghịch thì bất mãn:

Quan sơn nan việt, Tử thị thất lộ chi nhưn

mà gặp cảnh thuận cũng bất mãn nốt — một khi chí cả chưa thành

Bình thủy tương phùn, Tử thị tha hương chi khách

Có người mượn lời thánh Khổng cho Quát chết vì tội ngạo : « Có tài như Châu Công kia mà kiêu thì tài ấy cũng đến bằng bỏ ». Song sự khinh thế ngạo vật của thi sĩ chưa phải là nhân : Cao ngạo mạn chỉ vì Cao ý thức được ngọn lửa nào đang đốt cháy lòng mình.

Nhà phê bình Nguyễn-Bách-Khoa có viết « Nguyễn-Công-Trứ sau này làm quan Cao-Bá-Quát sau này làm loạn : sự nghiệp quả đã nắp sau câu văn từ thuở thơ sinh bạch diện ». Chúng tôi xin phép thêm : từ thuở

*hơi miệng sữa tuổi còn giọt máu
chòm tóc xanh còn chấm ngang vai*

có thể mới thấy cái chí để vương của Cao nuôi từ tấm bé đã quyết định tất cả hành động của Cao.

Hơn nữa, làm loạn đây xin hiểu là làm cách mạng, và làm cách mạng theo đường lối Võ Thang « thuận lẽ trời, ứng lòng người », dùng bạo lực xô bạo lực.

Trong một buổi thuyết trình, cụ Ứng Hòe Nguyễn-Văn-Tổ có nói : « Xưa nay bậc văn hào không những đã được việc phi thường mà lại còn làm những điều phi pháp nữa » Bằng lối nhận xét hình thức và « thống trị » trên, chúng tôi e cụ Nguyễn đã đem thành bại mà luận anh hùng đó.

Tiếp theo đây chúng ta thử nhờ quyền thuộc và thân bằng của thi sĩ rọi đôi tia sáng vào tâm linh u uất kia.

Ngày trước cụ đồ Cao có phê bình hai con như vậy : « Văn của Bá-Đạt còn hơn về khuôn phép, nhưng kém về tài tứ, văn của Bá-Quát hơn về tài tứ nhưng kém về khuôn phép ». Đối với người đã nuôi chí

*quyết xoay bạch ốc lại lầu đài
quyết ném thanh khâm sang cấm tú*

thì khuôn phép kẻ bằng thừa. Ai hiểu son hơn cha, chúng ta e cụ đồ chưa nói hết ý mình đó.

Qua TỰ-TÌNH-KHÚC, Cao-Bá-Nhạ nói gì về cha và chú? Tuy kín đáo, thái độ của sự biểu đồng tình, mặc dầu vì Quát mà ba họ phải liên lụy. Đành « được vua, thua giặc », Nhạ vẫn tin tưởng mai sau sẽ có một lời phê phán « đẹp » hơn đối với việc làm của chú :

Trăm năm công luận phẩm bình về sau

... Thế gian kẻ khóc người cười

Muôn đời để SẠCH, muôn đời để DƠ

Có điều lạ là cũng văn tư tưởng SẠCH và DƠ ấy hiện lại dưới ngòi bút của Phương - Đình Nguyễn-Văn-Siêu. Thần Siêu khóc Thánh Quát rằng :

— *Ta tại ! quán CỔ tài danh, nan đề nan huynh, bất thể ngẫu sanh hoàn ngẫu tử*

— *Dĩ hi ! đão ĐẤU sự thế, khả liên khả ố, hồn trần lưu xứ diệc lưu phương.*

(Thương thay tài điệu tuyệt vời. khó anh khó em, một cặp cùng sanh lại cùng thác

Thôi nhẽ sự cơ đến vậy, đáng thương đáng ghét, ngàn năm giây xấu cũng giây thơm). (4)

Ngoài những chữ phản nghĩa dụng ý ghép kề nhau gây được một ấn tượng đảo điên rất thần tình (liên và ố, xú và phương), hai chữ Hồn trần hạ ở đây tưởng cũng đủ đánh giá được việc làm của Thánh Quát dưới mắt thần Siêu.

SỰ LẬP CHÍ CAO-BÁ-QUÁT

Ngoài câu đối bất hủ trên, cụ Phương-Đinh còn bài thơ viếng như sau, tứ thơ đầu kín cũng không dấu được cảm tình của thi sĩ đối với việc làm của bạn tâm giao : trong thời cuộc đó (hà xứ ổn), đối với vua ấy (sĩ lưu tâm), trong hiện tình học thuật ấy (ngô đạo), việc làm của ông cử Phú Thị « tỏ mờ chưa dễ biết » :

Duy biên thơ sử bích biên cầm
Nhứt mộng du du thất hảo âm.
Sơn hải di tung hà xứ ổn
Hương quan ly hận thử hồi thâm.
Văn chương hữu mạng tương chung thị
Thanh khí đồng bí tự cổ cầm (kim).

Ngô đạo vị kham phân hiển hối
Âu y kỳ nãi sĩ lưu tâm.

Ông Nguyễn-Văn-Đề dịch :

Đàn còn bên vách, sách bên màn
Một giấc ngàn thu bật tiếng vang.
Điền đảo non sông nhòa lối cũ
Âm thầm đất nước giấu tình thương.
Duyên văn đã kết đay cùng đó
Nghĩa cũ dù ai nhớ chẳng buồn.
Đạo học tỏ mờ chưa dễ biết
Cửa người khép nép mãi sao đương.

NGUYỄN-ĐỨC-TIỂU



CHÚ-THÍCH. — (1) Xem Bài « Quyền Thi văn bình chữ, đoạn V », nói về Cao-Bá-Quát của cụ Ưng Hòe Nguyễn-Văn-Tổ đăng trong tạp chí Tri Tân số 94 và 95 ngày 6 và 13-5-1943. Các tài liệu về họ Cao, cụ Nguyễn dịch ở bộ « Đại Nam chính biên liệt truyện, nhị tập, nghịch thần » và Quốc triều hương khoa », cùng « Cao-Bá-Quát thi tập » của trường Viễn-Đông bác cổ viết bằng chữ Hán.

— (2) Nghĩa : Mặc áo gấm ngoài khoác áo mỏng, người quân tử làm vậy, vì ghét cái vẻ lòa lợt. (câu này mượn chữ ở bộ kinh Trung Dung)

— Khen Tô ngời Tấn, thánh nhơn cùng chẳng đã mới dùng đến quyền biến. (câu này lấy ý ở việc đức Khổng chép kinh Xuân Thu).

Ngoài nghĩa kinh sách ra, còn có nghĩa trắng trợn chọc hai ông Trứ và Quyền.

— (3) Nghĩa : « Mấy ví không răng sao chóng đến trước tao ? » Câu này chiết tự chữ NHA, vì trong chữ NHA 牙 có chữ NHẢ 牙 là răng. Ngoài ra tác giả còn chơi ở chữ CẦU là « ví như » trùng âm với chữ CẦU là chó, từ chữ CHÓ mới hạ được chữ RĂNG. Ác thật !

— « Ta còn lưới dây há chịu thua người. » Câu này chiết tự chữ QUÁT vì trong chữ QUÁT 𠂔 có chữ THIẾT 舌 là lưỡi.

— (4) Rất tiếc bản bịch này của ông Trứ-Khê chưa lột được nguyên văn ở hai chữ CỒ và ĐÀU chỉ sự chết chém.

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ-DO

hàng ngày các bạn hãy đọc

nhật báo TỰ-DO

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ-DO

SOCIÉTÉ INDOCHINOISE DE DOCUMENTATION
et de
REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & Co**
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIÈRE

S. U. F. O.

18, BEN BACH DANG — SAIGON

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG - SAIGON

NGƯỜI CHĂM CHÂU ĐỐC

(xem từ B. K. số 135)

SINH HOẠT XÃ-HỘI

c) Quyền thừa kế.

Ít lâu sau khi một người chết, dù tài sản có bao nhiêu cũng phải đem ra phân chia theo tục lệ.

Sự phân chia đó phải đi từng cấp bậc từ trên xuống. Nếu tài sản có liên quan đến một người chết trước kia mà chưa kịp chia thì phải chia gia-tài của người này trước đã, chớ không phải gộp lại làm một được. Thí dụ người cha chết, mà gia-tài, từ khi người ông chết chưa kịp chia thì phải chia gia tài người ông để lại trước đã, rồi mới chia đến lượt gia-tài người cha sau.

Buổi phân chi thường đặt dưới quyền chủ tọa của Hakem bên cạnh có các vị Ahly, và người trực tiếp đứng ra phân chia thường là các «Môn» căn cứ vào quy định của Kitab.

Trước hết, tất cả tài sản, của cải của người quá vãng được kê khai và lần lượt được Hội đồng thỏa hiệp cùng với những người trong thân quyền đánh giá bằng iền.

Tổng số tiền ước lượng sẽ được phân chia thành các phần mà mỗi người được quyền hưởng và sẽ căn cứ vào sổ tiền đó để thỏa hiệp với nhau, người nhận món gì, vật gì. Nếu

NGƯỜI CHĂM TẠI VIỆT NAM NGÀY NAY

một vật mà giá trị vượt quá, người nào nhận vật đó phải trả lại chỗ quá giá bằng tiền cho Hội đồng để trao lại cho phần người khác.

Giá ước lượng không nhất thiết là giá thị trường, mà trái lại đôi khi chỉ có tính cách tượng trưng và tùy thuộc vào sự nhân nhượng và giàn xếp nội bộ gia-đình.

Như vậy của cải được chia sẽ không thuộc đặc quyền của một người nào trong thân quyền.

Nói khác đi, người Chăm Châu-độc không có định phần hương hỏa trong sự phân chia gia-tài. Phần lớn mọi việc tùy thuộc sự thuận tiện. Thí dụ một thửa ruộng lúc đó đã do một người canh tác, thì người con đó sẽ giàn xếp để làm chủ thửa ruộng ấy luôn. Nhưng điều cần thiết là phải có sự thỏa hiệp của những người con khác. Bằng không thì thửa ruộng sẽ bị phân chia ra và người đó chỉ được hưởng một diện tích tương ứng với hưởng phần của mình mà thôi.

Nguyên tắc phân chia gia tài rất phức tạp, thường chỉ có các vị chức sắc trong thôn ấp mới am tường.

Trước khi chia, người ta bỏ riêng ra những phần bìn của người chồng hay vợ kẻ quá vãng, tức những của cải đem lại gộp chung vào tài sản vợ chồng sau khi làm lễ cưới được 3 ngày.

Đại cương, đứa con trai được hưởng hai lần nhiều hơn đứa con gái, và khi người cha chết mà có con

trai thì đứa con trai này được hưởng cả, bà con bên cha không được xen vào !

Khi vợ chết, người chồng được hưởng $\frac{1}{4}$ của cải, còn lại $\frac{3}{4}$ chia cho các con trên căn bản con trai 2 phần, con gái một như trên.

d) Tang lễ và thờ cúng.

Khi hay tin một bệnh nhân đang hấp hối, một số người láng giềng liền được huy động đến, cùng nhau đọc thánh kinh Coran. Người ta tin rằng khi nghe đọc như vậy, trí óc bệnh nhân sẽ được sáng suốt và trút linh hồn với đầy đủ đức tin của người Hồi.Cáo.

Khi bệnh nhân tắt hơi, một người trong thân sẽ thắp một ít nước vuốt mặt cho bệnh nhân tục gọi là « pagalao ».

Các vị bề lão thường khuyên các thân quyền hãy thương kẻ quá vãng và không nên khóc lóc kẻ lìa.

Hàng xóm được ông « Seak » thông báo, ngưng các công việc hàng ngày để cùng các thanh niên đào huyệt tại nơi mà họ hàng người chết đã thỏa thuận.

Nơi chôn tốt nhất là trên khoảng đất chung quanh Thánh Đường chánh (masdjid), nhưng mấy chỗ này hiện đã chật, nên người ta chỉ dành để chôn cất trong mùa nước lụt. Bình thường người ta chôn tại đất nhà, nhưng không phải nhất nhất phải chôn gần mồ mẹ như người Chăm miền Trung.

Huyệt thường đào sâu khỏi đầu người chiều dài hướng Đông Tây, và bên vách đất hướng Nam ở dưới cùng, người ta khoét một cái lỗ đặt vừa tử thi. Do đó, tử thi luôn luôn nằm lệch sang một bên huyệt, có một tấm ván chặn lại và người ta thường lựa ván nào mau mục nhất để làm tấm vách này.

Người Chăm ở đây không dùng hòm, vì điều kiện là tử thi phải nằm trên đất, mình nghiêng, mặt hướng về phía Nam, đầu phía Tây, chân phía Đông, một ngón chân cái sẽ chắm vào đất.

Thường người ta chôn ngay trong ngày, chớ không quản trong nhà lâu.

Trước hết, tử thi được tắm rửa sạch sẽ; công việc này thường do những người trong thân quyến làm lấy.

Áo quan gọi là « *ka-phanh* » gồm 3 lớp vải trắng mà người ta xé chớ không cắt và không may.

Bên trong, nơi cùi chỏ và đầu gối có bó một lớp gòn, rắc bột băng-phien và long não.

Một số người sẽ được mời đến để cầu nguyện cho người quá vãng và cùng chứng rằng tử thi đã được sửa soạn đúng cách sạch sẽ và tốt đẹp.

Các công việc trên, người Chăm trưởng thành nào nếu hiểu biết rõ tục lệ đều có thể đảm trách được chỉ có giới tăng lữ mới làm được như ở Phan-Rang Phan-Rí.

Tử thi được đặt nằm trên một tấm ván, do nhiều thanh niên khiêng đi. Nếu đường xa người ta dùng một cái cang gọi là « *hanh đu* » có mũi tre bên trên.

Đoàn người đưa đám thỉnh thoảng ngừng lại; người ta nói là để cho linh hồn kẻ quá vãng nhả nhủ với cỏ cây.

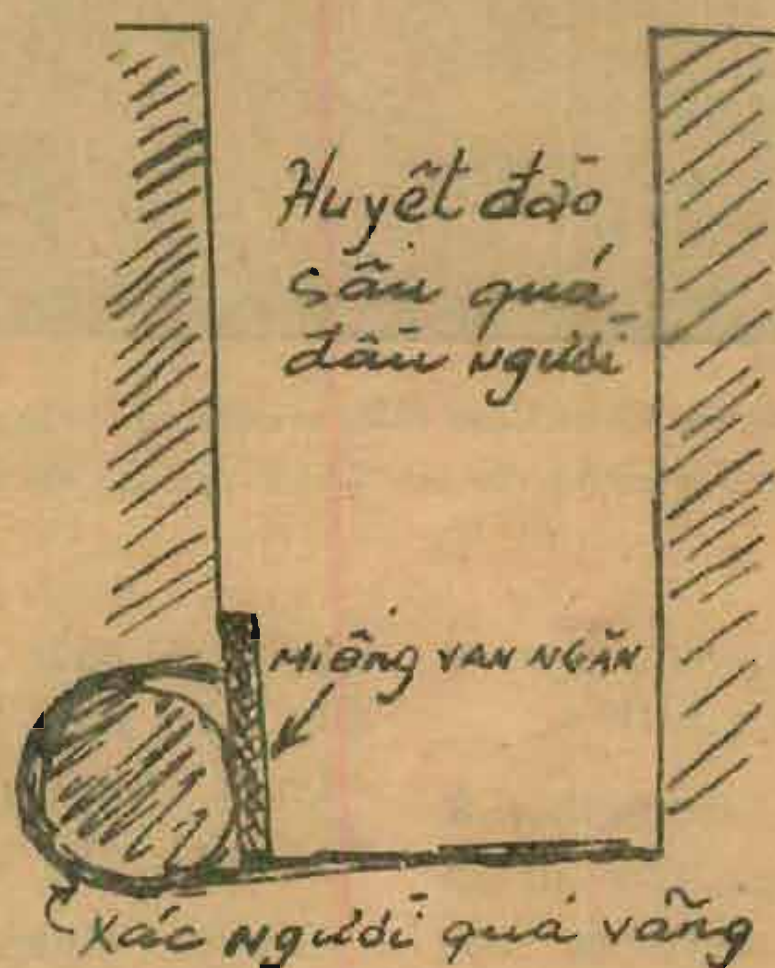
Không kèn, không trống, không tiếng khóc than, đám táng cử hành yên lặng.

Mổ nhà giàu cũng như nhà nghèo đều đắp đất như nhau, chớ không xây được; hai đầu có hai tảng đá khắc tên người quá vãng cùng ngày chết.

Từ ngày chôn đến ngày thứ 40, một người trong họ hoặc một người được thuê đọc Thánh Kinh Coran bên phần mộ một cách thường xuyên và cần thiết nhất là lúc mặt trời lặn và khi mặt trời mọc.

Việc đọc Coran như vậy gọi là « *baik deah Ka Si Kabô* » để tưởng niệm người quá vãng.

Ngay buổi tối bữa chôn, mọi người sẽ tụ họp tại nhà người chết hoặc tại





Buổi ra về của một số đồng bào Chăm Châu-Đốc, sau khi dự lễ cầu nguyện ở Thánh Đường. Những cột trụ đá ở phía trái là những tấm bia của các ngôi mộ chung quanh Thánh Đường.

Surao để cùng đọc kinh cho hương hồn kẻ quá vãng gọi là « *tahalêl* ».

Việc làm tuần sẽ thực hiện ngày thứ 3, thứ 7, thứ 10, thứ 30, thứ 40 và 100. Và từ đó nửa năm sẽ cúng một lần. Việc cúng trong những ngày kể trên gọi là « *ngăk pathi* » có ý nghĩa là tập hợp một số người với ý niệm hướng về người đã khuất để cùng đọc một số bài Kinh trước hương trầm nghi ngút. Đọc xong, mọi người cùng dùng cơm.

Tập tục không có việc thờ phượng người quá vãng bằng những bài vị như trong phong tục Việt.

Cho đến cả việc cúng kiến cũng vậy, người ta có thể cúng lúc nào cũng được và một cách giản dị là khi có món ngon vật lạ muốn tưởng niệm

người đã mất thì người ta thường đưa đèn nhà các ông « môn » hoặc « Imam » kẻ cận để nhờ mấy ông này đọc kinh cầu nguyện cho (*căm gọi*).

Tuyệt nhiên, không bao giờ có việc lạy, vì như sẽ trình bày, họ chỉ « lạy » theo một số quy định của Coran tức « *Sambahyang* », mỗi ngày 5 lần mà thôi và việc này là hướng về Thượng Đế duy nhất là Olloh.

Điều đáng chú ý là thường người chết tại đâu thì chôn tại xã đó, chớ ít di chuyển từ làng này sang làng khác và một khi chôn rồi. Ngôi mộ đó được xem là ngôi mộ vĩnh viễn, tuy rằng tập tục bắt buộc phải giản dị và chỉ là nằm mố đất mà thôi.

Việc cải táng di chuyển hài cốt hoàn toàn bị cấm chỉ.

III. — TÍN NGƯỞNG

Người ta được biết rằng Hồi Giáo trên thế giới được chia thành 4 môn phái chính yếu, chỉ khác biệt nhau trên một số quan điểm diễn dịch, giáo pháp hoặc về một số chi tiết nhỏ nhất có tính cách nghi lễ như cách đứng, cách ngồi khi hành lễ chẳng hạn.

Môn phái « *Malékite* » chủ ngữ miền Bắc Phi-Châu để dung hợp nhất đối với những người ngoại đạo.

Môn phái « *Hanéfite* » lan tràn tại các nước Thổ-Nhĩ Kỳ, một phần tại Algérie, Tunisie...

Môn phái « *Lanbalite* » lãnh đạo tỉnh thần Arabie Séoudite.

Các nước Á-Châu có môn phái « *Chaféite* » nên người Chăm Châu-Độc hành động theo môn phái này.

A) Rường cột giáo lý.

Rường cột giáo lý của người Chăm Châu-Độc gồm có 5 điều chính mà họ gọi là « *Rukun Islam* » vốn là những điều căn bản tối thiểu mà mỗi người phải biết và thực hành.

Đó là :

- 1) « *Kalimah Sahadat* »
- 2) « *Sămbahyăng* »
- 3) Nhịn đói tháng Ramadan.
- 4) Bỏ thí (Zakat)
- 5) Hành hương tại Thánh địa Mecca

1) *Kalimah Sahadat*

« *Kalimah Sahadat* » là 2 câu kinh nhật tụng bằng chữ Ả-Rập, căn bản đức tin của người Hồi giáo.

« *Ashadu Alla, ila, ha-illoll-loh*

« *Wa ashadu anna Muhămmadar-ro su, lulloh* ».

Câu thứ nhất có nghĩa là công nhận không có đấng cao cả nào khác và chỉ có Olloh là Thượng-đề mà thôi.

Người Chăm Châu-Độc tin chỉ có một Thượng-đề và Thượng-đề đó là « *Ollloh* » (phiên âm theo họ đọc; sách Tây phương viết là *Allah*). Sự hiện tồn của Olloh có tính cách vĩnh cửu, « không có khởi đầu và không có tận cùng »; Olloh không có màu sắc không hình ảnh, không thể hiện dưới hình thức nào cả, vì vậy họ tuyệt đối không thờ phụng những thần linh, những bụt, những bức tượng mà theo họ thực ra chỉ do con người nặn tạo ra rồi gán cho nó một ý nghĩa thiêng liêng giả tạo.

Câu thứ hai đoạn quyết *Nabi Muhammad* (tức *Mahomet* trong các sách Pháp) là Thiên sứ (Ro-sôl) của Olloh, một bậc vĩ nhân nhưng vẫn chỉ là một người được Olloh chọn lọc trong các vị Thiên sứ, mang giáo lý của Olloh truyền bá trong nhân loại, dưới trần thế.

Hai câu trên dường như khắc ghi vào tâm não của mọi người Chăm Châu-Độc từ bé đến lớn; người ta đọc nó trong các lễ cầu nguyện hằng ngày, và cả đến những lúc nông giã, cần chề ngữ mình để được bình tĩnh hơn, họ cũng thốt ra câu « *La ila ha illolloh* ».

2) *Sambahyāṅg*.

« Sambahyāṅg » vốn là một danh từ Mã-lai du nhập vào tiếng Chăm phiên dịch danh từ « Usgolli » của Á-Rập có nghĩa là sự hành lễ, cầu nguyện, tiêu biểu lòng thần phục của mình trước olloh « Thượng đế duy nhất » chế ngự vũ trụ.

Việc cầu nguyện ở đây có tính cách bắt buộc đối với tất cả mọi người, nam nữ đến tuổi trưởng thành (15 tuổi), có lý trí v.v...

Lễ cầu nguyện có thể cử hành tại tư gia riêng rẽ cho mỗi người hoặc cùng chung tại Thánh đường.

Như đã trình bày trước. Thánh đường có 2 thứ; một thứ nhỏ cho từng xóm gọi là « Surao » chỉ là một căn nhà trồng thường bằng cây đồng thời cũng dùng làm nhà hội cho thôn xóm.

Còn Thánh đường chánh gọi là « Masdjid » làm bằng gạch, kiến trúc nguy nga bên cạnh có một cái tháp cao.

Chiều dài của Thánh đường luôn luôn hướng theo Đông Tây; phía Tây gọi là « Kibla » hướng của Thánh địa Mecca.

Bên trong Thánh đường cũng trồng trái; tại vách trong cùng, có một lỗ thủng lõm vào gọi là « mihrab » là nơi ông « Imām » đứng điều khiển lễ cầu nguyện tập thể trong các ngày Thánh lễ.

Bên cạnh có xây những bậc thang, trông như chiếc ngai, là nơi ông Katip ngồi giảng ngày thứ sáu (*khotibah*) gọi là « mimbar » « Sambahyāṅg » gồm một số động tác đứng khoanh

tay, khom lưng tay chông đầu gối, quỳ trán áp sát đất v. v. . . . và nếu trong một cuộc hành lễ tập thể thì động tác của vị Imām hướng dẫn và của tất cả tín đồ đứng sau đều cùng một nhịp với nhau.

Mỗi ngày, phải « Sambahyāṅg » 5 lần và mỗi lần như vậy gọi là một « Waktu » có những tên khác nhau :

- a) Suboh vào lối 6 giờ sáng.
- b) Zuhor vào lối 1 giờ trưa.
- c) A Sār vào lối 5 giờ chiều.
- d) Magreb vào tối 7 giờ tối.
- e) Y sa vào lối 8 giờ tối.

Giờ giấc hành lễ kể trên mỗi ngày đều được báo bằng một hồi trống lối 10 phút sau thì mọi người đều nghe văng vẳng tiếng của vị « Bilal » từ trên tháp cao vọng lại, kêu gọi mọi người đến Thánh đường hành lễ.

Những người không đến Thánh đường có thể hành lễ tại nhà, bằng cách trải một tấm vải hoặc một chiếc chiếu nhỏ hướng về phía Tây và cùng làm một động tác.

Trước khi hành lễ bắt buộc phải lấy nước thánh (ablutrin) ít ra cũng phải rửa sạch mặt, hai tay, hai chân.

Sau những buổi « Sambahyāṅg » thường có lễ cầu nguyện, mọi người ngồi yên hai bàn tay ngửa ra nâng lên ngang ngực, nghe lời nguyện của vị Imām và đồng đáp « Amin » mỗi khi có chỗ ngừng.

DOHAMIDE

Kỷ tới : Đức tin và những điều kiêng cử.

PASTILLES : { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BẢO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tàn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000 000 N. F.
siège social : 15 Bd des Capucins Paris 9^e

SAIGON

PHNOM-PENH

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM
151, Hq 16 NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)
Téléphones : 21.902 — (3 lignes)
92 797 — B.P.E. 5

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 541
B.P. 192

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35,601

P.O. Box no 763

La B. N. C. I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en : O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Metta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

Hoàng-tử nạp phi

TRONG khi nói đến công chúa lấy chồng, tưởng ta không nên bỏ qua việc hoàng tử cưới vợ.

Ông hoàng cưới vợ, chữ gọi là hoàng tử nạp phi. Nhưng chữ này chỉ dùng dưới triều Gia-Long mà thôi. Triều Nguyễn riêng có hai ông vua Gia-Long và Bảo-Đại là có làm lễ sách lập Hoàng-hậu, còn các vua khác, tuy các bà trong cung cũng có thứ bậc lớn nhỏ nhưng không bà nào được phong làm hoàng-hậu cả. Trên vua không có hoàng-hậu, thì các hoàng-tử ở dưới cũng noi theo đó mà không lập chánh phi. Các bà chỉ gọi là phủ thiếp (nàng hầu trong phủ)

Đến năm 18 tuổi, hoàng-tử không được ở trong Cung nữ mà phải ra ngoài, chữ gọi là xuất phủ. Trong mỗi phủ có quan văn võ để giúp việc (phần nhiều là các quan phẩm hàm nhỏ) và một số lính hầu, lương bổng đều do Chánh phủ cấp.

Một khi Hoàng-tử đã xuất phủ rồi, vua cha liền nghĩ đến việc kiếm đôi bạn cho con.

Nhân những buổi hội họp trong triều hay dạo chơi hồ Tịnh-Tâm, vườn Thượng-Uyển sau khi bàn xong việc nước vua mới nói đến việc nhà và hỏi xem trong đám quần thần, có ông nào muốn gả con gái cho hoàng-tử. Khi đã có một ông quan nhận lời, lúc ấy vua mới bắt đầu nghĩ đến hôn lễ.

*
* *

Trước hết, vua chọn hai vị đại thần tuổi tác, vợ chồng con cái sum vầy để sung vào chức Chánh phó sứ. Ngài diện dụ (1) rằng : Nay trẫm đã định cưới con gái của Tham-tri Trần-Bính cho Hoàng-tử Miên-Nghi vậy hai khanh hãy lo liệu công việc.

(1) Vua bảo bề tôi, trong khi hai người gặp mặt nhau, chứ không có giấy tờ gì cả.

HOÀNG TỬ NẠP PHI

Sau khi lãnh mạng, viên Chánh sứ cầm mao tiết, tượng trưng cho quân quyền, cùng với viên Phó sứ và đoàn tùy tùng, tàng lộng cờ quạt theo hầu đi đến nhà gái.

Nhà gái đã được báo trước để sửa soạn. Ngay giữa nhà đặt một cái hương án xây về hướng nam, phi phụ (3) mặc áo rộng xanh đứng chực để nghinh tiếp. Lúc vào nhà, viên Chánh sứ đứng bên tả và viên phó sứ đứng bên hữu hương án, đều xây mặt về hướng nam, phi phụ ra quỳ trước hương án.

Viên chánh sứ lớn tiếng truyền rằng: Vâng chỉ Hoàng-Đề, thứ nữ của Tham tri Trấn-Bình (4) kết duyên với Hoàng tử Miên-Nghi. Ngày 2 tháng 3 này vào điện để lãnh mạng. Phi phụ lạy 5 lạy.

Một tiệc rượu đã bày sẵn để khoản đãi. Sau đó hai ông chánh phó sứ trở về phục mạng.

Đến ngày 2 tháng 3 phi phụ vào chầu vua lạy 5 lạy để tạ ân và phi mẫu thì vào cung để lạy tạ Hoàng-hậu.

* *

Khâm thiên Giám có nhiệm coi ngày để tiến hành hôn lễ. Theo chỉ thị của vua, bộ lễ sắm hai thoi vàng, 4 thoi bạc, 2 cây găm, 6 cây lụa, 20 cây vải, chọn toàn thứ hảo hạng; 1 đôi xuyến, 1 đôi hoa tai, 1 bộ trâm vàng, hai chuỗi hạt châu, hai vỏ rượu, một mâm cau trầu, 1 con trâu, 1 con bò, 1 con heo. Các con vật này đều sơn đỏ ngay cả cái cũi và sợi dây cột cũng vậy.

Các lễ vật đều viết vào một tờ thiếp đựng trong tráp đỏ.

Trước ngày nạp lễ một hôm, tại điện Cấn chánh có một buổi lễ thiết triều. Giữa điện kê một cái bàn trên đó có cờ mao tiết và tráp thiếp. Trước sân vẫn võ bá quan voi ngựa dàn hầu. Vua lên ngồi trên ngai và bá quan lạy năm lạy xong, Đại thần Hồ-Thông ra quỳ để nghe vua phán. Ngài truyền cho biết về giờ ngày của hôn lễ sắp cử hành nay mai. Quan Hồ-Thông lui ra thì một viên quan khác, Đại thần Lê-Đức cầm mao tiết, một nội cung bà Huỳnh-thị-Lê bưng tráp thiết ra theo.

Vừa bước xuống khỏi thềm, Đại thần Hồ-Thông truyền rằng: « Có chỉ của Hoàng-Đề ». Hai quan Chánh, Phó sứ chạy ra giữa sân quỳ xuống để nghe mệnh lệnh.

Đại thần Hồ - Thông lại truyền: « Nay phụng chỉ cưới con gái quan Tham tri Trấn-Bình cho Hoàng tử Miên-Nghi, Hoàng-Đề ủy cho chư khanh cử hành lễ Nạp thẻ ». Hai quan chánh phó sứ ra lạy năm lạy. Đại thần

(2) Mao tiết: giống như chiếc gậy, đầu mũi hơi cong có dây cột thông xuống dọc theo cán gậy. Dây làm bằng thứ tơ lớn và cứ mỗi đoạn lại có nổi lên như hình cái hoa. (Mao: lông, tiết: đốt, cái gậy có từng đốt).

(3) Tội dùng chữ phi phụ và phi mẫu tức là ông thân và bà thân cô dẫu để gọi cho gọn. Chữ này xưa lắm rồi và chỉ có trong sách chữ ít ai dùng đến.

(4) Những tên riêng trong bài này không có thật. Chúng tôi tự đặt ra để cho tiện trong lúc viết.

Lê-Đức trao mao tiết cho viên Chánh sứ, Nội cung Huỳnh-thị-Lê trao tráp thiệp cho viên Phó sứ. Hai vị đại thần nầy quỳ xuống để nhận. Một viên quan bộ Lễ ra tâu: « Buổi lễ đã kết thúc! » Hoàng-Đế lên kiệu ngự về cung cấm.

Hai quan Chánh, Phó sứ cầm mao tiết và bưng tráp thiệp đèn ngôi nhà gọi là Văn võ công thự. Ở đây, lễ vật đã được sắp đặt sẵn trên những cái án sơn son thếp vàng.

Đoàn người lên đường để đi đèn nhà gái: Hai quan Chánh, Phó sứ vài vị đại thần, các bà mạng phụ, quân lính gánh phẩm vật.

Đền nơi mọi người đều dừng lại trước rạp, Phi phụ ra rước vào nhà. Mao tiết, tráp thiệp cùng các lễ vật đều để lên bàn, trâu bò cại để ngoài sân. Quan Chánh sứ đứng bên tả hương án, quan phó sứ đứng bên hữu, phi phụ đứng trước án. Một viên quan bộ Lễ xướng: « Phi phụ hành ngũ bái lễ ». Quan Tham tri Trần Bình lạy năm lạy.

Lại xướng: Quì.

Phi phụ quỳ.

Quan Chánh sứ đưa tráp đựng vàng bạc châu báu, Ông Trần Bình tiếp lấy đưa lên ngang trán để tỏ lòng cung kính đoạn chuyển lại cho một viên quan quì gần đây nhận lấy đặt lên bàn. Sau đó viên phó sứ trao hòm thiệp Phi phụ cũng lại tiếp nhận đưa lên ngang trán và chuyển giao cho viên quan quì gần đây. Phi phụ lạy năm lạy để tạ ân vua.

Hai vợ chồng quan Trần Bình mở tiệc khoản đãi mọi người.

Sau lễ nạp thẻ đèn các lễ khác. Phẩm vật đi cho nhà gái gồm có vàng bạc, hoa tai, trâm, xuyến, hàng lụa, trâu bò v.v...

Ngoài ra, có một lễ gọi là lễ phát sách, tức là nghi lễ cuối cùng cả trước khi cô dâu từ giã gia đình cha mẹ để về nhà chồng.

Nhà vua cho làm một quyển sách bằng vàng (kim sách) nói về cuộc hôn phối giữa bà phi và hoàng tử cùng là lý lịch của hai người và sắm cho bà phi: mũ, áo, giày và chiếc kiệu.

Cũng như các lễ trước, vua ra triều truyền chỉ cho các quan, lễ vật sắp đặt sẵn tại ngôi nhà văn võ công thự, nhưng chỉ khác là lễ nầy có mấy bà nội cung đi theo và lúc đi đường có cử nhạc.

Sau khi phi phụ đã rước mọi người vào nhà thì quan chánh sứ cầm mao tiết, quan phó sứ bưng tráp đựng kim sách, các người dự sự mang lễ vật.

Phi phụ lạy năm lạy bước ra thì một nữ quan vào đứng trước hương án. Quan phó sứ trao kim sách, nữ quan quì xuống để nhận.

Nữ quan, thị nữ bưng kim sách và các lễ vật vào nhà trong. Từ phòng khuê, phi mẫu đưa cô dâu ra nghinh tiếp. Kim sách đặt lên hương án.

Nữ quan dẫn cô dâu đèn trước hương án lạy năm lạy đoạn đưa vào phòng riêng thay bộ triều phục của

HOÀNG TỬ NẠP PHI

vua ban. Nữ quan lại đưa cô dâu ra quì trước hương án để nghe đọc kim sách. Đọc xong, nữ quan giao kim sách cho bà phi. Bà nhận lấy đưa ngang trán, trao lại cho một nữ quan khác đặt lên hương án.

Người trong nhà dọn hương án lại một nơi và thay vào đó một cái ghế đặt lên trên một cái bục. Nữ quan mời bà Phi ngồi vào ghế. Các bà mạng

phụ, thị nữ, sắp hàng lạy mừng bà phi bồn lạy.

Một bữa tiệc của nhà gái bày ra để khoản đãi và sau đó đưa cô dâu về Phủ của ông hoàng.

Qua ngày hôm sau thân phụ và thân mẫu bà phi vào cung để tạ ơn vua và hoàng hậu.

BỮU-KẾ

* Tôi tin tưởng ở giá trị của sự hợp tác, dầu là phải hợp tác với người tôi không ưa thích. Miễn là sự hợp tác ấy dẫn dắt tôi đến gần lí tưởng.

Elbert Hubbard

QUÝ-VỊ HÃY ĐẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẼM TẠI THỦ-SĨ

HERMES



LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone: 20.821 — SAIGON

danh nhân

CLAUDE BERNARD

CỔ - LIÊU

Sở dĩ ngành sinh vật học hiện đại biết những thực hiện huy hoàng là vì cách đây gần 100 năm Claude Bernard đã dứt đoạn với quan niệm bảo thủ về sinh lý học của thời đại ông, mở đường cho sinh lý học hướng về những phương pháp thực nghiệm và tìm tòi mới mẻ. Sự nghiệp của ông ngoài giá trị học thuật còn là một sự nghiệp cách mạng khoa học đáng làm tấm gương tranh đấu cho sự thật. Suốt đời ông tận tụy bảo vệ những quan niệm đúng đắn, chống lại những tư tưởng sai lệch của cả một thế hệ.

Thuở ấy y học bị giam hãm trong khuôn khổ một hệ thống triết lý siêu hình. Nhà bác học hướng về một thực thể vô hình vô tướng là cái « lý » của sự sống, là nguyên-nguyên của dòng sông, để cắt nghĩa tất cả thiên hình vạn trạng những hiện tượng dịch hóa trong cơ thể sinh vật với quan niệm ấy nhà bác học đặt cho khoa học một mục đích xa xôi



Claude Bernard

quá, những câu hỏi về thiên nhiên để ra mờ mịt, mông lung. Thiên nhiên chỉ trả lời khi người ta biết cách đặt câu hỏi. Giá trị của tư tưởng Claude Bernard chính ở điểm nghĩ ra phương pháp đặt câu hỏi một cách khoa học.

Ông nhận thấy cần phải tách rời khoa học khỏi triết lý thuần túy, đúng

hơn, khỏi một hệ thống triết lý. Nhà bác học không bắt buộc phải tham chiếu một hệ thống tư tưởng nào, không có thành kiến, dẹp bỏ hẳn chủ quan để được hoàn toàn tự do đối thoại với thiên nhiên, và chỉ công nhận một sự thật khi nào đã có kiểm soát đến nơi đến chốn bằng thực nghiệm. Đó là nguyên tắc làm việc khoa học, chống đối hẳn lối suy nghiệm dựa vào kinh nghiệm đương thời của Claude Bernard. Ông không hề phủ nhận triết lý siêu hình, không phủ nhận cái sức sống huyền diệu tiềm tàng trong cơ thể sinh vật. Cái « lý » của sự sống không thể cắt nghĩa hoàn toàn bằng những hiện tượng lý hóa, nhưng khoa học không nên có hoài bão cao xa tìm hiểu cái « lý » ấy, mà phải đặt cho mình những mục tiêu gần hơn là tìm hiểu những hiện tượng lý hóa, trực tiếp chi phối đời sống sinh vật. Khoa học không được ôm đồm tham vọng triết lý vì khoa học chỉ có lý do tồn tại khi biết dừng lại ở giai đoạn suy tầm liên lạc nguyên nhân kết quả trực tiếp của sự vật bằng những thực nghiệm cụ thể. Nguyên tắc này có giá trị không những trong lãnh vực y học của Claude Bernard, mà trong hết thảy mọi lãnh vực khoa học. Bởi vậy thế hệ sau công nhận ông làm tổ sư của phương pháp y học thực nghiệm; trên phương diện này, ông có công bồi đắp phương pháp suy luận của Descartes và đem áp dụng vào một lãnh vực mới mẻ: lãnh vực sinh vật học.

Claude Bernard sinh trưởng tại một gia đình trung lưu ở Sain Julien de Villefranche, quận Rhône nước Pháp. Thuở nhỏ ông là một cậu học trò tầm thường, lẩm lì, đã sớm nghe tiếng gọi của văn chương. Khi vào làm cho một viện bào chế ông viết vở kịch Arthur de Bretagne, có tham vọng đưa vào nhiều tính chất: lịch sử, lãng mạn, du dương, có cái đặc biệt là chẳng ai có can đảm đưa lên sân khấu.

Tuy nhiên cậu Claude vẫn không nỡ dứt tình với văn chương. Cậu mang theo đứa con tinh thần đến Ba-Lê. Một kịch sĩ đọc tác phẩm ấy và khuyên:

— Nên liệng vào sọt rác thì hơn. Ông đã làm cho một tiệm bào chế, thử vào y học coi, có cơ kiếm ăn được.

Tuy thất vọng sâu xa nhưng ông cũng không muốn làm phiền văn giới nữa. Trở về theo y học, ông đã chọn đúng con đường đưa đến vinh quang, và ông bắt đầu đi đến vinh quang bằng sự biếng nhác, chán nản. Khi ra trường, vào nội trú, mọi người phải phàn nàn cho ông đã lảm đường.

Chưa biết ông lảm đường hay khả năng y học thời ấy không phải mảnh đất thuận tiện tiếp nhận hạt giống sáng tạo của một thiên tài. Tương lai rất gần đã cảm ơn họ ông tấm lòng thương hại của những người thích chia buồn. Nhưng trong lúc ấy họ vẫn còn dịp để « chia buồn », vì chẳng bao lâu Claude lại rớt kỳ thi tuyển giáo sư môn bệnh thể học. Vậy là ông đã vô duyên với nghề giáo sư y khoa đại học. Ông bị dẫn vào con đường cùng:

công việc khảo cứu trong phòng thí nghiệm, con đường cùng ấy là con đường giải thoát cho y học.

Tương lai y học hình thành dần trong một phòng thí nghiệm nhỏ của trường College de France. Bây giờ người có uy tín nhất về sinh lý học là bác sĩ Magendie. Ông này cũng đã có ý khước từ những lý thuyết siêu hình và trực tiếp học hỏi thiên nhiên theo đường lối thực nghiệm nhưng không theo một phương pháp nào cả. Ông giữ một thái độ hoài nghi và thí hành những cuộc thực nghiệm một cách ngẫu nhiên để thường thức sự thất bại. Claude Bernard sớm biết cách làm việc ấy chỉ có thể thoả mãn thuyết hoài nghi của Magendie nên ông không theo ngẫu hứng, ông lập ức thuyết và thực nghiệm để chứng minh ức thuyết đó, nếu không kết quả, ông bỏ ngay mà lập thuyết khác. Claude Bernard nói : « Khi kết quả thực nghiệm ngược lại với ức thuyết thì phải bỏ ngay ức thuyết, mặc dầu ức thuyết đó được những người tên tuổi bảo vệ ».

Phần thí gặp những khối óc bảo thủ phản đối việc hạ sát loài vật để thí nghiệm, phần thí chánh quyền không lưu ý nâng đỡ, tất cả hầu như hợp sức lại để làm ông nản lòng. Nhưng những phát kiến ông đưa ra có kiểm soát chắc chắn vững vàng, khuất phục được phe đối lập. Uy tín mỗi ngày một lớn, năm 41 tuổi ông đã bước vào viện Hàn-lâm, năm 43 tuổi, Magendie chết, ghe giáo sư khoa y-học thực-nghiệm về ông. Từ

đây ngành này phát triển khả quan nhờ ông chứng minh rằng y thuật không phải là chờ đợi thiên nhiên, chờ đợi sức sống huyền nhiệm hoàn thành phép lạ, mà là một cuộc tranh thủ với sức tàn phá cơ thể sinh vật của thiên nhiên, căn cứ vào sự hiểu biết cặn kẽ những hiện tượng sinh lý.

Trong đời ông, ông chỉ tìm sinh thú trong công việc nghiên cứu khoa học, vì ông rất hứng hờ với nghệ thuật, âm nhạc, văn chương. Trong phòng khách, Bernard là ông, khách kỳ dị, kém bất thiệp, tuy ông có vóc người đẹp đẽ, diện mạo khả ái, nhất là cặp mắt sáng tinh anh. Ông không chịu thích ứng với sự giao tế xã hội ông.

Đời ông không biết lạc thú gia đình. Năm 39 tuổi ông thành hôn với cô Marie-Françoise-Martin, và chỉ được 2 người con gái. Vợ ông không phải là người hiểu biết, cuộc sống chung trở thành một thảm trạng gia đình. Vợ ông không hiểu gì về khoa học, nên phản đối việc sát sinh, và kéo cả hai con gái theo mình vận động quần chúng chống đối những cuộc thí nghiệm khoa học ấy, tìm cách phá hoại và thúc giục các đoàn thể thừa kiện ông.

Rút cục ông phải ly thân để sống cô độc với người bố già tuy trung thành tận tâm với chủ nhưng không tha thứ cho chủ tội giết hại loài vật, trái với tinh thần tôn giáo. Vợ con ông không bao giờ tha thứ cho ông tội thích khoa học hơn giáo sùng. Ông không đem lại cho gia đình được cái gì khác

hơn danh vọng. Sau này, khi đã 55 tuổi ông mới quen biết bà Raffalovich người Nga gốc Do-Thái đến ở Ba-Lê. Bà trở nên người bạn tinh thần của ông và ông lui tới gia đình bà này luôn luôn.

Năm ông 35 tuổi, ông đã tìm ra chức vị toan, bí quyết tiêu hoá chất mỡ của cơ thể, tác dụng tạo ra chất glucose của lá gan, tác động của chất độc đến cơ thể, chức vụ của dây thần kinh.

Đến năm 1865, Claude Bernard 52 tuổi đã lên tới đỉnh chót vót của đài danh vọng. Công việc khảo cứu của ông đảo lộn hết quan niệm đương thời về sinh lý học. Người ta không còn nghi ngờ những khám phá của ông, nhưng vẫn chông đời tư tưởng của ông. Năm ấy ông viết cuốn «nhập đề y học thực nghiệm» để bảo vệ lập trường. Quyển sách này được coi là ý thuyết nền tảng của y học thực nghiệm.

Vua Napoléon đệ tam cũng đề ý đến công việc nghiên cứu của Claude Bernard. Một hôm vua ngồi tiếp chuyện ông tới gần 2 giờ rồi hỏi ông có muốn gì để vua ban tặng. Ông khiêm tốn từ chối hết và chỉ xin vua nghĩ đến ngành khoa học của ông thiếu thốn nhiều phương tiện làm việc.

Năm 1868 ông bước vào Hàn lâm viện. Uy tín của ông lan ra tới ngoại quốc trở nên nhân viên nhiều hội bác học ở Stockholm và Constantinople.

Sức khoẻ ông đã suy kém, từ tháng chạp 1877 thì chứng bệnh nhức đầu phát ra trầm trọng, nhưng ông điềm tĩnh chờ ngày cuối cùng. Và tháng 2 năm sau, năm 1878, ông qua đời, bỏ dở công việc khảo cứu về chất men. Lời cuối cùng của Claude Bernard là đề tỏ ý hối tiếc không làm xong việc khảo cứu ấy.

Claude Bernard là một trong số ít những danh nhân sống vào thế kỷ thứ 19. Kết quả của 40 năm suy nghiệm tượng trưng cho phần tinh tú nhất của sinh lý học thế kỷ thứ 19 và cũng tượng trưng cho một phát hiện huy hoàng của trí tuệ loài người. Không những thế, đời sống ông hy sinh cho sự thật, còn là một gương mẫu sống cao khiết như các hiền triết và nghệ sĩ chân chính. Chính tài năng và đức độ của những con người ngoại hạng đó mới xây dựng đời sống một cách chân thực và phổ cập, đáng đề cho các thế hệ sau này kính trọng và ái mộ.

CÔ-LIÊU

Kỳ tới : *Sự nghiệp Claude Bernard : Giá trị của thuyết tất định về khoa-học thực nghiệm.*

* Đừng cho rằng việc khó rồi bỏ đi ngủ ; rất có thể bạn sẽ bị đánh thức bởi tiếng khua động của một người khác làm việc ấy.

H. N. Casson

Vấn đề giáo dục của phụ nữ nhật bản ngày nay

KHÁC với các thời đại phong-kiến cổ-điển ngày xưa, phụ-nữ Nhật-Bản ngày nay đang giữ một vai-tuồng rất quan-trọng trong đời sống sinh-hoạt hằng ngày cũng như trong guồng máy hoạt-động của xã-hội Nhật-Bản. Vì sao có sự thay đổi ấy ? Các giới phụ-nữ Nhật-Bản ngày nay đã được huấn-luyện trong một chế-độ giáo-dục như thế nào để thiết-ứng với nhu-cầu của thời-đại ? Và còn bao nhiêu câu hỏi khác nữa đã làm cho chúng ta muốn tìm hiểu đến vấn-đề giáo-dục của các giới phụ-nữ Nhật-Bản ngày nay.

Nhưng ở đây ngoài việc tìm hiểu đến vấn-đề giáo-dục của phụ-nữ Nhật-Bản, chúng tôi còn muốn giới-thiệu với quý-vị độc-giả ở Việt-Nam phương pháp giáo-dục của một nước bạn — Nhật-Bản — đối với các giới phụ-nữ, hầu mong giúp-ích được ít nhiều cho vấn-đề giáo-dục phụ-nữ ở Việt-

Nam trong cuộc cải-cách duy-tân, hy-vọng sẽ theo kịp với trào lưu tiến-hóa của thế-giới. Trước khi đi sâu vào vấn-đề, ở đây chúng ta cần tìm hiểu sơ qua một vài chủ-điểm của ngành phụ-nữ giáo-dục Nhật-Bản ở các thời-đại xa-xưa.

I. — Chủ-điểm của ngành phụ-nữ giáo-dục ở Nhật ngày xưa

Để hiểu qua về chủ-điểm của ngành phụ-nữ giáo-dục Nhật-Bản ở các thời đại xa-xưa như thế nào, không gì hơn là chúng ta hãy căn-cứ vào đoạn văn viết trong quyển « Nhật-Bản Nữ-tử » sau đây : « Mục-phiếu của ngành phụ-nữ giáo-dục của Nhật Bản ở thời xưa là đào tạo các giới phụ-nữ thành những người « lương-thê hiền mẫu ». Ngày xưa người ta thành-lập các

VẤN ĐỀ GIÁO DỤC CỦA PHỤ NỮ NHẬT BẢN NGÀY NAY

trường Nữ-học, không phải để nâng cao trình-độ trí-thức của phụ-nữ cũng không phải nhằm đến mục-đích đào-tạo phụ-nữ thành những con người độc-lập ở xã-hội. Trái lại, người ta chỉ chuyên trọng rèn-luyện các giới phụ-nữ thành những con người phục-tùng nô-lệ của chồng con, và là người đàn-đá kiểu - mẫu trong gia-đình mà thôi: mục-phiếu này là con đẻ của thời-đại cổ-diễn phong-kiến với chế-độ xem người cha, người chồng là huynh-trưởng của gia-đình, là rường cột của xã-hội».

Cũng trong quyển «Nhật-bản Nữ-tử» này viết tiếp «Những người phụ-nữ ngày-xưa chỉ biết lo cho công-việc gia-đình, thờ-phụng chồng, hy-sinh cho con. Như thế được xem là lương-thê hiển-mẫu. Quan-niệm lương-thê hiển-mẫu này được xã hội khuyến-khích, phong-tục đề-cao và pháp-luật thừa nhận. Cũng do đó nên phương-pháp giáo-dục ở các trường Nữ-học thời-xưa là chú-trọng về đức-dục nhiều hơn trí-dục». (1)

Để đào-tạo các giới phụ-nữ thành những người đàn-bà «Lương-thê hiển mẫu» này, vấn-đề giáo-dục của phụ-nữ Nhật-Bản ngày xưa là hoàn-toàn đặt trọng-điểm vào thuyết «Tam tòng» của Nho-giáo. Tam-tòng là khi chưa có chồng thì phải theo cha, khi có chồng rồi thì theo chồng và khi chồng chết thì theo con. Thuyết Tam-tòng này đã ràng-buộc người phụ-nữ vào địa-

vị phục-tùng nô-lệ cho gia-đình chồng con.

Trong khi suốt đời bị ràng-buộc vào trong bức tường của gia-đình như thế thì làm gì còn có khả năng để phụng-sự xã-hội? — Do đó nên người phụ-nữ Nhật-Bản ngày xưa ít quan-tâm đến vấn-đề quốc gia xã-hội. Việc nước việc nhà là việc của «nam-nhi chí chí», còn người đàn-bà thì chỉ biết «phục-vụ gia-đình, sửa áo nâng khăn» là đủ. Đó là quan-niệm chung của người phụ-nữ Nhật Bản ngày-xưa, và phụ-nữ Việt-Nam, Trung Hoa cũng tương-tợ như thế. Nói một cách tổng-quát, vấn-đề giáo-dục của phụ-nữ Nhật-Bản ngày xưa là căn-cứ vào tinh-thần của nho-giáo, lấy «Tam-tòng tứ-đức, nam-tôn nữ-ty, lương-thê hiển-mẫu» làm chủ-đích.

II. — Mục-đích của ngành phụ-nữ giáo-dục ở Nhật ngày nay

Từ ngày phong-trào tự-do dân-chủ được bành-trướng lan rộng trên hoàn-cầu, các quốc-gia trên thế-giới đều lần-lượt gạt bỏ chế-độ phong kiến cũ và tổ-chức theo tinh-thần dân-chủ mới. Nhật-Bản cũng là một trong các nước này, đối với sự cách-mạng cải-tổ về chính-trị, phương-pháp và chế-độ giáo-dục cũng được cải-tổ. Riêng về ngành phụ-nữ giáo-dục, để hiệu sự cải-tổ này như thế nào, chúng ta hãy đọc tiếp đoạn văn quyển «Nhật-Bản Nữ-tử» sau. Trong quyển sách này Nữ-sĩ Mikame Fakako viết:

(1) «Nhật-Bản Nữ-tử» của Nữ-sĩ Mikame Fakako, trang 116-117.

« Đòi lại với chủ-trương Tam-tùng tứ-đức, Nam-tôn nữ-ty, Lương-thê hiền-mẫu của các thời-đại phong-kiến cổ-diễn trước, sau ngày thế-giới đại-chiến lần thứ nhất chấm dứt, toàn-thể các giới phụ-nữ, nhất là các giới phụ-nữ từ giai-cấp trung-sân trở lên tất cả đều nhiệt-liệt đứng lên phản-đòi chế-độ cũ, và yêu-cầu thành-lập một chế-độ mới với những phương-châm như nam nữ bình-quyền, nhất-phu nhất-phụ v.v... Từ đó, vấn-đề giải-phóng phụ-nữ mỗi ngày một được lan rộng và rất được đại-đa-số quần chúng hưởng-ứng ủng-hộ, nhất là các giới nữ-lưu trí-thức. Do đó phong-trào phụ-nữ giải-phóng này, nên mục đích và phương-pháp giáo-dục của phụ-nữ cũng được thay đổi » (2).

Riêng về mục-đích giáo-dục của Phụ nữ Nhật-Bản ngày nay, trong quyển « Nhật-Bản Nữ-tử học-sinh », Bác-sĩ Karasawa Tomitaro có nêu lên 3 mục-tiêu như sau : « Đàn-bà kiểu mẫu, công-dân xứng đáng và con người hữu-ích ». Sau đây là đoạn văn của tác-giả giải-thích về 3 mục-tiêu ấy :

« Mục-đích của ngành phụ-nữ giáo-dục của Nhật-Bản ngày nay là chú-trọng đào-tạo các giới phụ-nữ thành những người « đàn-bà hiền-mẫu ». Người đàn-bà hiền-mẫu ở đây là người đức-hạnh, cần-mẫn và đảm-đang công-việc gia-đình, tức là người « lương-thê hiền-mẫu » theo quan-niệm của ngày xưa. Nhưng người đàn-bà là một phần-tử của quốc-gia xã-hội vì thế ngoài công-việc gia-đình, họ

còn có trách-nhiệm với quốc-gia xã-hội nữa. Vì lẽ ấy nên mục-tiêu thứ 2 của ngành phụ-nữ giáo-dục ở Nhật-Bản ngày nay là đào-tạo phụ-nữ thành những người « công-dân xứng đáng ».

« Và rộng hơn nữa, sau khi trở thành những người đàn-bà kiểu-mẫu của gia-đình, người công-dân xứng-đáng của quốc-gia xã-hội, người đàn-bà ấy phải đứng với danh-nghĩa của nó, nghĩa là phải là một con người biết hướng-thượng, con người của xã-hội tiên-hóa, con người của thế-giới loài người của thế-kỷ 20. Vì thế mục-tiêu thứ 3 của ngành phụ-nữ giáo-dục ở Nhật-Bản hiện-tại là đào-tạo phụ-nữ thành những « con người hữu ích của thế-giới nhân-loại ». (3)

Căn-cứ vào 3 mục-tiêu chúng ta thấy, vấn-đề của phụ-nữ giáo-dục ngày nay không những chú-trọng đào-tạo các giới phụ-nữ trở thành những người « nội-trợ đảm-đang » ở gia-đình, mà còn hướng đến mục-đích đào-tạo cho họ trở thành những người phụ-nữ hoàn-toàn của thế-giới tự-do dân-chủ nữa. Người phụ-nữ hoàn-toàn ấy là người hiền-đức kiểu-mẫu ở gia-đình, người công-dân xứng-đáng của quốc-gia xã-hội và người hữu-ích của thế-giới nhân-loại. Chính đó là mục-đích của ngành phụ-nữ giáo-dục ở Nhật-Bản ngày nay vậy.

(2) « Nhật-Bản Nữ-Tử » của Nữ-sĩ Mikame Fakako, trang 118

(3) « Nhật-Bản Nữ-Tử Học-sinh » của Bác-sĩ Karasawa Tomitaro, trang 96 — 98t

III. — Các trường phụ-nữ chuyên-nghiep ở Nhật

Vì muốn đào tạo các giới phụ-nữ trở thành những người «phụ-nữ hoàn-toàn» như trên, nên ngoài các trường «Nam nữ cộng-học» từ Tiểu-học đến Đại-học, ngoài các trường Nữ Trung-học, Nữ Cao-đẳng và Nữ Đại-học sẽ trình bày sau đây, ở Nhật-Bản hiện tại người ta còn có lập ra rất nhiều trường chuyên-nghiep, chuyên dạy các ngành học và các nghề-nghiep cho các giới phụ-nữ. Trong số các trường phụ-nữ chuyên-nghiep này, đáng kể ra đây là các trường dạy cắm hoa, pha trà, may vá, nấu ăn, viết chữ, mỹ-thuật, âm-nhạc; rồi đến các trường đánh máy, nữ thư ký, nữ ký-giả, nữ khán-hộ, nữ sư-phạm, nữ cảnh-sát v.v...

Trong các loại trường chuyên-nghiep đã kể trên, những trường dạy cắm hoa, pha-trà, viết chữ, may-vá và nấu ăn là những trường hướng mạnh về thiên-chức của người phụ-nữ ở gia-đình. Ở Nhật-Bản người ta thường có thói quen: hễ trước khi đi lấy chồng là người con gái phải học qua các thứ này. Một người phụ-nữ Nhật mà không qua các thứ ấy họ rất lấy làm hổ-thẹn đối với bạn-bè chồng con. Bởi thế nên dù bạn thế nào đi nữa, hầu hết phụ-nữ Nhật đều có học qua các thứ này.

Chúng tôi thấy có rất nhiều nữ-sinh ban ngày thì đi học ở các trường học phổ-thông, nhưng tối về thì đi học các ngành nội-trợ ở các trường và các lớp chuyên - nghiệp này. Phần

nhiều các giới nữ công-chức và tư-chức cũng thế. Các giới phụ-nữ Nhật - Bản thường xem các ngành này là những nghệ-thuật, và nghệ-thuật ấy càng cao thì càng tỏ mình là những người có giáo-dục (tiếng Nhật gọi là giáo-dưỡng = kyoyo), được sanh trưởng trong những gia-đình nề-nếp gia-giáo. Có những người phụ-nữ khi còn là con gái vì bận công-việc không học đủ, khi đi lấy chồng rồi họ tiếp-tục đi học thêm, hoặc mua sách về tự nghiên-cứu và tự tập-luyện lấy.

Ngoài các trường và các lớp chuyên dạy về nội trợ gia-đình và các ngành phụ-nữ chuyên-nghiep trên, ở Nhật-Bản hiện-tại người ta còn có lập ra rất nhiều các loại trường khác, dạy đủ tất cả các ngành chuyên-môn và chức-nghiep của các giới phụ-nữ. Những trường phụ-nữ chuyên-nghiep này là những nơi chuyên rèn-luyện cho các giới phụ-nữ Nhật-Bản đầy-đủ nhân-cách, hoàn thành thiên-chức của người phụ-nữ đối với gia-đình, quốc-gia, xã-hội và nhân-loại.

Những trường chuyên nghiệp này được xem là trường học đặc-biệt cho giới phụ-nữ. Ngoài ra, ở Nhật-Bản hiện-tại cũng có những trường Nữ Trung-học, Nữ Cao-đẳng và Nữ Đại-học dạy đúng theo chương-trình giáo-dục của Bộ Quốc gia giáo-dục Nhật-Bản, những trường này gọi là trường học phổ-thông. Cách-thức tổ-chức, phương pháp giáo-dục của các trường phổ-thông này như thế nào, thiết-nghĩ cũng nên đề cập ra đây để quý bạn được rõ.

IV.— Các trường Nữ Trung-học và Nữ Cao-đẳng

1) *Mục-dịch*: Về mục-dịch của các trường Nữ Trung-học và Nữ Cao-đẳng trong quyển «Education in Tokyo» có viết như sau: Các trường Nữ học được xây dựng và tổ-chức riêng-biệt với các trường «Nam nữ cộng-học» là để thích-ứng với nhu-cầu của các giới Nữ sinh. Các trường Nữ-học này là hướng đến mục-dịch giúp-ích một cách hữu-hiệu cho các giới phụ-nữ trong việc duy-trì và phát triển chế-độ gia-đình, nền-móng căn-bản của xã-hội Nhật-Bản» (4).

Nhưng ngoài ý-nghĩa hướng mạnh đến thiên-chức của người phụ-nữ ở gia-đình ấy, các trường Nữ-học ở Nhật còn hướng đến một mục-dịch khác nữa. Mục-bích ấy trong quyển «Education in the new Japan» viết như sau: «mục-dịch của các trường Nữ-học là dạy-về rèn-luyện cho các giới nữ-sinh những khả-năng cần-thiết để khi ra đời có thể giúp-ích cho quốc-gia xã-hội (5).

Căn-cứ vào hai đoạn văn trong hai quyển «Education in Tokyo» và «Education in the new Japan» trên chúng ta thấy: mục-dịch của các trường Nữ-học, gồm cả Trung-học, Cao-đẳng và Đại-học là hướng đến hai mặt: đối với gia đình thì đào-tạo nữ-sinh trở thành những người nội-trợ đảm-đang, còn đối với xã-hội thì huấn-luyện họ thành những người hữu ích cho quốc-gia xã-hội.

2) *Niên-học, học-đường và số nữ-sinh*: Chế-độ giáo-dục của Nhật Bản hiện-tại qui-định rằng, thời-gian học-tập ở các trường Trung-học và Cao-đẳng mỗi cấp có 3 năm. Các trường Nữ Trung-học và Nữ Cao-đẳng cũng áp-dụng theo thời-gian và môn-học này. Về học-đường, theo tài-liệu trong quyển «Niên-báo giáo-dục năm 1957» của Bộ Quốc-Gia Giáo Dục Nhật thì ở năm ấy có 12.684 trường Trung-học và 3.376 trường Cao-đẳng. Đây là kể các trường Nam nữ Cộng học (6).

Riêng về số học-sinh cũng trong quyển «Niên báo» ấy chép: «Đến năm Chiêu-Hòa thứ 32 (1957), số học-sinh ở các trường Trung-học gồm có 5.718.182, trong số ấy có 2.897.942 nữ-sinh. Còn về Cao-đẳng thì tổng-số học-sinh gồm có 2.897.646, trong đó có 1.275.931 nữ-sinh» (7). Dựa vào tổng-số học-sinh trên, rồi so với số nữ-sinh chúng ta thấy: số nữ-sinh ở Trung-học cũng như ở Cao-đẳng, bao-giờ cũng tương-đương với số nam học sinh cả. Đây là một điều đáng khen của các giới phụ-nữ Nhật-Bản trên đường học-vấn.

3) *Cách-thức tổ chức và y phục*: Các trường Nữ Trung-học là ở trong chương-trình nghĩa-vụ giáo-dục (tức

(4) «Education in Tokyo» của nha Đô-Trưởng Tokyo, trang 133.

(5) «Niên-báo giáo dục năm 1957» của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Nhật, trang 287 và 297.

(6) «Niên-báo Giáo-Dục năm 1956» của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Nhật, trang 292.

(7) «Education in the new Japan» của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Nhật, trang 71.

VẤN ĐỀ GIÁO DỤC CỦA PHỤ NỮ NHẬT BẢN NGÀY NAY

là Cường-bách giáo-dục) của công-dân Nhật-Bản, nên không có phân-loại thành nhiều thứ. Nhưng ở bậc Cao-đẳng vì hướng đến chuyên-môn nhiều nên người ta có tổ-chức nhiều loại Cao-đẳng khác nhau. Theo tài liệu trong quyển « Education in Tokyo » thì trong các trường Nữ Cao-đẳng của Nhật có chia thành 4 loại như sau :

- 1) Cao-đẳng Nữ-học Phổ-thông.
- 2) Cao-đẳng Nữ-học gia-chánh.
- 3) Thương-nghiệp Nữ Cao-đẳng.
- 4) Chức nghiệp Nữ Cao-đẳng.

Còn về y-phục thì các trường Nữ Trung-học cũng như ở các trường Nữ Cao-đẳng, kể cả tư-lập và công-lập, tất cả đều tổ-chức theo lối đồng-phục. Mỗi trường có một màu-sắc, một huy-hiệu, một kiểu áo riêng, khi nhìn vào là người ta biết Nữ-sinh ấy học trường nào. Lối đồng-phục này có rất nhiều lợi-ích, vì rẻ tiền, trông đều-đặn đẹp mắt, và làm cho các giới nữ-sinh dù nghèo dù giàu cũng không quá chênh-lệch nhau về kiểu áo và màu-sắc áo. Các màu sắc đen, đà, xanh đậm, khói hương v.v... thường được chọn dùng cho các kiểu áo đồng phục này.

4) *Bài vở học-tập*: Ở các trường Nữ Trung-học cũng như Nữ Cao-đẳng ngoài các môn học phổ-thông như quốc-văn, xã-hội, địa-lý, sô-học, ngoại ngữ v.v... thường thường các loại bài-vở về gia-chánh nữ-công rất được chú-trọng. Ngoài ra, nghệ-thuật viết chữ, cắm hoa, pha trà, âm-nhạc v.v... cũng thường được khuyến-khích dạy-về trong đây.

Nói một cách tổng-quát, để thích-ứng với thiên-chức của người phụ-nữ đối với quốc-gia xã-hội, phương-pháp giáo-dục ở các trường Nữ Trung-học Nữ Cao-đẳng (kể cả các trường Nữ Đại-học) là nhắm đến phần tình-cảm và thực-tế nhiều hơn ở các trường Nam-nữ cộng-học khác.

V. — Các trường Nữ Đại-học

1) *Mục-đích và sô nữ sinh-viên*: Mục-đích của các trường nữ Đại-học ở Nhật phần nhiều cũng giống như ở các trường Đại-học nam-nữ cộng-học mà chúng tôi đã có dịp trình-bày ở một nơi khác. Tuy nhiên, đứng về tánh-cách riêng-biệt mà nói thì mục-đích của các trường nữ Đại-học hiện-tại là : nâng cao trình-độ học-vấn của các giới phụ-nữ lên đến bậc Đại-học, đồng-thời cũng chú-trọng đào-tạo các giới nữ-sinh-viên những đức-tánh cần-thiết để khi lớn lên trở thành những người đàn-bà kiểu-mẫu ở gia-đình, những quốc-dân xứng-đáng của quốc-gia và những phần-tử hữu-ích cho xã-hội nhân-loại.

Còn về tổng-sô nữ-sinh, theo tài-liệu trong quyển « Văn-bộ niên-báo » thì ở năm 1957, trên toàn-quốc Nhật-Bản đã có 115.600 nữ-sinh và năm 1958 thì sô nữ-sinh ấy tăng lên đến 118.419 (8). Con sô nữ-sinh này hiện giờ còn tăng thêm nhiều nữa. Dựa vào đó chúng ta thấy : các giới phụ-

(8) « Học-hiệu cơ-bản điều-tra báo-cáo » của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Nhật, trang 16.

nữ Nhật-Bản mỗi ngày một tiến nhanh trên đường học-văn ở cấp bậc Đại-học.

2) *Một trường nữ Đại-học kiểu-mẫu* : Theo bản thông-kê của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Nhật thì hiện-tại trên toàn-quốc Nhật-Bản đã có hơn 160 trường nữ Đại-học (kể cả các trường Nữ-tử Đoàn-kỳ Đại-học). Tất nhiên trong số ấy có nhiều trường tổ-chức rất qui-mô, phương-pháp giáo-dục rất hoàn-bị. Tuy vậy, để quý bạn có một khái-niệm tổng-quát về ngành nữ Đại-học ở Nhật, ở đây chúng tôi chỉ xin giới thiệu ra một trường. Đó là trường Nhật-Bản Nữ-tử Đại-học.

Trường Nhật-Bản Nữ-tử Đại-học thành-lập từ năm Minh-Trị thứ 34 (1901) và người thành-lập là Bác-sĩ Jinzo Naruse. Còn về địa-điểm thì trong quyển « Japan Nomen University » có viết như sau : « Trường Nhật-Bản Nữ-tử Đại-học được xây-dựng trên một cánh đồi cao ở vùng Mejiro, Tokyo, cánh một thung-lũng nhỏ từ Viện Đại-học Waseda, một Viện Đại-học tư-lập lớn nhất ở Nhật » (9).

3) *Cách - thức tổ - chức của trường Nhật-Bản Nữ-tử Đại-học* : Theo tài-liệu trong quyển « Nhật-Bản Nữ-tử Đại-học » thì hiện-tại trong Trường này có tổ-chức các học-bộ và học-khoa như sau :

- | | |
|------------------------|------------------------------|
| A. GIA-CHÁNH
HỌC-BỘ | 1) Nhi-đồng học-khoa |
| | 2) Thực-vật học-khoa |
| | 3) Sinh-hoạt nghệ-thuật-khoa |
| | 4) Vật-lý hóa-học khoa |
| | 5) Gia.chánh lý-hóa khoa |

II. VĂN-HỌC
BỘ

- 1) Nhật-Bản văn-học khoa
- 2) Anh Mỹ văn-học khoa
- 3) Địa-lý lịch-sử khoa
- 4) Xã-hội an-toàn hạnh-phúc khoa
- 5) Giáo-dục học-khoa (10)

Ngoài các học-bộ học-khoa trên, trong Nhật-Bản Nữ-tử Đại-học này lại có tổ-chức trường học phụ-thuộc từ Ấu-trì-viện, Tiểu-học, Trung-học và Cao-đẳng. Số nữ-sinh hiện-tại của trường gồm có trên 5.000 người và Trường cũng có xây-cắt 21 ký-túc-xá để cho các nữ-sinh ở các tỉnh xa về lưu-trú-học tập. Với những điều đã lược-trình trên cũng đủ cho ta thấy cách-thức tổ-chức hoàn-bị của trường Nhật-Bản Nữ-tử Đại-học, nói riêng, ngành phụ-nữ giáo-dục của Nhật-Bản nói chung vậy.

VI. — Hoạt-động của
các giới phụ-nữ

Nhật-Bản ngày nay

Về hoạt-động của các giới phụ-nữ Nhật-Bản, nếu kể ra thì không làm sao kể xiết. Tuy nhiên, chúng ta có thể tóm tắt trong một câu : hiện-tại các giới phụ-nữ Nhật-Bản ngoài công việc nội-trợ gia-đình, họ còn tham-gia vào tất cả các ngành hoạt-động về văn-hóa, giáo-dục, kinh-tề, xã-hội, chính-trị, ngoại-giao của quốc-gia và quốc-lê.

(9) « Japan Women University » của Trường xuất-bản, trang 9

(10) « Nhật-Bản Nữ-tử Đại-học » của Trường xuất-bản, trang 25.

VẤN ĐỀ GIÁO DỤC CỦA PHỤ NỮ NHẬT BẢN NGÀY NAY

Thật vậy, về văn-hóa giáo-dục thì hiện tại có những người phụ-nữ Nhật đang chiếm những địa-vị rất xứng đáng trên văn-đàn nghệ-thuật, và ở trong các trường từ Tiểu-học đến Đại học đều có những Nữ Giáo viên và Nữ Giáo-sư. Về công-tác xã-hội thì có những tổ-chức như hội Phụ nữ cứu-tề, hội Mẹ học-sinh, hội Phụ nữ y-tề, hội Bảo vệ quyền-lợi của những người đàn bà. Về kinh-tế thì trên thị trường kinh-dinh thương-mãi, trong các công-xưởng, kỹ-nghệ, trong các công-tác cải-cách điền-địa về khoách trương kinh-tế đều có các giới Phụ-nữ góp công vào.

Còn về chính-trị, đây là một điều đặc-biệt rất đáng kể. Hiện tại có nhiều người phụ-nữ Nhật đang là nghị-viên dân-biểu của quốc-hội Nhật có người đang là Bộ-Trưởng trong nội-các của Thủ-Tướng Ikeda hiện thời; và cũng có những người đang giữ những chức-vị quan-trọng trong các chính-đảng của Nhật nữa. Những hoạt-động của các hội Phụ-nữ hòa bình, hội Phụ-nữ phản-đối chiến-tranh nguyên-rử, hội Quốc-tê liên-lạc phụ-nữ v.v cũng rất đáng kể.

Về ngoại-giao cũng thế. Có nhiều người đàn-bà Nhật hiện đang ở trong Ngoại-giao-đoàn, hoặc là nhân-viên cao cấp trong tòa Đại-sứ Nhật ở các nước trên thế-giới; và cũng có những người đang ở trong các phái-đoàn đại-biểu của Nhật ở các hội-nghị Quốc-lên, Quốc-tê. Ngoài ra, các đoàn ca-kịch, các cuộc trình-diễn văn-nghệ các cuộc thể-thao thể-dục ở Á-vận-

hội Thế-vận-hội v.v, với những thành tích tốt đẹp của họ, cũng đủ cho ta thấy hoạt động của các giới phụ-nữ Nhật-Bản ngày nay như thế nào rồi.

Tóm lại, những hoạt-động trên chứng-tỏ rằng : Phụ-nữ Nhật-Bản ngày nay không phải là những người uỷ-mỵ nhu-nhược, chỉ biết phục-tùng nô lệ cho gia đình chồng con như ngày xưa. Trái lại họ là những người đàn-bà của thế-kỷ 20, biết đòi lại những quyền lợi của tạo-hóa đã phú-thác cho con người, biết tham gia vào trong tất cả hoạt-động để phục-vụ xã-hội, biết đứng dậy tranh-đấu cho tự-do hòa-bình của quốc-gia và thế-giới. Những hoạt-động ấy đã đem lại một vẻ vang cho giới phụ-nữ Nhật Bản không những ở trong nước mà còn ở trong các nước ngoại-quốc nữa.

Nhưng ở đây cũng nên nhớ thêm rằng : mặc dù các giới phụ-nữ Nhật-Bản hiện-tại có tham-gia đủ trong các lãnh-vực quốc-gia và quốc-tê, nhưng đối với gia-đình thì họ không bao giờ quên lãng thiên-chức làm mẹ làm vợ của mình. Đứng-trên pháp-lý thì họ được hưởng tất cả quyền-lợi của công-dân, đó là quyền-lợi « Nam-nữ bình-quyền », nhưng đứng về tình-cảm và thiên-chức thì bao giờ họ cũng là người đàn bà cả.

Chúng tôi thường thấy có bao nhiêu gia đình cả chồng và vợ đều đi làm việc, có nhiều khi người vợ làm chức cao hơn người chồng nữa, nhưng khi về đến nhà thì người vợ vẫn lo tất cả các việc nội-trợ gia-đình : giúp chồng và nuôi con. Và có lẽ cũng vì thế nên

không-khí của gia-đình ở Nhật bao giờ cũng hòa-thuận vui-vẻ, không bao giờ có sự cãi vã la-mắng giữa chồng và vợ. Mỗi khi có sự bất-bình, người đàn bà Nhật không theo kiểu « ném thúng đựng nia », mà bao giờ cũng giữ thái độ mềm-mỏng, lễ-độ và kiên nhẫn : chính những đức-tánh này đã cảm hóa và chinh-phục được cảm-tình của người chồng. Cái đáng quý đáng phục của người đàn bà Nhật là ở đó.

Sở dĩ người phụ-nữ Nhật-Bản ngày nay có những đức-tánh và thành-tích hoạt-động như trên, là do đã được huấn-luyện giáo-dục trong những

phương-pháp giáo-dục tân-tiên dân-chủ mà chúng tôi đã trình bày sơ-lược ở các đoạn trên. Riêng về trình-độ giáo-dục thì chúng ta thấy : hiện tại các giới phụ-nữ Nhật-Bản có một trình-độ giáo-dục rất cao, chẳng thua kém gì các nước văn-minh tiên-tiên trong thế-giới cả. Đó là một kết quả tốt đẹp của chương-trình nâng-cao và phổ-biên giáo dục trong mọi tầng lớp dân-chúng — kể cả phụ-nữ — của Nhật-Bản sau ngày đại-chiến này.

Đông Kinh Thu Nhâm Dần

ĐOÀN-VĂN-AN

XIN GIỚI THIỆU VỚI BẠN ĐỌC BÁCH KHOA

THỜI BÁO

tờ báo của mọi gia đình

Sẽ ra trong tháng 12-1962

- KHÚC BI CA NÀNG TIỀN NHỎ
truyện MAXIMÉ GORKI — THẾ-PHONG dịch
- BA MẸ CON
truyện ĐỖ-NGỌC-TRÁM
- CHÀNG NÔ LỆ DA VÀNG
thơ THIẾT TỔ
- BỮA LƯỚI
thơ ĐÌNH-VIỆT

ĐẠI-NAM VĂN-HIỆN XUẤT-BẢN-CỤC

201/11, Nguyễn-Huệ Phú-Nhuận — SAIGON

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐẢM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU** —

SỰ NGẪU NHIÊN VÀ CON SỐ PI

TRỌNG-KHANG

NÓI đến ngẫu nhiên, nhà lý học nói rằng thật là khó mà thấy một sự ngẫu nhiên chính xác.

Phép tính xác suất (calcul des probabilités) có thể áp dụng một cách đặc lực để dự đoán nhiều trường hợp có thể xảy ra, nghĩa là chứng minh rằng không có ngẫu nhiên.

Ta thử quan sát một bàn roulette, cũng như chơi tài xỉu, xóc đĩa, những con số trúng đều có tính cách ngẫu nhiên không có luật lệ nào cả, nhưng người ta vẫn có thể tính được bao nhiêu bàn ít ra một con số phải ra một lần.

Roulette có 37 số, thí dụ ta đánh số 13. Ta có 1 phần hy vọng trúng trong 37 phần. Tỷ số may của ta là $1/37$, tỷ số không may là $36/37$. Tính ra phần trăm thì sự rủi ro của ta là 97,3 phần trăm (có thể viết 0,973). Sự may mắn của ta là 2,7 phần trăm ($1/37 = 0,027$).

Đây là ta chơi một bàn. Bảy giờ ta chơi hai bàn, thành phần rủi ro sẽ tính như sau :

$0,973 \times 0,973 = 0,946$. Nghĩa là 96,6 phần 100.

Giờc túi làm thêm một bàn nữa, sự rủi ro sẽ là $0,973 \times 0,973 \times 0,973$. Dùng chữ n để chỉ số bàn ta chơi, sự rủi ro sẽ là $(0,973)^n$. Nếu ta chơi một lèo 37 bàn liền thì sự rủi ro sẽ là $(0,973)^{37}$ tính ra là 0,363. Nói khác đi, ta cứ đánh con số 13 rền 37 bàn thì sự rủi ro là 36,3 phần 100 ; trước kia, khi đánh một bàn rồi thôi, sự rủi ro ấy là 97,3 phần 100. Theo nhịp ấy sự rủi ro cứ bớt dần làm ta vững chí miễn là trong túi còn tiền và còn nhiều. Đến bàn thứ 50 sự rủi ro chỉ còn 25,4 phần 100, và đến bàn thứ 100 thì ta chỉ còn 4 % rủi ro. Và đến bàn thứ 150 thì còn chưa đến 1 % rủi ro mà thôi.

Trái lại ta có thể trúng nhiều lần. cách tính còn giản dị hơn. Đánh một lần, sự may mắn của ta là 1 phần 37 hay là 0,027 (2,7 phần 100). Thí dụ : lần đầu số 13 ra ngay, ta thử định xem ta có bao nhiêu may mắn để đợi số 13 ra lần sau. Ta tính $0,027 \times 0,027 = 0,00073$, nghĩa là 7,3 phần 10.000. Đến lần thứ 4 sự may mắn chỉ còn 1 phần 2 triệu.

Bây giờ nếu ta là tay đồ bạc gan liên, đặt số 13 trúng ngay, ta để nguyên cả vốn lẫn lời đánh bàn thứ 2 lại trúng con số 13, cứ như thế đến bàn thứ sáu, tất nhiên chủ sòng phải đau hàng vì đó là một trường hợp ngẫu nhiên họ đã trù tính không thể có được. Vì với cách tính của họ, đến bàn thứ 6, ta chỉ có 1 phần 250 tỷ may mắn, ta cảm thấy lười mà ta lại được thì ta buộc họ phải tin có sự ngẫu nhiên, điều mà chủ sòng tin là không có nên mới mở sòng bạc. Sự làm ăn của họ dựa vào một nguyên tắc : đỏ hay đen của khách chơi không thể vượt khỏi một giới hạn có thể tính trước được.

Nhà toán học Borel nói rằng không thể nào xảy ra trường hợp 4 hay 5 lần liên tiếp trúng số 13 trong bàn roulette như thế, cũng như không thể nào có trường hợp con khỉ ngồi đập bầy bọ vào cái máy chữ đánh ra từng bài văn có ý nghĩa.

Người ta còn phải căn cứ vào phép tính xác suất để đặt luật lệ, như trường hợp xét dầu tay. Khi hai đầu tay có 16 điểm giống hệt nhau thì

phải kết luận rằng hai đầu tay đó là của một người, vì trên hoàn cầu không thể có 2 người có 16 điểm dầu tay y nhau, theo phép tính xác suất.

Nhà toán học cho rằng có sự ngẫu nhiên khi kết quả không theo một qui luật nào cả.

Bây giờ ta thử tưởng tượng ra những số trúng của một bàn roulette hay một cuộc xổ để 40 con, thí dụ ta viết những con số 7, 12, 28, 14 v.v... Ta không thể khôn liếc mắt ngó lại những số đã viết, dù ta có che kín đi, óc ta cũng không thể quên hẳn : ta không muốn viết những con số ta đã viết rồi. Ta tìm cách « quân bình » hàng số của ta cách nào để cho có vẻ ngẫu nhiên mà không có sự ngẫu nhiên nữa.

Về vật lý học, nhất là thiên văn học, có một loại công việc ghi nhận kết quả một loạt quan sát rồi lựa lấy, số kết quả trung bình.

Thí dụ số trung bình ấy được tượng trưng bằng con số 4.628. Một người lười biếng không quan sát cẩn thận, bịa ra những con số 4627, 4631, 4625 v.v... một chuyên viên nom vào sẽ thấy ngay sự dối trá vì không thấy loạt số có vẻ ngẫu nhiên. Muốn cho sự dối trá có « phương pháp » phải căn cứ vào những « bảng ngẫu nhiên » để tính những loạt số ngẫu nhiên. Và như vậy thì công việc lại khó nhọc hơn công việc quan sát thực sự.

Đó là ý nghĩa sâu xa của sự ngẫu nhiên. Chỉ có ngẫu nhiên khi nào

những kết quả liên tiếp hoàn toàn « độc lập ». Sự độc lập ấy càng được thể hiện khi nào người ta cũng có nhiều loạt kết quả không có dính dáng, liên lạc gì với nhau cả.

Trong một tình trạng mà nhiều hiện tượng xảy ra không có liên lạc gì với nhau, ta có thể coi là sự ngẫu nhiên hoàn toàn, trái lại trong một tình trạng hiện tượng nọ tùy thuộc hiện tượng kia, ta coi là có ý nghĩa quy định.

Nhà lý học cho rằng quan niệm có những hiện tượng vật lý hoàn toàn độc lập chỉ là một ảo tưởng.

Sự ngẫu nhiên đối với nhà toán học chỉ là một ý niệm lý tưởng cũng như quan niệm một đường thẳng toàn vẹn trong vũ trụ. Thực ra trong vũ trụ không có cái gì cho ta một hình ảnh toàn vẹn của đường thẳng.

Trong trường hợp xét nghiệm hay thực nghiệm cũng xuất hiện những yếu tố cản trở làm cho kết quả khác đi. Khó mà loại trừ những yếu tố cản trở đó. Thí dụ trong bàn xóc đĩa hai mặt của đồng tiền không in hết nhau, bởi vậy đồng tiền vẫn phải theo một luật nào đó. Trong bàn roulette, những ô chữ không thể hoàn toàn đều nhau, khi điều động không hẳn là không làm thuận lợi một chiều hướng nào.

Sự ngẫu nhiên hoàn toàn không có trong trời đất (thê giới hữu tình). Về lý học, bây giờ người ta có thể nói

rằng vũ trụ tuyến bản vào trái đất là một hiện tượng có tính cách ngẫu nhiên hơn cả. Người ta cho rằng vũ trụ tuyến nguồn gốc ở khắp cả tinh vân (của ta) đưa đến, vũ trụ tuyến lại có thể phát sinh từ nhiều thời kỳ xa xôi về thời gian. Vậy chúng có những nguồn gốc khác biệt về không gian và thời gian. Tuy nhiên, không kể những xạ tuyến do mặt trời bắn ra trong những thời kỳ mặt trời « nổ », tại người ta vẫn nhận thấy còn có sự liên quan, dù vô cùng nhỏ bé giữa những hiện tượng gây ra vũ trụ tuyến ; tuy sự liên quan này nhỏ đến nỗi người ta có thể tưởng tượng bằng con số 10^{-30} nhưng như vậy chưa phải số không tuyệt đối, nghĩa là vẫn chưa có ngẫu nhiên tuyệt đối.

Bây giờ ta thử đứng vĩa hè ghi số những xe hơi qua trước mắt làm hai cột, những số bắt đầu bằng con số chẵn và những con số bắt đầu bằng con số lẻ. Ta có thể khoải trá mà cho rằng ta đã thực hiện được một hình thức ngẫu nhiên toàn vẹn vì không có liên lạc gì giữa sự kiện cái xe hơi đi qua mặt ta với con số đăng bộ của nó.

Nhưng thực ra không phải là ngẫu nhiên toàn vẹn. Muốn cho bảng ghi nhận của ta có ý nghĩa, ta phải ghi trong khoảng thời gian một ngày, một tuần, hay một tháng. Trong điều kiện ấy ta sẽ thấy hầu hết là những xe quen thuộc xuất hiện vì chủ xe đi qua đây vào những ngày, những giờ nào đó để đi làm hay đi chơi.

SỰ NGẪU NHIÊN VÀ CON SỐ PI

Như vậy bảng ghi số chân số lẻ của ta không còn là những số ngẫu nhiên vì nhắc lại những chu kỳ ần định bởi thói quen xử dụng xe. Như vậy lại không còn ngẫu nhiên nữa.

Các nhà toán học tìm cách đặt những nền móng để nghiên cứu tổng quát về những hiện tượng thường gọi là ngẫu nhiên và xếp loại những mối liên lạc của chúng. căn cứ vào 3 nguyên tắc chính: nguyên tắc bộ (bộ ba, bốn, năm v.v... quân bài), nguyên tắc tập trung (một sự kiện xảy ra làm biến đổi tính cách cái nhiên của những hiện tượng khác. Như thiên văn học tìm thấy một tinh vân, tự nhiên phải nghĩ đến sự có thể có nhiều tinh vân khác ở lân cận, vì tinh vân bao giờ cũng có từng đám chứ không riêng rẽ). Nguyên tắc thứ 3 là nguyên tắc phân tán (một sự kiện nhất định thường bị biến tính vì nhiều yếu tố rất khác biệt). Tuy nhiên nói một cách sơ lược như trên không cho ta một ý niệm rõ rệt vì thực ra sự «toán tính» của các chuyên gia không thể diễn tả bằng ngôn ngữ thường.

Rút cục, sự cố gắng của các chuyên gia để khám phá sự ngẫu nhiên tuyệt đối chỉ đưa đến sự phân tích những yếu tố làm cho không thấy được sự ngẫu nhiên tuyệt đối đó.

Nếu có một trường hợp ngẫu nhiên tuyệt đối thì đó là trường hợp con số Pi (II).

Đối với chúng ta, nói đến con số Pi ta chỉ nghĩ đến con số 3, 1416, cái vòng tròn và đường bán kính của nó ;

không ngờ rằng bao lâu nay óc người, óc điện tử đã thi nhau tính toán mà những số lẻ đằng sau dấu phẩy vào, không sao tìm ra hết.

Nhà toán học Shanks đã phí 30 năm để tính ra 707 con số lẻ nhưng máy điện tử tính lại chỉ có 520 con số lẻ đầu là đúng thôi. Năm 1958 máy điện tử IBM 704 chỉ mất 43 giây để tính thôi, máy kiểu Stretch chỉ cần độ một giây. Máy IBM Pháp có thể tính được 10.000 con số lẻ. Nhưng kỷ lục ấy đã bị vượt qua từ lâu, vì một kiểu máy tính 7090 đã tính được 100.000 con số lẻ.

Người ta tự hỏi: chế sợi tóc làm tư để làm gì, khi những bài toán thiên văn và lý học cũng chỉ dùng đến 12 con số lẻ là cùng ! Thực ra sự tìm tòi về con số Pi đưa đến những quan niệm thực tiễn rất quan trọng.

Người ta nhận thấy trong 400 số lẻ đầu chỉ có 26 con số 7 nhưng từ số lẻ thứ 550 đến thứ 650 số 7 hiện ra 19 lần, nghĩa là những con số hiện ra một cách hoàn toàn ngẫu nhiên chứ không theo một qui luật nào cả.

Tóm lại chỉ có sự ngẫu nhiên tuyệt đối trong lãnh vực toán học, tượng trưng bởi con số Pi. Những con số lẻ của nó xuất hiện thật là ngẫu nhiên không theo một chu kỳ nào cả và cũng vô tận, người và máy đều không lường được đâu là giới hạn.

TRỌNG-KHANG

thuật theo Albert Ducrocq

BÁCH KHOA CXXXXIII

Những bước tiến của họa-sĩ Phạm-Tăng

M Ớ I đây, họa-sĩ Phạm-Tăng đã có dịp trưng bày tranh trên đất Ý, tại các thành-phố Florence (từ 22-9-62) và Rome (từ 31-10-62).

Năm tới, cuộc triển-lãm sẽ còn được tiếp tục mở tại Milan (24-1-63) Prato (23-2-63) và Venise (22-3-63).

Trong khi chờ đợi, những kết-quả vừa thu-lượm rất mỹ-mãn; nhiều nhà phê-bình nghệ-thuật nổi tiếng, đã nhiệt-liệt tán thưởng trên các báo chí. Xin trích và lược dịch vài đoạn sau đây làm tí-dụ.

« Họa-sĩ Phạm-Tăng còn trẻ, nhưng nghệ-thuật của Ông đã già dặn. Kỹ-thuật



Họa-sĩ Phạm-Tăng tại Rome (Ý)

của Ông khéo dung hòa truyền-thống cao-qui và cổ-kính của xứ ông, với các ý-niệm thẩm-mỹ hiện nay của phương Tây. Ông đã thành-công, chứ không như một số họa-sĩ Tàu và Nhật mà chúng ta đã biết: những vị này cũng muốn dung hòa nhưng thường có sự lúng-túng, cố với kim vẫn chưa giao kết được. Tác-phẩm của Phạm-Tăng phong-phú sán-lạn

NHỮNG BƯỚC TIỀN CỦA HỌA SĨ PHẠM TĂNG

như châu ngọc nữ-trang, nhưng có nhiều ý-nghĩa hơn là tính cách trang-trí vì đầy sức sống thẩm mạnh mẽ».

(Tuần Báo Văn-Học LA FIERA
LETTERARIA 18-11-62)

* *

— Phạm - Tăng đã từ những kinh-nghiệm thể-hiện dùng đường nét biến chất-liệu, mà chuyển sang hướng tượng-trưng đầy ý-nghĩa..... Ông đã đổi các bình-diện của phương Đông thành những khoảng màu sơn rộng tỏa hay uốn vòng gọn sóng, tạo-vật được diễn-ta dưới nét đơn-thuần khổ-hạnh và các hình-sắc lẫn vào nội-tâm trừu-tượng.

(Nhật báo AVANTI, 2-10-62)

* *

— Họa-phẩm của Phạm-Tăng đã vượt quá lối thể-hiện cổ-truyền, để theo sát những trào-lưu hiện-đại, song vẫn bảo tồn được các chân giá của đất nước Ông, về các phương-diện cảm-xúc và quan-sát.

Kỹ-tuật ở đây đóng vai chủ-yếu, mà đây là một kỹ-thuật kỳ-diện, đầy thú-vị đặc-biệt nhờ cách dùng sơn sống động và uyển chuyển. Nhưng điểm tích-cực nhất ở công-phu tìm-tòi của Ông, là một chú-ý đầy nhân-loại-tính thâm-trầm đã đổi mới được luôn luôn sự thẩm dò thực-thể ở nội-tâm.

(Nhật Báo LA NAZIONE ở Florence)

* *

— Phạm-Tăng điều hòa rất khéo ràng lỏng-lẫy của màu rực tía. Trên tranh của Ông, truyền-thông Đông-Phương hiện ra trong không - khí miên nhiệt - đời, với những màu đỏ, bạc, nâu hợp thành nền sẫm đậm, và bóng dày che phủ như ở trong một khu rừng trúc ảo-huyền, với những ao hồ dội ánh mặt trời xa.

Họa-sĩ này biến hóa các hình ảnh, và chỉ để lại một mối liên-hệ mong manh với thực-tế; đó là những nét cuộn vòng, những đường khít liến hay vạch rõ vẽ nên cây cỏ lạ lùng.

(Nhật báo IL SECOLO D'ITALIA)

* *

— Sau một thời-kỳ thí-nghiệm khá lâu và nhiều kết-quả về hội-họa thể-hiện cổ-truyền, Phạm-Tăng chuyển sang thể-hiện nội tâm thuần-túy; những hình ảnh không gợi ra một ý-tượng, nhưng cho thấy một thái-độ tinh-thần, một mối tương quan với tạo-vật.

Những tranh sơn của Phạm-Tăng phơi bày ra những cơ-câu và hình-thể tiên đoán, vượt qua ý-thức-hệ: thể-chất già nua của thể-giới này lại tung bừng nảy nở, và những mầm rực rỡ ngời lên từ đáy biển thâm-u. Chắc hẳn dụng-ý của Phạm-Tăng là tìm lại những nguồn gốc tạo-vật và con người, qua những nẻo đường cõi mộng.

Nhưng không nên quên rằng Phạm-Tăng không chời bỏ tâm-tình, hoặc chẳng mong lợi dụng hiệu-năng biến-hóa của chất sơn; song họa-sĩ hướng lên một viễn-tượng bao-la về trần-thế, và trong lãnh-vực của một thực-tế mới mẻ. Ông rung động

mạnh mà sáng tác một thứ họa-phẩm phơi rõ ý-niệm về tạo-vật và chất thơ của đo-giác.

(Tuần báo VITA 26-9-62)

Qua những trang báo kể trên, tôi cảm thấy sự thành-thực trong lời khen, và nhiều điểm tương-đồng của các nhà phê-bình có tiếng (Mario Novi, Giuseppe Pensabene, Gisella Sanna, Elena Doni, Lara Vinca Masini, Carlo Giacomozzi, Jacopo Recupero và nhất là Giulio Carlo Argan).

Chưa mấy khi họa-sĩ Việt-Nam được ca ngợi như vậy, nên tôi rất mừng, vì quả là sự vẻ vang chung cho cả ngành hội-họa nước nhà. Nhất là vì — xin cho thú thực — vì xưa nay tôi đã trót gửi nhiều mong đợi vào họa-sĩ họ Phạm, nhưng vẫn băn-khoăn chưa dám tin ở chủ-quan mình, khi chủ-quan đó lại sẵn mang những thiện-cảm không liên-quan gì đến nghệ-thuật.... Chẳng ngại bị trách là theo sau tán rọng, tôi rất hân-hoan đưa ra vài nhận xét riêng đối với một nghệ-sĩ biết giữ lời hứa hẹn, còn sự ngẫu-nhiên hợp ý của các thức-giả thành-thạo hơn tôi chỉ là một sự khuyến khích, ít ra ở điểm mà tôi coi là quan-trọng hơn cả : tinh-thần Đông-phương trong công-cuộc sáng-tác.

Có vẻ hướng uyên-nguyên của Châu Á ngàn xưa, mới mong gột rửa cho sạch những vẩn đục cùng vàng giả của một thời Tây-hóa bông bột và quáng



Bức này vẽ khi chưa sang Ý

mờ, khiến ta không còn nhận nổi những gì nuôi ta sống, những gì thực hợp với lòng ta. Nhưng nói sao cho rõ những chi ngoài luận-lý ?

Trở lại tranh, tôi thấy chỉ có lời nhận xét như trên của người Ý mới cho phép thấu triệt và tổng hợp mà bao quát nhờ trực-giác, *phần thâm-thúy là hồn tác phẩm*. Chớ giá thử Phạm-Tăng trưng bày ở Pháp hay ở Hoa-Kỳ, không khéo gặp những lời khúc-triệt phân tích kỹ-thuật, của một số cây viết quen thói giải phẫu và quên rằng mổ xẻ gà thì giết cả gà.

Biết bao nhiêu họa-sĩ Âu Mỹ đua nhau bỏ hồn mà theo xác, nghĩa là đường nét, diện-tích, khối-lượng, sắc-

NHỮNG BƯỚC TIỀN CỦA HỌA SĨ PHẠM TĂNG

loại, sắc-độ, sắc-liệu, và chỉ quan-niệm bức họa như một sự kết-hợp và dung-hòa mọi yếu-tố. Họ « chơi sơn » như ông đồ « chơi chữ », không nhớ rằng chữ đẹp và sơn đẹp chỉ là những phương-tiện có nhiệm-vụ hầu hạ tâm-hồn và sự Đẹp trong cuộc sống mà thôi. Thứ-vị ưu-tiên của kỹ-thuật (*primauté de la technique*) chỉ có thể thừa nhận trong đời thiết-thực hàng ngày, và một sự lăm lăm vô-cùng tai hại của nhiều môn đệ Maurice Denis, là thừa nhận cả ưu-quyền của kỹ-thuật trong phạm-vi nghệ-thuật. Cho nên, khi nhân mạnh vào tâm-hướng và tinh-thần ở tranh Phạm-Tăng, các nhà phê-bình Ý đã mặc-nhiên tán thưởng đường lối siêu-thoát của họa-sĩ Đường Tông, và Phạm-Tăng quả đã trung thành với chân-giá phương Đông

Sự lũng-cung của một số họa-sĩ Trung-Hoa và Nhật-Bản mà bao La Fiera Letteraria đã nhận thấy, có lẽ chỉ vì quan-niệm thiếu minh-bạch về sự duy-trì và cải-tiến. Giữ gì của phương Đông, theo gì của phương Tây ? Nếu chỉ đem cảnh Tàu, người Nhật, mà vẽ bằng chổi bằng sơn và lời đưa tay của Âu Mỹ, thì cũng chẳng vì thế mà « dân-tộc-tính » của Tàu của Nhật sẽ được bảo-tồn, vì người Đức người Pháp cũng vẽ được gái Phù-Tang hoặc thuyền buồm Hương-Cảng : cũng như Jean Marquet viết truyện theo văn-thể Pháp với nhân-vật Việt và hoàn-cảnh Việt, thì cho thấy làm sao dân-tộc-tính của con cháu Hùng-Vương ? Và nếu dòng Âu-Lạc đem mình ra kể theo giọng Emerson hay Camus, thì trời thiêng liêng may ra cảm thấy chút

hồn lữ tre xanh hay người dắt trâu cây ruộng.

Tại sao Phạm-Tăng đã giữ, và còn mong tìm lại nhiều hơn để giữ, như họa-sĩ đã từng ngờ ý ? Vì ở nghệ-thuật, muốn thành công phải đạt cá-tính, và muốn vậy phải rất thực với mình, với những gì thuộc về da thịt mình, những gì sâu xa thâm kín nhất không thoát nổi giống nổi vạn thuở, nói hàm-hổ thì đành gọi là tính, là hồn. Và muốn khám phá hồn đó, thiết nghĩ cần tạm quên những chất mới nhập cảng, hoặc đừng quên là chất nhập-cảng, và hãy mang thành-tâm hướng lại những sự, những vật, những giá-trị đã lâu nay bị ruồng bỏ : không phải để lại nhắm mắt theo ngọn bút lông thời trước, nhưng để trở lại nguồn khi sông đã cạn, về tận gốc khi quá mùa vẫn chưa thấy hoa.

Jean Arp quay lại chổi cây dương mọc, người chưa hiện thể, chẳng qua cũng bị day dứt tái nhập những thiên-đường đã khuất, để hòa hợp trong niềm hy-vọng hồi sinh, với những sức mạnh tạo thành chất sống, vì tất cả trái đất với con người đã dọa cản cỗi từ lâu. Những « khu rừng huyền-ảo », những « liên-hệ mong manh với thực-tế » của Phạm-Tăng, cũng không ngoài một mục-đích tương-tự như của J. Arp, họa chẳng có khác đôi chút, là ở chỗ Arp trở về nguồn sống của vũ-trụ, còn Phạm-Tăng nhũn-nhận hơn, chỉ muốn lặng thẩm qua phương ẩn-hiện thờ làn khí mát, hái những màu những ánh, những nét chìm

trong dĩ-vãng để mang về cho nghệ-thuật hồi xuân.



Kết-quả do Phạm-Tăng thâu lượm dĩ-nhiên đã đòi hỏi nhiều công-phu; công-phu tìm kiếm đã đành, nhưng còn sự cò găng mà ít người chịu nổi: tuy đã được biết, bán được tranh, và kiếm được khá nhiều tiền, nhưng giũ áo ra đi, đi học lại từ đầu. Tôi biết có những họa-sĩ đã từng bỏ trường để vẽ tự-do, chưa thầy ai ngừng vẽ mà trở vào lớp ngoan ngoãn vâng lời các bậc đàn-anh.

Vì Phạm-Tăng cũng nghĩ như tôi, rằng đàn-anh dầu có thiếu tài chẳng nữa, vẫn giàu kinh-nghiem hơn mình. Và nếu trường học không biến ngay ta thành những Cézanne, thì ít ra cũng cho ta những căn-bản vững chắc để rồi ta liệu xây sự-nghiep. Phạm-Tăng đã tự ép mình vào một kỷ-luật, để từ đó cời mở dần ra mà không ngại buồn tuồng và lạc lõng. Có bạn đã chép miệng bảo tôi: Phạm-Tăng định học đến già hay sao? Nhưng một năm có là bao, mười năm có là bao, như thi-sĩ Rilke thường nói, đòi với nghệ-thuật không bờ?

Rồi trong mấy năm qua, Phạm-Tăng đã cọ sát với những người không giống mình, những kỹ-thuật mới nhất mà họa-sĩ không tán thành khi đã thâu triệt. Chịu túng quẫn và mọi sự không may (như thế càng dễ thành tài) quên cả bà con chúng bạn (chỉ có thể tha thứ nếu vì năng tiên... nghệ-thuật) Phạm-Tăng đã ngày đêm dò hướng mới.



Giang-Hương nhớ Tức-Thức-1960

Khi rời khỏi Việt-Nam, tranh của anh còn mang nhiều hình và bóng của một hai nghệ-sĩ V.N. lớp trước, đây là không kể những bức có tính cách thương-mại hay «hiếu hi». Được ít lâu, họa-sĩ gửi về cho tôi bức Giang-Hương mà không mấy người nhận ra: trông toàn-diện chỉ như một bức màng tơ phớt ánh với nhiều ô trái trám thường in trên vải lụa, và ở một góc trên, nhìn kỹ mới thấy bóng đầu tiên-tử, tất cả là một kết-hợp trên chủ-sắc xanh lá-cây chuyển dần sang các ráng cầu vồng, để dịu tắt trong xanh-đêm của những màng trời.

NHỮNG BƯỚC TIỀN CỦA HỌA SĨ PHẠM TĂNG

ngâm lạnh. Không phải Lập-Thê, không phải Trừu-Tượng kỳ-hà theo lối Mondrian, nhưng có sự kiểu-thức-hóa nhắc lại Villon, với bóng người còn tỏ mờ Ấn-Tượng.

Đền gần Tết Canh-Dần, Phạm-Tăng lại gửi về ba bức, một làm phụ-bản cho báo Tự-Do: mây Thiều-nữ, Bình hoa... mà nhiều khán-giả trách là chìm trong đêm nâu-thẫm của lớp sơn dày nổi vết; tôi mang Bình hoa đi bán, lại đem về... thường thức suông, và an ủi thắm họa-sĩ rằng có thể mới xứng đáng là đàn em Van Gogh. Không nhớ nữa, lúc đó tôi thành-thực nhận ra ưu-điểm mới, hay chỉ cò tìm lý lẽ bào chữa cho người vắng mặt, dù sao thì cũng như sau:

— Ấn-Tượng thiên về ánh sáng, thể hiện vật gì cũng bằng ánh sáng, bức tranh là các ánh sáng trên đó lộ ra cây cỏ, mặt người... Tại sao không thể ngược lại? nghĩa là cho hết không-gian vào bóng tối, thể hiện bằng bóng sẫm, rồi từ đó cho hiện dần ra các thể các hình? Vũ-trụ sinh ra từ chồn hồn-mang mờ mịt, mãi mới nảy ra tinh-tú; con người sinh ra trong bụng mẹ, hơn 9 tháng mới được soi ánh mặt trời; mỗi ý mỗi tình của ta cũng sinh từ đáy lòng u-ẩn, âm l hay sôi nổi, quanh quẩn mãi trong tiềm-thức rồi gặp xúc-động mới ngoi hay bật ra ngoài. Nếu ta không cưỡng luật thiên nhiên đó, nghĩa là chí-thành, thì mỗi



(Bức này mới vẽ và bày tại Ý)

sản-phẩm tinh-thần của ta cũng theo một hướng từ Âm ra Dương: Ba bức của Phạm-Tăng, mới trông thì tối om: nhìn kỹ mới rõ các hình thể uốn nét cựa màu mà u hiên: sao lại cảm?

Lý thì như vậy, nhưng cảm thì lại cũng mong sáng hơn, không phải là sáng tươi sáng rực, nhưng cũng đừng cho thối-mắc rắng ở đây « âm-khí nặng nề », có lẽ nên chấp nhận của phương Tây đôi chút tỏ-mờ clair-obscur, và đừng gạt bỏ cả ánh sáng mà ở phương Đông qua bao thế-kỷ mới có vài Quách-Hi chú trọng. Nhưng thực quả cả ba bức kia đều cho thấy một bút-thuật

ĐOÀN-THÊM

khác xưa, trong đó chất sơn nhu-nhuễn được giữ phần quan-trọng : bước tiền đã dài.

Những bức trưng bày tại Ý, chắc thuộc giai-đoạn thứ ba : đặc-điểm là tan hình biên thê, đề trong hoang-vu mọc hoa cỏ mới và hện ánh ngày mai, kỹ-thuật khuất sau phức-tạp của cuộc sống mượn sức triều dâng, nước chảy về muôn ngả, hay mảnh núi ngừng mây. Thấy vậy, biết thê, còn đường nét, bố-cục, phân-phối, thê-hiện hay trừu-tượng... tất

tất cả đều là... chi-tiết, phụ-tùng, và phương-tiện. Tôi không muốn đem các tiêu-chuẩn được chấp nhận ở Paris, Londres hay New-York mà thường thức Phạm-Tăng. Và dù tôi có sai lầm, thiết nghĩ Phạm-Tăng cũng cứ liệu theo hướng mới, để rồi đây tìm giúp lại một niềm tin, là có thê hợp hòa cùng trời đất, một hạnh-phúc mà con người đã đánh mất ngót hai thê-kỷ nay rồi.

Đ. T.

- Thiên tài, năm phần trăm do cảm hứng tạo nên, và chín mươi lăm phần trăm do công lao khổ nhọc.

Picasso

- Muốn nói sự thật, cần phải có tài.
Muốn bịa sự thật, cần phải có thiên tài.

Maurice Garçon

- Cái tay giận dỗi không đánh nổi cái mặt tươi cười.

Cổ-Ngôn

TRIỂN-LÃM MỸ-THUẬT

Nhân dịp lễ Giáng-Sinh và Tết dương-lịch 1963, Nha Mỹ-Thuật Học-Vụ sẽ tổ-chức một cuộc Triển-Lãm Mỹ-Thuật Quốc-Gia dành cho các nghệ-sĩ Việt-Nam toàn quốc, từ 21 tháng 12 năm 1962 đến 4 tháng 1 năm 1993, tại tòa nhà Triển-Lãm công-viên Tao-Đàn.

Các họa-sĩ hay điêu-khắc-gia muốn biết thêm chi-tiết xin hỏi Phòng Học-Vụ Nha Mỹ-Thuật Học-Vụ, số 35, đường Lê-Thánh-Tôn — SAIGON.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1855)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38. Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)



NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaup Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Uwe Johnson



HỘI đồng giải thưởng Formentor năm rồi, sau những lời tán tụng nồng nhiệt của Michel Butor, đã dừng lại rất lâu trong cuộc thảo luận về Alain Robbe-Grillet. Ở đây, các nhà văn và các nhà phê bình muốn chú ý đến sự thành công của một con đường mới mẻ. « Tiểu thuyết mới » đang được coi như một tìm kiếm mới mẻ, và Robbe - Grillet đang được coi như thành công. Hội đồng xác nhận ảnh hưởng của Robbe Grillet đang lan rộng, nhiều nơi trên hoàn cầu đang nảy sinh ra một số đồng Robbe - Grillet con.

Thế mà rốt cuộc nhà văn có nhiều ảnh hưởng ấy đã thất bại trước một thanh niên hăm tám tuổi : Uwe Johnson.

Trong cuộc so tài quốc tế, giữa những văn sĩ nổi tiếng của hầu hết các nước lớn Âu-Mỹ, người được giải như vậy thật là trẻ, quá trẻ. Một ký giả (1) đến gặp Johnson càng ngạc nhiên, vì trông vẻ mặt thực của tác giả còn trẻ hơn trong các bức hình nữa, bộ tịch lại ngoan ngoãn như một cậu học trò, ngồi khoanh tay trên mặt bàn, chăm chỉ nghe từng câu nói của người đối thoại. Tác giả đến nay chỉ mới có hai cuốn tiểu thuyết, mà cuốn được xuất bản đầu tiên thì in ra hồi tác giả mới hăm bốn tuổi.

Trường hợp Uwe Johnson còn có chỗ quan trọng nữa là vì nó đánh dấu

(1) François Erval, viết trên tạp chí *l'Express* số ra ngày 11-10-1962

sự phục hưng văn nghệ của nước Đức sau chiến tranh. Thực vậy, nước Đức, quê hương của Bach và của Goethe, đã im hơi lặng tiếng một cách đáng ngại ngót hai mươi lăm năm nay. Chiến tranh đã tàn phá của Đức nhiều thành phố kỹ nghệ, thế nhưng trên đồng tro tàn ấy chẳng bao lâu các xưởng máy đã mọc lên, đã cạnh tranh, đã thắng mức sản xuất của nhiều nước khác; xe Mercédès, xe Volkswagen đã tràn qua tận Hoa-Kỳ. Nhưng còn văn nghệ của Đức thì sau ngày Hitler qua đời rất lâu vẫn không thể vươn lên nổi. Cái di hại của một chế độ độc tài đối với cuộc sống tinh thần quả sâu xa nguy hiểm hơn là của sự tàn phá do bom đạn đối với cuộc sống kinh tế của một quốc gia. Do đó, mà khi hay tin Heinrich Böll được hội đồng giải Nobel chú ý, Uwe Johnson được giải Formentor, Gunter Grass thành công v.v... những người có quan tâm đến số phận của Đức quốc cảm thấy một thời kỳ mới đã bắt đầu trên nước này.

*
* *

Tác phẩm thứ nhất của Uwe Johnson nhan đề là « *Các ước thuyết về Jakob* ». (2)

Một buổi sáng mùa đông, tại một thành phố nào đó trên bờ sông Elbe, nằm trên ranh giới giữa hai miền Đông và Tây Đức, một anh chàng tên là Jakob bị xe lửa cán chết. Để tài

chỉ có như thế. Tại sao anh chàng Jakob ấy chết? Tai nạn chẳng? Tự tử chẳng? Nhiều người bàn tán, tìm hiểu, mỗi người mỗi cách; tác giả cũng góp nhặt tài liệu, cũng bàn, cũng tìm; nhưng rốt cuộc không ai hiểu ra sao cả.

Muốn theo dõi đời sống của Jakob xem trước hôm đó anh ta làm những gì chẳng? Tác giả sẵn sàng trình bày một quãng thời gian mười lăm ngày trước hôm đó. Trong thời gian đó mẹ của Jakob vừa tròn qua bên Tây Đức. Tại bên ấy có cả Gesine Crespahl, tình nhân của anh ta, tròn qua đã lâu, làm việc tại bộ tham mưu của tổ chức liên phòng Bắc Đại-Tây-dương. Gesine vừa mới lên trở về tìm gặp anh ta. Cùng về với cô gái ấy có một anh chàng trí thức tên Jerichow vốn là giáo sư triết học ở Berlin; chuyện gì đây? bám theo vì tình, hay là để do thám đây? Rồi cô gái trở qua Tây Đức. Rồi Jakob cũng theo sang bên đó, để gặp người yêu và gặp mẹ. Đến khi anh ta trở về đến ranh giới thì bị xe lửa cán chết. Đây, đời sống của anh ta, những chuyện anh ta đã làm là như thế đấy. Nó có giúp ai hiểu thêm chút nào về cái chết của Jakob đâu?

Cần thêm tài liệu gì nữa? Đây, một ít trang nhật ký, những báo cáo của công an chính trị, những lời đòi đáp, bàn luận của người này người kia xung quanh Jakob? Tất cả những tài liệu đó càng đưa ra càng làm rắc rối thêm vấn đề. Kỹ thuật trình bày của tác giả khiến cho có lúc người ta

(2) Xem phần trích dịch của Nguyễn-Minh-Hoàng ở *Bách-Khoa* số này.

thoát chứng kiến tai nạn, rồi thoát lui về trước hàng thàng, có lúc đang đứng ở trước nhà ga của Jakob, bỗng thỉnh linh được chuyển sang Berlin, sang Francfort, có lúc ở Đông Đức, bỗng bắt ngờ bị chuyển qua Tây Đức, có lúc đang suy xét theo quan điểm của người này, chợt quay qua nhìn vấn đề theo quan điểm của người kia v.. v... Bị đổi vị trí luôn luôn như thế, chẳng mấy lúc người ta sinh choáng váng, đâm ra hoang mang, không còn biết ra sao nữa. Cảm tưởng cuối cùng của chúng ta là thấy mình đứng trước một bí mật không tài nào hiểu thấu.

Con người là một bí mật. Chúng ta có thể trông thấy cử chỉ hành động của họ, nghe lời họ nói, biết cả quan điểm của họ về việc nọ việc kia..... nhưng rốt cuộc tất cả những cái đó vẫn chưa phải là con người trọn vẹn, vẫn chưa giúp ta hiểu được họ đầy đủ. Sau khi thấy Jakob và những kẻ thân người thù của Jakob hoạt động, sinh sống, ta đã biết gì về Jakob? Hay là chỉ có thể đưa ra một mô ức thuyết phân vân, mơ hồ về anh ta? Trên địa hạt chính trị cũng một niềm phân vân bồi rối như thế, người Đức của thế hệ Uwe Johnson bị giằng xé giữa hai miền Đông Tây, họ hoang mang giữa lằn ranh giới trong một hoàn cảnh éo le của đất nước. (Không phải không có lý do mà bản dịch tiếng Pháp của cuốn tiểu thuyết này lấy tên là *Ranh giới* (3))

* *

Tác phẩm sau của Uwe Johnson, được thưởng ở Formentor, tên là « *Quyển sách thứ ba về Achim* ».

Achim là tên một cua - rơ xe đạp của Đông Đức. Chính phủ muốn khai thác tên tuổi anh ta để làm lợi khí tuyên truyền. Đã có hai người được lệnh viết tiểu sử của anh cua-rơ ấy, nhưng tiểu sử không có giá trị, vì viết bằng một giọng rề tiền, để cao quá lồ. Lần này, chính phủ cạy đèn một ký giả Tây Đức viết một quyển sách cho đứng đắn, cho khách quan.

Ký giả này bắt đầu sưu tầm tài liệu, và đều lúc bắt tay vào việc mới thấy mỗi bước mỗi gặp toàn là những trở ngại nan giải. Chẳng hạn Achim cũng như phần đông trẻ thiếu nhi Đức trước kia đều có gia nhập vào các đoàn « Thanh niên Hitler ». Có nên thuật lại chẳng? Thuật lại có làm hại uy tín của anh ta, có làm mất cảm tình của quần chúng đang hâm mộ anh ta chẳng? Rồi lại còn bao nhiêu là chi tiết khác, nếu thuật ra, sẽ làm tiêu tan mất cái hình ảnh đẹp đẽ hoang đường mà quần chúng đang vẽ ra về Achim. Vậy viết cách nào đây?

Tác giả còn đi xa hơn nữa. Ngoài những chuyện biết mà không tiện viết ra, lại còn những điều mà người ta không chắc có thể biết được. Thực ra ai biết được đích thực về Achim? ai dám chắc biết được rõ ràng về con người? Vâng, sưu tầm, gom góp

(3) *La Frontière*, do Marie - Louise Posty dịch (N.R.F. Gallimard — 1962).

một mớ tài liệu về những hành động của Achim thì không khó, nhưng mà từ những hành động, cử chỉ, lời ăn tiếng nói ấy đi cho tới các động cơ sâu xa của nó, cho tới Achim toàn vẹn, phức tạp, công việc thực khó khăn. Có thể biết những hoạt động, hành vi, nhưng còn Achim, còn con người, thì không thể nào sờ tới nổi. Cuối cùng ký giả bỏ cuộc, thế là cuốn sách thứ ba về Achim không viết được!

* * *

Hai quyển tiểu thuyết của Uwe Johnson, làm cho người ta thấy rõ sự khốn khổ của nhà văn — của con người nói chung — trong thời kỳ này. Trước kia Balzac thông suốt tường tận về cha con ông cụ Grandet chẳng hạn, thấu hiểu từng tính từng nết, biết rõ ruột gan của họ, Stendhal cũng thuộc vanh vách về tâm lý cậu Julien Sorel và các người nhân tình của cậu ta. Các nhà văn của cái thời sung sướng ấy, họ « nắm vững » tâm lý nhân vật của họ đến nỗi trong truyện sự việc diễn ra không vấp không sai, cơ hồ tất cả đều có thể phân tích giải nghĩa được căn cứ trên những nét tâm lý được trình bày.

Nhưng đến Marcel Proust thì sự thế đã biến đổi. Tâm hồn một nhân vật như Swan, như cô Gilberte v.v... là cái gì thực bí hiểm, linh động, phong phú. Mỗi một cuộc sống tưởng như bị lật qua lật lại, nhìn bên này ngấm bên kia, và luôn luôn bày ra những vẻ mới lạ, thay đổi không ngừng.

Lại đến Claude Simon, sự bí hiểm về con người càng mịt mù thêm lên. Ba người lính trên con đường Flandres kẻ đưa ra khía cạnh này người đưa ra khía cạnh khác, càng bàn tán kẻ lẽ càng làm rắc rối thêm cái hình ảnh của vị chỉ huy của họ. Thực tại như có một bề dày không thể nào « đâm thủng » nổi.

Đối với Uwe Johnson, con người lại cũng khó hiểu như thế. Trước một cái chết rất tầm thường, một tai nạn lưu thông như những tai nạn vẫn xảy ra hàng ngày ở các thành phố, người ta tự thấy đứng trước một bí mật không tài nào hiểu thấu. Ở đây thế là thôi, không mong gì viết nổi về một cuộc đời dài dằng dặc, có mạch lạc như cuộc đời của cậu Julien Sorel. Chỉ một cái tiểu sử con con của một anh chàng cua rơ xe đạp mà cũng không viết được nữa là! Người ta tự thấy tuyệt vọng, không với tới sự thực mơ hồ luôn luôn trốn thoát khỏi sự suy tầm của mình.

Đọc những nhà văn Âu Mỹ của thế kỷ trước (và một số đông những nhà văn ở ta hiện nay) ta có cảm tưởng yên ổn, có cảm tưởng rằng có thể thấu hiểu sự vật, rằng tâm hồn con người giản dị và trong veo! Đọc những kẻ như Claude Simon, Uwe Johnson ta có cảm tưởng sự vật mờ đục mù mịt. Mỗi tác phẩm tiểu thuyết loại trên là một khám phá, giải thích về tâm hồn con người, mỗi tác phẩm loại dưới là một dấu hỏi hoang mang lừng lờ.

Để thể hiện cái bề dày bí hiểm của con người như thế, M. Proust đã

dùng một lối văn dài dòng khó khăn, Claude Simon lại càng lê thê và hiêm hóc. Uwe Johnson thì viết từng câu khá giản dị, rõ ràng ; nhưng ông không ngần ngại xáo trộn thời gian và không gian để làm cho độc giả đôi khi lạc hướng ngán ngao. Ông không chú ý sử dụng một kỹ thuật « mới », ông không nề hà phân biệt mới hay cũ, và sẵn sàng dùng mọi phương tiện để đạt cái đích của mình. Ông nói với François Erval một câu làm cho ký giả này rụng rời :

« Có một nhà văn Pháp mà tôi đọc đi đọc lại mãi. Một nhà văn thôi : Montaigne ». (1)

Tuy vậy ông không nhận chịu ảnh hưởng của một ai.

« Tôi không tin là đã đặc biệt chịu ảnh hưởng của một tác giả hay hay của một kỹ thuật nào cả. Mọi kỹ thuật mới, một khi đã đem ra dùng, tức là thuộc vào lãnh vực công cộng và từ đó thuộc về tất cả mọi người. Nó là của chung ».

* *

Uwe Johnson không phải chỉ nêu lên sự hoang mang trước văn đề con người, hoặc trên bình diện nghệ thuật mà thôi. Thái độ của ông cũng tiêu biểu cho sự băn khoăn của dân tộc Đức đối với tình trạng qua phân lãnh thổ và tình trạng xung đột giữa hai ý thức hệ đối nghịch trên xứ sở. Trong Thư tịch Đức quốc người ta xem cả hai tác phẩm của Uwe Johnson như những sách đề cập tới văn đề chia cắt đất nước.

Trong đời riêng của tác giả, cả hai miền Đông và Tây Đức đều có chỗ không bằng lòng về ông. Trước ông

ở Đông Đức, sách của ông bị cấm in, ông chạy sang Tây Đức và in được sách, nổi tiếng. Lẽ dĩ nhiên ông đã chọn Tây Đức và xem cuộc sống tại đây thích hợp với mình. Tuy nhiên ông giữ một thái độ dè dặt trong các lời tuyên bố làm cho Tây Đức có lúc phải phàn nàn ông ra mặt. Chẳng hạn, về cuộc đời miền của ông, ông không chịu nói đó là « vượt trôn » theo lời nói của mọi người, mà chỉ cho đó là một cuộc di cư, dời chỗ ở thôi. Hỏi ông tại sao lại không chịu dùng danh từ thông dụng, ông bảo :

« Tôi không thể dùng chữ trôn. Hồi đó bức tường Bá - Linh chưa xây và đi một chuyến xe từ bên phần này qua bên phần kia thành phố chỉ bị kiểm soát qua loa thực sự không đáng mệnh danh là vượt trôn. Tiếng ấy cần dành cho những kẻ đổi miền trong lúc này đây ».

Những lời tuyên bố dùng dằng của Uwe Johnson có lần đã làm cho Von Brentano phải lên tiếng chính thức phản đối.

* *

Và Uwe Johnson, con người đặt ra bao nhiêu sự phân vân ấy, tự mình cũng là đối tượng cho sự phân vân của dư luận. Mới chưa đầy ba mươi tuổi, mới xuất bản có hai cuốn sách, ông đã được nhiều người tôn làm Faulkner của nước Đức. Nhưng đồng thời, ngay tại nước ông, khi được tin ông được giải thưởng các nhà xuất bản ở Formentor, nhiều người khác lại thất vọng, kêu rằng sao lại chẳng thưởng cho Alain Robbe - Grillet có hơn không !

12-1962,

TRẦN-THIÊN

Đường ranh giới

Tác giả: UWE JOHNSON

NGUYỄN-MINH-HOÀNG trích dịch

MÀ từ hồi nào đến giờ Jakob vẫn băng như thể qua đường xe lửa.

— Mà từ hồi nào đến giờ anh ta vẫn băng như thể qua những đoạn đường đổi toa, bởi vì từ phía bên kia nếu phải đi vòng từ nhà ga lại khoảng chừng nửa có đóng đinh dành cho người đi bộ anh ta phải mất thêm nửa giờ mới đi tới trạm xe điện. Anh ta làm trong sở hỏa xa đã bảy năm rồi chớ ít gì đâu.

— Anh nhìn thử thời tiết này xem, tháng mười một sương mù dày đến nỗi đứng cách mười bước không trông thấy, nhất là về buổi sáng, đường rất trơn. Bước xẩy một bước là xong đứt cuộc đời. Lại nữa, thứ đầu máy nhỏ dùng để đổi toa, chúng chạy êm quá, mình không nghe gì cả, không thấy gì cả.

— Nhưng Jakob làm trong sở hỏa xa đã bảy năm rồi, kinh nghiệm anh ta có thừa, cái gì vừa động dậy trên đường

sắt anh ta đã biết ngay, dầu từ xa cũng vậy, không lẽ anh ta lại không nghe gì cả.

*
*
*

Phía dưới gian phòng bẽ « ghi » cao ngất có cửa kiếng vây kín xung quanh một bóng người lăm lăm bước bằng những bước khoan thai vững chắc. Bóng người đó băng qua khu đường sắt chằng chịt nhau như mạng nhện, đứng dừng lại dưới một ngọn đèn báo hiệu màu xanh, biến mất một lúc phía sau chuyến xe tốc hành đang lao đi rầm rộ, rồi tiếp tục lăm lăm bước. Nhìn dáng đi chậm chạp, đều đặn đó ai nấy biết ngay là Jakob, chàng thu hai bàn tay trong túi áo choàng ngoài, nhìn thẳng tới trước, làm như đang quan sát sự lưu thông của các đoàn xe trên đường sắt. Càng đến gần gian phòng bẽ « ghi » bao nhiêu bóng chàng càng chìm mất bấy nhiêu trong đám màu xám xịt của những toa xe kỳ dị, những chiếc đầu máy

ừ đừ. Trong làn sương sớm, từng hồi coi chát chúa vang lên, đường sắt ướt át và nhầy nhụa.

— Ở đây nếu có người nào biết rành nhất về xe lửa người đó phải chính là Jakob. Anh ta đã giảng giải rõ ràng cho tôi nghe mọi thứ giảng giải bằng những công thức vật lý hân hoan. Bảy năm trong nghề chờ ít gì đâu, anh ta thường nói: « Thoạt thấy đồng đen gì lù lù chạy bỏ lại phía anh, anh nên đứng lại ngay, dầu thấy còn xa cũng thế. Minh tưởng nó còn xa nhưng thật ra nó đã đến sát một bên rồi ». Dầu có sương mù đi nữa, chẳng lẽ anh ta không trông thấy đoàn xe đang đâm sầm lại?

— Trước một tiếng đồng hồ, có một anh phu đã bị cán chết gần chỗ đậu xe, anh phu đó cũng ở lâu năm trong nghề như Jakob.

— Chính vì thế mà ai nấy đều xôn xao. Hồi sáng này Jakob đã từ khu vực phía Tây đáp chuyển xe liên khu vực trở về. Jakob đến nhà ai bên ấy anh có biết không?

— Đến nhà lão Cresspahl. Lão này có một cô con gái.

Mùa thu năm ấy cha tôi được sáu mươi tám tuổi, ông sống cô độc trong ngọn gió biển từ ngoài khơi tàn bạo thổi vào.

Fleisch Cresspahl là một ông lão to lớn, lực lưỡng, bộ dáng ông nặng nề, chậm chạp, đầu ông là một cái gác chuông

nhà thờ già cỗi, chịu đựng sức tàn phá của thời gian, tóc ông màu xám, cắt ngắn, chải không đường rẽ. Vợ ông chết đã mười tám năm nay, cô con gái ông hiện sinh sống ở một nơi khác. Nghề thợ mộc của ông nuôi sống ông một cách rất thất thường, tấm bảng hiệu trước kia vẫn treo trên cửa nhà đã được gỡ xuống từ lâu. Bây giờ nếu gặp dịp ông vẫn lãnh sửa các loại bàn ghế quý cho một viện bảo tàng họ trong địa phương hoặc cho vài khách hàng vốn biết danh ông nên tìm đến, ông kiếm ăn lây lất như thế. Tờ khai thu nộp đúng theo luật định, số tiền gửi ngân hàng thích ứng khôn khéo theo nhu cầu của nếp sống nơi tỉnh nhỏ, không có điều gì khiến nhà cầm quyền nghi ông có những món lợi tức không hợp pháp.

Sáu mươi tám tuổi, thợ làm tủ gỗ, cư ngụ tại Jerichow, đường Lò Gạch. Không, thật tình là tôi không hiểu tại sao lại có cái bản báo cáo kia của sở phản gián trong quân đội. Những bản báo cáo của phòng điều tra Jerichow hầu hết là những lời tố cáo tách cách cá nhân: ông ta nói thế này, ông ta nói thế nọ. Trước đám đông, trong quán rượu (nhưng đừng tưởng ở đây « trong quán rượu » có nghĩa « trước đám đông » nhưng họ đều quen nhau cả) vậy thì, trước đám đông, trong quán rượu, ông ta vẫn hát bài hát kể tích con chó lên vào nhà bếp là một đồng trên quả trứng chiên, anh đầu bếp cầm cái muỗng múc canh rượi đánh con chó liên hồi nhè từ, lúc ấy tất cả những con chó trên thế gian bèn họp lại thốt lời ngợi khen anh đầu bếp, trên tấm bộ bia bày chỗ viết, thành kia là bảy, rồi con chó quay vào nhà bếp rồi tôi quên mất đoạn sau. Tôi thấy rõ ngày

nay họ ghi cả đến những điều như vậy ! phải suy nghĩ kỹ. Hình như bọn họ tưởng rằng các điệp viên bên địch đã chọn một bài hát ngớ ngẩn để làm mặt hiệu nhận nhau và trong một ngày gần đây các điệp viên ấy sẽ mang theo phù hiệu chính thức. Bọn người săn chó ! Việc ấy làm họ bức mình, nhưng việc ấy cũng làm bức mình cả, những người khác, những người ấy có ý định để Cresspahl sống yên ổn với tuổi già. Nhưng đột nhiên tôi thấy rằng Cresspahl có một cô gái, sinh năm 1933, học trường trung học Jerichow, trường Anh ngữ ở Leipzig, trường thông dịch Francfort-sur-le-Main, tôi nói rõ « sur le Main » và từ đầu năm nay ở Jerichow không ai để ý chuyện này, Cresspahl cũng không đi nói cho ai nấy biết) làm thông dịch viên tại tổng hành dinh. Tổ Chức Phòng Thủ Bá Đại Tây Dương. Tôi tiếp tục lật mở hồ sơ, không thấy có chi tiết nào rõ rệt, chỉ là việc làm tỉ mỉ để làm mình chán và lối mười hai giờ trưa tôi quay về văn phòng sở. phân gián, đến chỗ làm việc của Lugin, đặt chồng hồ sơ trước mặt y, nếu phải bắt tay vào việc này, tôi xin đảm nhận. Y nói : « Ah galuboschka ». Việc gì y cũng ghi nhớ trong đầu, một trí nhớ kinh khủng y bảo tôi tỏ bày ý kiến. Tôi tỏ bày ngay, Đến lượt y, y cũng bàn tiếp mấy câu. Bàn cãi. Đồng ý. Tóm tắt vấn đề. Y rất khà ái, không có cái giọng người trên sai bảo, nhưng tôi biết tôi đang khoác vào mình một nhiệm vụ vừa quan trọng vừa tế nhị. Con bồ câu trên mái nhà. Trọn buổi tôi đồ tôi nằm nhà. nhưng đầu óc tôi lúc nào cũng rộn ràng bao nhiêu ý nghĩ, chốc chốc tôi đâm ra lo ngại, những việc trước tôi hoàn thành suông sẽ, tôi được tin nhiệm và cái nhiệm vụ đặc biệt này cũng là một cách để thăng thưởng tôi đây,

tại sao Cresspahl lại có thể hát những bài hát như thế ấy ? hơn nữa việc thăng thưởng tôi không có gì làm chắc. Còn nỗi lo thông thưởng của một người cha về đàn con nhỏ. Tôi biết rõ đứa con gái tôi, phải đi ngủ từ lúc tám giờ, nó vừa hai tuổi, tôi biết rõ thế, tuy nhiên tôi cũng cúi xuống bên giường nó, âm nhẹ nó lên để từ giã nó. Nào thì đi. Nửa đêm tôi bước xuống đường, Hauschen đang học bài trong sách, lần nào gặp y tôi cũng thấy y cúi mũi trong một quyển sách của một trường kỹ thuật dạy bằng lối gởi thơ. Y ngáp dài, mở máy cho xe chạy ; « Ngày nghỉ sao mà ngán thế » tôi đáp : « Ở Jerichow có một bãi biển » nhưng hai chúng tôi đang ở trong vòng ngày 7 tháng mười, Tôi lại cảm thấy thơ thới. Chỉ việc ngồi chờ sự thế xảy ra. Lúc ấy là đầu tháng mười, trời chớm thu, chúng tôi chạy suốt đêm về trời biển bỏ lại sau lưng thành phố Berlen ; bầu trời mỗi lúc một rộng ra. một trăng bẽch ra, đỉnh gác chuông kín đáo lú ra từ phía sau dãy núi. Ở Jerichow bọn người săn chó chiếm trọn hai biệt thự ở con đường Nhà Ga, tôi xúm xập, buồn, có vẻ hoang tàn, nhà để xe nằm ngay bên cạnh. Chỉ thiếu có mỗi tấm bằng hiệu. Tôi đưa giấy tờ có ghi tên Rohlf's ra và bảo họ dọn cho Hauschen và tôi một gian phòng ngay nửa giờ đầu họ đã hỏi tôi về vụ Cresspahl. Họ rất nóng tính, chẳng biết gì về hát xướng, nhưng cái tên ấy tôi chưa nghe nói đến bao giờ ; hay họ tưởng rằng chồng hồ sơ đã chuyển đến tay ông bộ trưởng ? Họ nói : « Ở đây rất khó cho mình hoạt động » tôi hỏi : « Bãi biển ở đây, tắm có tốt không ? », họ bảo trời lạnh quá. Cái thằng cha đôi khi hình như có một vài ý kiến lạ trong đầu kia có lẽ sẽ giúp tôi được việc.

Ngay hôm đó tôi gọi điện thoại về nhà, hy vọng đưa con gái tôi khỏe mạnh, và cũng ngay hôm đó tôi trông thấy Cresspahl, lần thứ nhất, cao lớn, lực lưỡng trước phòng bán vé, hai ống quần nhung đến nhàu nát, áo « vết » rộng xù xì, lem luốc.

— Còn nếu họ hỏi vặn ông ?

Nếu họ hỏi vặn tôi có lẽ tôi sẽ nói : phiên nhân diện còn đang bổ túc thêm. Gesine Lisbeth Cresspahl. Phải rồi thế đấy, ở đây có nhiều người mang tên như thế, người mẹ tên Lisbeth, Lisbeth Cresspahl, chết năm 1938. Năm mộ cô đại mộc đầy, xung quanh không có vòng rào gì cả, nhưng năm mộ bên cạnh được rào bằng những giàn sắt đất tiền. Trên tấm bia, cái tên tròn (không có chữ Elisabeth), không có tên hồi còn con gái, không có câu dẫn tích trong Kinh-Thánh, không có hình thánh giá, chỉ có dòng chữ số ghi ngày tháng ra đời, ngày tháng chết. Gesine Lisbeth. Còn bề cao ? trung bình. Nhưng những chi tiết đó đã cũ rồi, cách đây đã năm năm. Phải làm sao ? Màu mắt : nâu. Đôi mắt có thể là màu xanh, nhưng vì trong phòng kiểm tra tôi quá nên mắt ai nấy đều hóa ra nâu hết ; thử xem họ ghi màu tóc ra sao : đen. Ngày sinh tháng đẻ. Dấu vết riêng : không. Tôi không biết tìm cách nào hơn, với những chi tiết như vậy khó mà tiến hành công việc. Tấm ảnh căn cước chụp cạnh gian hàng thực phẩm, viện chụp ảnh tối tân, chào cô Cresspahl, mời cô ngồi đây. Cô áo lạnh bề lên dưới cằm, đầu hơi nghiêng thêm một chút, vành tai bên trái thấp quá.

— Cô ta vẫn như thế đó.

— Có lẽ tươi cười hơn chút nữa.

— Không. Đây là ảnh căn cước mà.

Khuôn mặt rất mười tám tuổi, mớ tóc đen, nhưng không đen lắm, cắt ngắn, chải lật ra sau, màu da rám nắng, phía trên đôi má hai mắt bình tĩnh nghiêm nghị bướng bỉnh, màu mắt : nâu. Con bờ cầu trên mái nhà.

Suốt trong tám năm Heinrich Cresspahl đã tiễn chân cô con gái ra tận ngoài bức cửa. Ông tựa vào khung cửa, nói thêm với cô con gái mấy câu. Nàng đứng trước mặt ông, hai tay chấp sau lưng, không nhìn ông, rồi ngược mắt lên, cả khuôn mặt tươi cười rạng rỡ, nàng nhẩy chân sáo quanh ông, hỏi ông đủ thứ, chọc phá ông, rồi nàng ném về phía ông một cái nhìn ngán, giơ bàn tay vẫy vẫy, băng ngang trụ sở bộ tư lệnh hồng quân, đi về hướng trường học, và sau này về hướng nhà ga, còn Cresspahl thì đứng sững trước nhà, ông píp ngậm trên môi, nhìn lên trời như tìm kiếm. Sáo nào ông cũng lập lại bên tai cô con gái câu nói cũ. Khoảng mùa xuân năm thứ tư kể từ ngày thành lập Nền Cộng-Hòa Đông Đức, mỗi ngày nghỉ cuối tuần nào cô gái cũng đến thăm ông, nàng vẫn ngoan ngoãn nghe ông nói nhưng trong sự ngoan ngoãn ấy của nàng ông cảm thấy như có một sự gì sắp sửa bùng lên, rồi một buổi sáng Cresspahl không băng qua đường đi đến tiệm của Ilse Papenbrock mua bánh mì cho cô con gái đếm tâm như thường lệ nữa, vì buổi tối đó nàng ghé về nhà rồi đi ngay không chờ đến sáng. Nhưng năm kế tiếp về sau Cresspahl chỉ mua thứ bánh mì rẻ tiền và Ilse Papenbrock nghe nói cô con gái Cresspahl đã đi du lịch nước ngoài. Trọn ba năm rưỡi bà Ilse đã

nhận tạm câu giải thích này về sự vắng mặt của Gesine; có thể tưởng tượng một cô thiếu nữ dám một thân một mình du lịch vòng quanh thế giới như vậy được không? Cresspahl không biết rằng quả đất ấy to lớn lắm hay sao chứ!

Trước kia Jerichow là một thị trấn quê mùa, thường thường nằm dưới bàn tay cai trị của một dòng quý tộc; một ngàn lẻ một mái nhà dựng trên miền duyên hải Mecklenbourg, ngọn gió biển từ ngoài khơi tàn bạo thổi vào quanh năm... Lisbeth Cresspahl chết năm 1938, hồi tháng tư, Gesine bấy giờ được mười hai tuổi. Một trong hai gia đình ở Poméranie đã tiếp tục lên đường sau khi bản hòa ước Potsdam được ký; nhưng bà Abs thì vẫn muốn ở lại, trước kia bà dắt đưa con trai nhỏ đến cư ngụ Jerichow. Qua năm sau, bà bán chiếc xe và hai con ngựa để lấy tiền mua một mớ thóc một mớ khoai dự trữ, rồi bà xin được chân nấu bếp trong nhà thương. Trong năm đầu Jakob đi làm thuê ở mấy làng kế kế cận. Mùa đông chàng không tìm được việc làm, đành buôn rượu lậu kiếm ăn qua bữa; chàng võ vẽ học nghề với Cresspahl, nhìn Cresspahl bảo, cưa, đục, đục rồi bắt chước, chính Jakob đã chạm trên cửa mấy chữ: XƯỞNG BÀN GHẾ CRESSPAHL; nhưng đến năm chàng mười tám tuổi Jakob xin vào làm trong nhà ga Jerichow. Hồi ấy Gesine Cresspahl vừa vào trường trung học, nàng được 15 tuổi, hễ Jakob đi chơi đâu nàng đều đi chơi theo đó, và tưởng Jakob và nàng là hai anh em ruột. Rồi Jakob đổi xuống làm việc dưới miền Nam tận lưu vực sông Elbe. Mỗi chúa nhật cô con gái Cresspahl gặp lại chàng giữa hai chuyến xe về Jerichow thăm ông Cresspahl

và bà Abs. Sáng thứ hai lúc nàng quay vào trường bà Abs gọi nàng: « Con ơi, con ơi » và Cresspahl đã tránh gọi nàng như thế trong những bức-thơ-tràng-gian-đại-hải mà ông đã gửi cho nàng từ bên kia ranh giới. Vì nàng ở lại phía bên kia, trong miền bên kia của nước Đức, sống bằng nghề thông dịch tại một tổng hành dinh nợ của quân lực Mỹ.

Gesine đã xem mẹ Jakob là mẹ của nàng, cũng như nàng xem Jakob là anh trai nàng vậy.

Bà đã chăm chút nấu các món ăn cho tôi, đã dạy tôi cách quần tóc, đã nâng đỡ tôi trong cái thế giới đầy xa lạ. Tôi nhớ mãi một buổi tối tôi chấp hai tay sau lưng, bà gọi: « Gesine » rồi vuốt nhẹ vai tôi; giọng nói của bà hấp tấp. Tôi nhớ rõ khuôn mặt bà, dài, xương xương và hai mắt dài mang những nếp nhăn ở sau đuôi, thời đó tôi đã xem bà là mẹ.

Từ khi Gesine và Jakob rời ngôi nhà Cresspahl để đi xa, ba Abs co quắp sống thui thui một mình, Cresspahl lẻ những ngày dài chờ đợi, không ai còn có thể giúp ông. Buổi tối, lúc Cresspahl bước vào nhà bếp, trên tay cầm một bức thơ từ bên kia ranh giới gửi về bà nói: « Nó đi xa lắm »; trong thơ có một trang Gesine viết gửi riêng bà, dài dòng, tỉ mỉ; nhưng bà không biết làm thế nào viết đáp lời lại Gesine. Bà ngồi cạnh bàn một lúc lâu, hai tay treo trên đầu gối, bà nhớ Cresspahl chuyển lời thăm hỏi Gesine rồi đứng lên thật nhanh, bước lại phía đầu nhà, bắt đầu sống những buổi tối trầm tư, cô độc.

Mùa thu năm đó, Jakob được hai mươi tám tuổi và chưa bao giờ chàng được sống một tháng mười trọn vẹn. Mỗi phút của chàng tại sở phải dùng một cách tiện tặn, e dè, chàng không còn nhận thấy đổi thay của thời tiết nữa. Mùa thu năm đó như tôi đã nói, chàng không hay biết gì thời khắc đang trôi, chỉ chú trọng đến những bản đồ đường sắt, những máy phóng thanh, những dấu hiệu đèn xanh đỏ.

* *

Hay lắm. Nhưng sau hai ngày dò hỏi tôi phải biết hết những gì tôi muốn biết, anh ta thuộc hạng người nào? Khó biết. Nhân viên điều hành sự lưu thông của các chuyến xe. Tôi biết rõ những giờ giấc làm lung nghĩ ngơi ăn ngủ của anh ta. Nhưng ngoài những việc thường ngày đó anh ta đã làm gì? Tuần rồi tôi gặp anh ta trong quán rượu Jerichow với Cresspahl. Tôi ngồi trên xe, sau Hauschen, tôi nói: « Anh chạy vòng phía sau toa xe điện cho tôi, chạy nhanh hơn chút nữa, hân kia rồi anh có nhìn thấy hân không? » Chào anh Jakob.

* *

— Còn cô con gái Cresspahl?

— Tôi không được biết. Theo lời Sabine thì việc đã xảy ra đúng như thế. Tôi chỉ biết có thể thôi.

— Chính Sabine nói thế. Nhưng hè này, nàng ta đi nghỉ mát một mình. Hai người không đi chung nữa. Câu chuyện chấm dứt một cách hết sức giản dị dễ dàng. Lúc hai người gặp nhau lại tôi đã nhìn rõ dáng điệu của hai người. Nàng ta nói « Chào anh Jakob » và tươi cười, nhìn gã đàn ông. Hai người không giận

nhau, anh hiểu chứ, nhưng khi tình yêu đã hết, là hết đến trọn đời.

* *

— Nhưng Cresspahl không dă động gì chuyện đó. Tôi tưởng Jakob chưa kịp hay tin.

— Tôi cũng thế, có lẽ họ không nói đến. Jakob chỉ tưởng tượng thế thôi. Bởi vì nếu anh nhìn kỹ anh sẽ thấy có Cresspahl dính vào việc đó. Hôm sáng thứ tư Cresspahl đội nón, mặc áo, đi ra đường, hai tay xách hai va ly to tướng.

— Mọi người đoán lần này ông ta bỏ đi hẳn vì cuộc sanh kế của ông ở đây mỗi ngày một thêm chật vật. Đến trưa mẹ Jakob tức bà Abs, đi ra nhà ga, đón chuyển xe chạy suốt. Mãi tận chiều tối cũng vẫn không thấy bà Abs đâu, chỉ thấy Cresspahl, hai va li biến mất. Nét mặt Cresspahl tối sầm, ông bước vào quán Peter Wulff, lẳng lẳng đi vào phòng điện thoại. Ông chờ suốt nửa giờ, trong khi chờ, ông bàn phẩm về những trận đánh lẻ tẻ xảy trên biên giới hai xứ Do-Thái và Jordanie hôm thứ năm tuần trước (hai bên dàn quân trên một mặt trận dài mười sáu cây số).

« Jerichow. Vị nào vừa gọi xin nói chuyện đi. »

« Đây, con gái của ba », giọng Gesine trong như thủy tinh.

« Con, sao con không chịu viết thư... » Gesine không gởi thư từ gì cả, do đó mới có sự gọi điện thoại khuya khỏa thế này.

« Con không chịu viết cho ai cả. »

« Có. Con có viết cho Jakob. »

« Trên đời con, con không còn ham thích gì nữa hay sao ? »

« Con chán cả rồi. Phải, con chán cả. Con thì trơ trọi trên đời, bao thì ở Jerichow trong sương mù ướt át »

« Ba vẫn như thường. Đi xa con nhớ choàng khăn trên cổ để đừng bị lạnh. Nhớ để chìa khóa ở nhà và một ít tiền. Có một bà sẽ đến ở với con, ở luôn với con bên ấy. »

« Chúa ơi, sao thế ? »

« Con còn nhỏ, đừng hỏi ba như thế, vả lại chính ba, ba cũng chẳng biết gì. Thôi chấm dứt đây con ».

« Khoan, ba đợi con một lát »,

« Chấm dứt. Chào ba. Con gái của ba rất nhớ ba. Chấm dứt. »

* *

— Theo tôi hiểu, sở dĩ mẹ Jakob bỏ đi là vì thế. Đáng lẽ Cresspahl phải gọi điện tin cho Jakob biết tin. Ông ta sẽ nói thế nào ? Tôi tự hỏi gặp trường hợp như vậy ta sẽ nói thế nào đây ?

— Chắc sẽ không nói thật, ở địa vị ông ta có lẽ tôi cũng sẽ không nói thật, nhưng có lẽ tôi sẽ tìm một duyên cớ gì cấp bách, vì Jakob không thể nào xin vắng mặt hai ngày nếu không có lý do chính đáng.

Jakob có một gian phòng riêng trong một ngôi nhà nhiều tầng, mặt tiền hẹp, gần bờ sông; tường vôi long lở, mùi ẩm mốc phảng phất suốt ngày. Chàng đứng giữa nhà bếp, đưa mắt nhìn quanh, chén đĩa bữa ăn sáng còn để la liệt trên bàn, tờ báo rớt nằm bên cạnh thùng than, bên

ngoài, ánh sáng nặng như chì phía trên khoảng sâu hẹp, sâu thăm thẳm. Jakob quay gót, lẳng lặng đi ra phía hành lang. Chàng trải trên giường cái áo sơ-mi sạch, bộ đồ mặc ngủ, dụng cụ đánh răng, bên cạnh cái túi da, chuông ngoài cửa bỗng reo, chàng mặc mỗi cái quần dài ra mở cửa, cái khăn mặt ướt quần trên cổ, lần này người bấm chuông là anh nhơn viên bưu điện. Chàng nói mấy câu cảm ơn. Chàng còn đi gấp, còn mãi suy nghĩ đầu đầu, lúc ngồi trên toa xe nhà hàng tỉnh cò thọc tay vào túi áo ba-đơ-xuy chàng mới sức nhớ đến bức điện tín ban sáng. Anh vội dọn bàn tính tiền bữa ăn, chàng xé bức điện tín, đọc. Cresspahl không nói nói quanh gì cả. **MẸ CHÁU QUA KHU VỰC PHÍA TÂY** — Cresspahl.

— Ngay buổi sáng đó anh ta bảo anh ta có ý định đi. Chắc anh đến đúng vào lúc ấy, hôm đó là ngày thứ sáu phải không?

— Phải. Ngày thứ sáu.

* *

Buổi sáng lúc Jakob còn đứng trên bờ sông Elbe (buổi sáng hành khách trên xe đều xuống cả, trong toa chỉ còn mỗi một đứa bé gái nằm ngáy ngủ. Đứa bé gái không để ý gì đến vắng ánh sáng mùa đông nặng chịch, không để ý gì đến những giọt mưa rơi lặng lẽ phía ngoài. Jakob ngắm đứa bé một lúc lâu, bỗng nhớ tới thời sô-cô-la mua trên xe lửa, chàng cho tay vào túi lấy thời sô-cô-la ấy, bẻ một khúc, tháo lớp giấy bọc, nhẹ nhàng đặt thời sô-cô-la trên cái bàn nhỏ gần cửa sổ, nhắm nháp ăn một miếng, đứa bé bắt chước ăn theo, chàng quần mình trong cái áo choàng và nằm ngủ lại. Viên soát vé bước

lên toa, vỗ vào vai chàng, hai người là bạn đồng sở với nhau. Lúc Jakob bước xuống hai người gật đầu chào nhau thì ông Rohfs được tin báo ông Blach đã biến mất không tìm thấy. Đồ đạc trong phòng vắt bừa bãi chứng tỏ ông ta bỏ ra đi gấp. Thành thật mà nói, chính ông Rohfs cũng không ngờ lúc này từ một nơi khác Jonas đang đi gần lại phía ông.

Nhưng Jakob chưa đến sở làm ngay. Bà chủ nhà đã cho chúng tôi biết rõ giờ giấc đúng. Bà nghe tiếng Jakob bước vào nhà. Chàng bước rất nhẹ, nhưng lúc nào bà cũng thức dậy sớm hơn hồi chuông đồng hồ báo thức, bà chờ Jakob (bà nói thế), bà nghe tiếng chàng bước vào nhà bếp, có lẽ chàng thay quần áo vì lúc bước vào nhà bếp bà thấy Jakob mặc bộ đồng phục của nhơn viên hỏa xa đứng cạnh bàn tự lúc nào, bà bảo Jakob là bà trông chàng có vẻ mệt mỏi, nhưng bà quên mất câu Jakob trả lời bà. Nhưng chuyện về sau, nhất là giờ đi đến sở, bà còn nhớ rõ và lúc Jakob mở cánh cửa sổ và lúc hai người nghe mưa rơi lặng lẽ ngoài sân trống, cửa sổ khu nhà bên cạnh bật sáng từng cái một trước hai người. Rồi như thường lệ chàng đi ra bến xe buýt. Bà nhớ rõ cái ông đã đến hỏi thăm ông Abs, một tiếng đồng hồ sau đó. Một ông còn trẻ, tóc ngắn, nhưng bà nhớ rõ đôi mắt, ông khách cáo lỗi đã quấy rầy bà.

Vì Jonas chỉ có mỗi cái địa chỉ của Jakob, chàng tưởng Joche cũng ở cùng trong thành phố ấy, nhưng nhà cửa khan hiếm Joche đành về Jerichow cư ngụ. Lúc Jonas bước vào phòng điện thoại trước nhà, quay con số Jakob đã đưa chàng trước đó Jonas gọi được Peter Zahn,

nhưng ở phòng bề «ghi» không ai biết tin gì về Jakob. Mọi người ở đây đang cần chàng nhưng chàng còn nghỉ phép. Chúng tôi không biết anh được phép nghỉ bao lâu, chúng tôi chuyển ông qua văn phòng trung ương, ông cứ hỏi cô thư ký phòng nhân viên trong sở. Cô thư ký đi vắng, nếu cái tên cô thư ký không nhắc cho chàng nhớ, Sabine đã được gọi gấp đến bệnh viện. Chàng hỏi thăm để biết đi chuyển xe điện nào và quanh quẩn mãi nên đến chậm hơn nàng. Nhân viên phòng tiếp khách hỏi chàng từ đâu lại, sở hỏa xa phải không ông, rồi đưa thẳng chàng xuống khu giải phẫu, qua một khoảng sân màu xám. Chàng đứng chờ trong hành lang. Lúc nàng hãy trở tại mặt nàng còn tái mét, nhưng nàng đã lấy lại được sự bình tĩnh. Hai người rời bệnh viện và về sau ông Rohfs nghe các cô y tá thuật lại rằng Sabine đã như điên lúc hay tin về Jakob và họ phải nhọc lắm mới trấn tĩnh được nàng, Nàng không biết gì về cha mẹ, họ hàng Jakob, nàng quên băng Cresspahl. Lúc Jonas nhắc nàng mới nhớ ra và hai người gọi cho Cresspahl một bức điện tín báo tin buồn. Và chính Sabine đã viết bài loan tin này trên mặt báo; hồi tang tang sáng nay một nhân viên sở hỏa xa đi băng qua đường sắt để đến sở làm.

— Mà đúng ra Jakob đã có chuyện gì với Sabine.

— Có một chuyện, nhưng chúng tôi chưa có thì giờ nghĩ đến.

Đã bị một chuyến xe lửa ngược chiều cản phải. Mọi phương pháp cấp cứu đều

vô hiệu (lúc giải phẫu nạn nhân đã thở hơi thở cuối cùng) Không thể quy trách nhiệm về sở hỏa xa vì nạn nhân đã ở lâu trong nghề lâu năm phải biết rõ đường đi hơn ai hết, hơn nữa, đường đi rất trống. Vào mùa này sương mù dày mật, sự trông thấy không được dễ dàng.

* *

Mà từ nào đến giờ Jakob vẫn băng như thế qua đường xe lửa.

* *

Buổi sáng ông Cresspahl đến thật sớm, nhờ vậy Jonas còn có thể bắt kịp chuyến xe lửa tốc hành chạy lên miền Bắc; tại nhà ga hai người đứng bàn luận với nhau rất lâu, độ mười phút, và hẹn sáng hôm sau sẽ gặp nhau lần nữa. Cha tôi rồi đây mặc sức uống say ngã lăn kềnh.

* *

Trên tuyến xe lửa đi Jerichow buổi tối đó Jonas ngồi đối diện một anh lính trẻ thuộc bộ đội nhân dân, về chuyển đi chàng chỉ giữ được có mỗi kỷ niệm duy nhất ấy. Suốt đêm qua chàng mất ngủ, tin Jakob bỏ sang Tây Đức chàng chỉ mới được hay (do Sabine nói lại). Tôi ao ước thăm lại mẹ già. Anh lính thì thăm học tiếng Nga trên xe lửa, có lẽ anh ta đi phép về thăm nhà, nhưng thì giờ vẫn là quý báu, ta không nên để phí, ta phải dùng nó để đầu thái một kiến thức vững vàng, vì kiến thức là sức mạnh, ta nên hiểu rõ quan niệm về vũ trụ của phe xã hội, hiệp ước liên minh Varsovie chỉ là một phản ứng trước thái độ gây hấn của những cường quốc Tây phương. Cô gái ngồi cạnh anh lính có vẻ biết rõ bài học anh

này đang học, nàng ngó quyển sách bằng cặp mắt chán chường, nàng thuộc lòng từng câu một và lẩm nhẩm đọc lại trong đầu. Lâu lâu từ đôi môi bậm lại của anh lính buông ra mấy tiếng thở phì sốt ruột. Toa xe đóng kín xóc lắc lư trên đường sắt, hơi nóng đọng lại như một khối gì đặc sệt. Trong tai Jonas còn văng giọng nói của Jakob: Họ đã chạy thử trên một quãng mười cây số, họ đã bôi mỡ lên mối ráp giữa hai đoạn đường sắt, ồn ào quá thành ra không hiểu được ai đã nói với ai những câu gì và mỗi lần như thế toa xe xóc lên, Bôi thêm mỡ đường sắt sẽ bớt mòn. Nhưng đá « ba-lát » phải đổ xấp xỉ ngang mặt đường để thu sức nóng do sự cọ xát gây ra. Trong quyển sách của anh lính nơi trang 63 có một bức hình. Một bức ảnh cỡ cắt pốt-tan, in hình một tấm thẻ thông hành, rọi lớn mười lần to bằng mười lăm lần khuôn khổ thông hành quốc tế. Vừa đưa mắt nhìn thoáng qua bức ảnh (không lâu lắm) anh lính vội cúi xuống đọc tiếp lúc xe ngừng ở các ga, máy điện thôi quay khiến đèn trong toa lu xuống anh cũng vẫn không nghỉ đọc, Một lát sau xe chạy, ánh sáng lại bừng lên. Anh lính tiếp tục đọc đến phút chót và chỉ xếp sách bỏ vào túi lúc xe tiến vào nhà ga Jerichow; Jonas quên nhìn xem có ai ra đón anh không?

Joche chưa về đến nhà. Vợ Joche mời khách bước vào phòng ăn. Nhà Joche gồm hai gian mà Joche đã thuê lại ngăn đôi bằng một khoảng hành lang. Bà chủ ở đâu cùng nấu ăn chung trong một căn nhà bếp, trên cửa ngoài có gắn nút bấm chuông. Trong phòng khách có bày một cái tủ bút fe đóng theo kiểu mới nhưng mang những hình chạm và gồm một mặt

kiếng to. Phía sau mặt kiếng, một cái đồng hồ quả lắc to, những con thú bằng sành, bồ nông, chó, hươu, bốn quyển sách gáy da mới tinh và một quyển tự điển nhàu nhò cũ rách.

Mấy quyển sách của chính Joche thì để trong một ngăn bên, sau một cánh cửa nhỏ bằng gỗ. Trên tủ giữa hai chiếc kệ nhỏ có một chiếc đồng hồ: bình khác to hơn cầm đầy lá kiếng. Cạnh đó sách, một hàng ly nhỏ dùng uống rượu mạnh và một hàng ly lớn dùng uống rượu vang úp trên những tấm « nấp » thêu tay, nhỏ nhắn hình tròn. Cái đi-văng có vẻ không dùng đến bao giờ, mấy cái gói màu sắc-sờ được xếp rất gọn rất khéo. Giữa dãy gối, có một con chó màu xanh lơ và một con gấu vàng có cái đuôi đỏ. Phía trên ty một cái khuôn màu bạc, một bức tranh vẽ mấy bó lúa trên một ngọn đồi cạnh khu rừng thông ; xa xa có mấy nếp nhà, mấy tảng than vuông xếp thành một chồng ngay ngắn trước lò sưởi. Tấm thảm màu đỏ với một nét vẽ Ba-Tư. Trên cái máy ra-dô đồ sộ một chiếc kệ nhỏ không cầm hoa gì cả và một bức ảnh vợ Joche trong một cái khuôn làm bằng da thuộc. Hai cái ghế dựa có nệm, hai cái ghế dựa thường. Trước cửa sổ quần áo trẻ con phơi, nổi bật trên nền tối. Vợ Joche đẩy chiếc nôi xuống nhà bếp mặc dầu có lời ngăn cản Jonas. Nàng chỉ gian phòng ngủ nhỏ, hẹp rồi nói : « Có một dạo hai vợ chồng tôi ao ước có trọn một căn nhà rộng, không chừng chúng tôi có thể dọn qua nhà ông Cresspahl vì đó là một căn nhà dành cho nhơn viên hỏa xa. Nhưng còn nhiều người khác họ sống chui rúc tẻ hơn hai vợ chồng tôi nữa. Trong mấy dãy nhà « tôn » công cộng, chúng tôi nhường

cho họ dọn trước. » Jonas bảo với vợ Joche phòng khách ở đây gọi cho chàng nhớ lại ăn phòng khách của nhà cha mẹ chàng trước kia. Nơi mà chàng chưa được dịp quay về.

Vừa bước vào nhà Joche đã đề nghị hai người nên ra quán rượu mỗi sáng vợ chàng còn phải thức sớm để đến sở làm. Quán rượu Jerichow nằm cạnh tiệm buôn cũ của Peter Wulff. Từ cửa tiệm buôn đi qua ta gặp ngay một gian phòng rộng, trống trải, tường đầy những ngăn kệ, những chiếc hộp màu nâu sậm, có dán nhãn, bám bụi không thua mấy cánh cửa sổ mà khuôn kiếng đã ngã sang màu đất xám. Hai bên lối đi từng đồng đồ vật lặt vặt đủ loại vãi nằm choáng hết sàn gạch. Trong quán rượu bây giờ chỉ là một căn phòng phía sau, tiệm buôn cũ được Peter Wulff cho sửa sang lại. Ngày trước mỗi khi mua bán mọi thứ xong xuôi bọn dân quê thường kéo nhau vào đó uống mấy ly rượu mạnh hoặc một hũ rượu bia. Quầy rượu vẫn y như trước. Peter Wulff chỉ thay mới mấy cái bàn nhưng qua ba mươi năm được lau chùi mặt gỗ đã trắng tro ra ; dãy bàn được gắn cứng vào sàn gạch, xung quanh có mấy cái ghế dài giống như ở các toa nhà hàng trên xe lửa. Peter-Wulff với tay về phía cái nút vặn máy ra-dô, rồi đưa mắt nhìn Joche như hỏi Joche lắc đầu. Hai người ngồi trong góc đối diện quầy rượu. Tối đó quán lơ thơ khách, trong phòng chỉ còn hai ngọn đèn được bật lên, một phía trên quầy rượu, một phía trên đầu hai người. Từ nhà Joche đến đây chưa ai nói với ai một câu nào, hai người ngồi trước mặt nhau, nín lặng rất lâu. Cuối cùng Joche ngẩng đầu lên

nhìn Jonas và nói : « Khó hiểu, từ nào đến giờ anh ấy vẫn băng qua đường như thế ».

* *

Sáng hôm sau, Jonas tự ý đi xuống nhà ga. Ông Rohlf s ngừng xe trước ga từ nào, vừa ngồi đợi trên xe vừa ăn lát dă. Một cái bóng lướt nhanh trước cửa sổ, nhưng nút áo măng tô kêu xiết trên mặt kiếng và liền sau đó viên trợ tá khu vực Jerichow (ông Rohlf s đã bỏ một số khá lớn thì giờ để săn sóc đến viên trợ tá này đặc biệt), len đi giữa mấy hàng xe đậu để đến trạm xe điện. Jonas đứng chờ cách viên trợ tá mấy bước, trước tấm bảng ghi giờ xe chạy. Viên trợ tá cũng đứng chờ như Jonas, ngược mặt nhìn bảng ghi giờ xe, một điều thuốc vất vèo trên môi nhưng hai bàn tay vẫn thu trong túi áo măng tô ; viên trợ tá có vẻ đang cồng lên vì lạnh. Nhưng y bước lên xe điện lưng thật thẳng, tựa mình vào thành cửa mở rộng, hướng trọn ngọn gió thổi phả ngay vào mặt. Chiếc Pobjeda rú lên, chuyển bánh, quẹo ngoặt ra phía sau, chạy ngang công trường một lần nữa và phóng tới trước, khuất tầm mắt những người trên xe điện.

* *

Trước sở bưu điện, ông Rohlf s đưa cho Hauschen chai sữa và gói bánh săng-vít mà ông đã cầm trên tay suốt lúc xe chạy. Chiếc xe nghiêng về một bên và rung lên nhẹ nhẹ lúc cánh cửa sau mở toang ra. Viên trợ tá nhẹ nhàng lách mình vào trong, ngã mình trên nệm sau. Ông Rohlf s nói : « Không dùng băng ghi âm ». Đây Cresspahl trước máy nói Vị nào vừa gọi xin nói chuyện đi. Con hay tin rồi chứ ! « Chỉ sự việc thôi. Tôi không có ý kiến gì đặc biệt về chuyện này, nhưng tôi không muốn anh nhắc đến vụ tôi hẹn gặp người đàn bà ấy ». Giọng phía sau nhắc lại các tiêu

lệnh phải tuân theo, gió lạnh lại từ cánh cửa mở thổi tràn vào, chiếc xe lắc lư rồi ngừng lại. Ông Rohlf s cầm gói bánh và chai sữa bước xuống xe, băng ngang đường, đi vào gian hàng bán sữa. Lúc trở ra hai tay ông không còn cầm gì cả, ông đứng lại trước một quán báo, mua báo, trao đổi mấy câu chuyện với người bán báo, nhưng Hauschen không nhìn thấy được ông. Y mở ra đô.

Bầu trời quang đăng, khu phố rộn rịp vui vẻ, xe hơi, xe điện, người đi bộ qua lại riu rít trước sở bưu điện, trong ánh mặt trời ; ông Rohlf s đứng phía ngoài lâu hơn số thì giờ cần thiết, vì lẽ chiếc xe đã đậu chờ trong bóng râm tại một chỗ mà từ đó ông có thể theo dõi cử động của từng người trong sở bưu điện bước ra. Ông cảm thấy dửng dưng sáng suốt, trong trạng thái tinh thần đó, ông bắt đầu nghĩ đến ngày hôm sau. Mặt trời sẽ lại mọc, ông và bốn người dưới tay sẽ đi đến một nơi khác, ngày hôm nay và ngày hôm qua sẽ chỉ còn là những mớ hồ sơ nhưng cuối cùng ông không thể tưởng tượng cuộc đời lại có thể đáng buồn đến thế. Trời sao trong quá, xe sao nhanh và xóc quá, phía dưới dãy nhà sáng chói bóng mát sao lặng lẽ quá. Lúc ông buông mình ngồi trở lại xuống nệm trước, Hauschen điều chỉnh giọng nói trong máy ra-đô, trảng âm thanh lộn xộn đổi thành những câu nói dễ nghe, không to quá ; Hauschen nhìn quanh với vẻ thách thức. Một giọng đàn bà cất lên, êm ái « And if the conductor happens to come and ask the passengers whether anyone has — hãy kéo chuông báo động ». Một giọng đàn ông trẻ, tươi cười nhưng e ngại đáp : « Whether any one has applied the emergency brake? » Cả hai cười khúc khích, người đàn ông với vẻ khoan khoái người đàn bà với

một thoáng ngạc nhiên. Ông Rohlf s xoay hết sức cái núm vặn. Giọng người đàn ông oang oang trong xe, làm như hấn đang ngồi đó. Nhưng tại sao lại cần phải biết rõ những danh từ liên quan đến những hoạt động của bọn nhơn viên hỏa xa? «I am only travelling, see.» Người đàn bà nhấn mạnh: như thế nếu có ai hỏi hấn sẽ biết để mà trả lời, có thể rằng hấn sẽ đi ra nước ngoài và những điều này sẽ cần dùng đến trong trường hợp xảy ra tai nạn. In case of an accident? Người đàn ông trả đáp bằng một giọng âm ừ, có vẻ ngờ vực hơn, nhưng hấn cũng vẫn chưa chọc giận được người đàn bà đối thoại. Theo dõi cuộc nói chuyện mọi người có cảm tưởng anh chàng người Mỹ kia đang quá quyết chí bỏ mắt vẻ sắc đẹp của cô giáo sư nên không chú ý lời giảng mấy; đến một câu hỏi nọ hình như hấn ta giật nảy cả mình vì hấn chỉ trả lời một cách mơ hồ, lơ đãng, The coupling? Yes, of course. The coupling. Sự giao hợp, có phải vậy không? Gesine mỉm cười đáp: phải, rồi nàng vừa nhắc lại chữ ấy vừa sửa giọng cho gã đàn ông. Hơn nữa, ông Rohlf s quả quyết rằng lối ngắt quãng như thế trong bài truyền thanh là một lối đã chuẩn bị sẵn từ trước với mục đích lôi cuốn thính giả: chính Hauschen cũng nghĩ thế nhưng y vẫn không sao nín được một cái cười vừa ngạc nhiên vừa thích thú. Rồi ông Rohlf s thấy lại cảnh hai người mỗi buổi tối cùng cúi trên bàn, trong phòng Gesine, để soạn bài truyền thanh ấy. Jakob thắng người lên, ngồi choáng cả cái ghế dựa, gãi đầu, nói một câu rất lém: « Có cần cắt nghĩa cho cái chàng ngoại quốc của em hiểu sự khác nhau giữa chiếc xe ngựa và một chiếc xe lửa tốc hành không? » Thế nào, cái đó gọi là trough train à, Lối nói hay đó chứ! Gesine nói Jakob anh ở lại

đây. Hai chúng mình có thể soạn bài cho đài phát thanh để sống, như thế em thấy thú hơn làm ở các tổng hành dinh. Gesine bắt đầu bằng một giọng chế nhạo: « And how does it work? » « There is an hair hose connecting the brakes of every wagon? » Ông nói các bộ phận thắng hơi. Anh chàng người Mỹ có vẻ lơ đãng nhưng dễ yêu, hấn vừa lên nhìn nàng vừa đáp bằng một giọng ngập ngừng; « à, à ».

Lúc Jonas bước lên xe, đưa hai tay chịu xích, xướng ngôn viên thông báo: This, with Pfc. Reiners and Miss Gesine, has been our programme Let's learn German. This is the voice of education and information. Trong những buổi phát thanh kế tiếp quý vị sẽ học thêm nhiều danh từ và thành ngữ liên quan đến những khu vực khác của câu chuyện lưu thông. « Từ phía sau lưng ông Rohlf s, Jonas nói: « Trò chơi của ông không thắng thán. Ông Rohlf s không quay lại. Lúc viên trợ tá nạt Jonas, bắt Jonas cảm thấy ông vẫn không nói gì cả nhưng trong thâm tâm ông nghĩ như thế là sai, với Jakob có lẽ ông sẽ tự hiểu ông hơn. Không cần nói ra lời, hai tia mắt trao đổi nhau đã đủ. Nếu Jakob còn sống có lẽ Jakob sẽ ít bất công hơn.

Nơi ấy không sang trọng lắm. Sở dĩ nàng nghĩ đến gian phòng này chỉ vì nàng thích mấy cái bàn bằng gỗ trắng. Nàng đến nơi chậm mấy phút, lúc thấy nàng hiện ra trong khung cửa ông Rohlf s vội đứng lên. Có lẽ tôi sẽ bằng lòng khi có một cô em gái.

Và nàng không có vẻ gì đã khóc.

NGUYỄN-MINH-HOÀNG

trích dịch « La frontière »

của Uwe Johnson

bóng thu

Nắng nghiêng chiều xuống sông chiều
thuyền đi, nước động, tiêu điều bến sông
bãi vàng gió thổi mênh mông
vắng trông xa vắng trời không mây về
ai đem buồn giải nỗi buồn
nhìn thu lá rụng chiều nghe phôi vàng
vườn sâu con nọ nhận lang thang
chim xao cánh biếc cung đàn ~~th~~ rơi
điệu buồn, buồn nữa em ơi
buồn em, anh hát muốn lời anh ru
chiều sa vàng bóng rơi thu
trong tơ tưởng ấy, với dư âm buồn.

H. Q.

**thức giấc nghe chim**

tôi về hồn lạc trăm phương
trái tim vọng niệm lời buồn lên mi
xa rồi những mộng cuồng si
bờ xưa sông vẫn dòng đi lặng lẽ
đâu hoài tuổi đại ngày thơ
ngày vô định cũng xa mờ hư không

con chim từ bỏ ruộng đồng
là thôi cánh nhỏ chập chùng sương vầy
là thôi nắng úa ngàn cây
để nghe tiếng hót của ngày sơ khai
cánh mềm đã nặng tương lai
thì bay cho hết chiều phai dương tàn
thì về mười nẻo không gian
nhìn xuân tuổi rặng sương ngàn lạnh căm.

H. K.



Nỗi buồn thương du

Rừng ơi núi ơi rừng ơi núi ơi...
Vẫy tay cuối cùng khèn không nên lời
Đường xuôi gập ghềnh bước chân tượng gỗ
Thở dài nhìn nhau chiều rơi chiều rơi...
Đèo ơi thác ơi đèo ơi thác ơi...
Thương con nai vàng mắt xanh trắng soi
Mệnh mang thể xưa người yêu tóc rũ :
Tim em như giòng thác reo không thôi !
Trăng ơi sao ơi trăng ơi sao ơi...
Có theo ta về thị thành xa xôi
Cúi đầu âm vang lá rừng nhả nhủ
Quê hương cơm lam người đành đi thôi ?
Rẫy ơi buồn ơi rẫy ơi buồn ơi
Lạnh rồi hoang rồi sương dầm ma trời
Thương con chim xa bay về mặt trời
Nước ông cơm tre xin chờ rừng ơi...

Th. N. P.

buồn qui-nhơn

Tôi từ biển đến lạc loài,
Đặt em nường nấu chân người viễn phương.
Phổ hoang sơ dầu mưa nguồn
Còn dư âm đó tiếng buồn vọng xa.

Núi cao khuất xóm Qui-Hòa ;
Nỗi sầu da thịt hóa ra sợng sẵn.
Nghe từ biển khúc hòa âm ;
Buồn Qui nhơn : tiếng sóng gấm suốt đêm.

Kìa Gành Ráng giặc cô miên,
Người nằm đây ngấm mây miền cô liêu.
Lưng chừng khói tỏa đầu hiu,
Lòng tôi nhỏ hẹp, biển chiều mệnh mang.

Vòng tay Thị-Nại khép ngàn,
Có tin bão dậy ngõ ngang luồng khơi !
Tôi từ biển đến lạc loài
Xin em đất trọ rồi mai giã từ.

H. P.

1962

Trong « Tâm sự người
đi biển » sắp xuất-bản



THUYỀN LƯỚI

Tôi theo đơn-vị dừng chân lại
Giữa xóm dừa xanh ven Hậu-Giang
Giòng rộng, bờ xa, mùa nước lớn
Thuyền lưới bên sông hàng nổi hàng

Đèn khuya ngọn nhỏ, gian nhà nhỏ
Bóng mẹ già... (ôi bóng dáng xưa !)
Mẹ tiếp củi nhiều cho lửa đỏ
Khao « linh » nổi xôi nước cốt dừa.

Tay vói ngọn đèn khêu sáng lên
Người em gái nhỏ đang quen quen
Áo xanh như nước chiều sông Hậu
Tiếc buổi ban đầu chưa biết tên.

Nhà ẩm bưng thơm hương nếp mới
Ngắm đàn con « linh », mẹ tươi cười
Quà khuya, chuyện «ở vui như tết.
Vách là lung linh mấy bóng người.

Mẹ kể : đêm xưa giặc kéo về
Súng tham tàn nổ khắp làng quê
Trả thù dân đã không theo chúng
Nhà cháy, người la dẫy bốn bề !

Bến lười bên sông, thuyền tiếp thuyền
Tan tành, vỡ, cháy, lật, chao, nghiêng . . .
Thuyền đau như thịt người xơ xác
Đã nhận hàng trăm loạt tiểu liên !

Trong lúc quân thù say bắn giết
Quân ta như gió đổ xô về
Xung phong ! chiến sĩ tràn lên, thét
Súng rộ trời khuya cứu xóm quê

Mấy mươi xác giặc ngã bên sông
Giòng Hậu giang xuôi cuộn máu hồng
Bờ Hậu giang vui bưng ánh lửa
Mừng đoàn chiến sĩ diệt thù chung

Em bé nhà ai lại ngủ yên
Khi tin chiến thắng chuyển quanh miền
Và trên bến lười, bên thây giặc
Đốt đuốc, quân, dân và lại thuyền

Rồi những chiều êm, trời tĩnh gió
Ngược xuôi sông Hậu, những thuyền xưa
Ung dung dạo nước triều, buông lười
Đêm rập rờn trăng đẹp xóm dừa . . .

Tôi còn biết hỏi thêm gì nữa
Khi mãi mẹ nhìn mắt mẹ vui ?

T. L.

FOREIGN EXCHANGE BANK
THE BANK OF TOKYO LTD

HEAD OFFICE : TOKYO JAPAN

SAIGON OFFICE

No 12 - 22, Dai Ito HAM NGHI

Tel : 25.807-25.808 P.O. Box No M. 7

DOMESTIC OFFICES

Head Office - Ginza - Yaesu-dori - Ningyocho - Marunouchi -
Yurakucho - Hibiya - Shimbashi - Asakusa - Uchisaiwaicho -
Yokohama - Shimizu - Nagoya - Akatsuka - Osaka - Senba -
Shinsaibashi - Kobe - Tor Road - Hiroshima - Shimonoseki -
Fukuoka - Nagasaki - Sapporo - Otaru.

OVERSEAS OFFICES

New York - San Francisco - Los Angeles - Seattle - Rio De
Janeiro - Sao Paulo - Buenos Aires - London - Hamburg -
Dusseldorf - Paris - Karachi - Bombay - Calcutta - Vientiane -
Kuala Lumpur - Singapore - Hong Kong - Bangkok.

REPRESENTATIVES OFFICE

Chicago - Houston - Toronto - Mexico City - Lima - Brussels -
Lagos - Johannesburg - Beyrouth - Baghdad - Teheran - New Delhi -
Rangoon - Phnom-Penh - Djakarta - Manila - Sydney - Cairo -
Frankfurt - Vancouver.

THE BANK OF TOKYO OF CALIFORNIA

San Francisco - Los Angeles - Gardena - San Jose

THE BANK OF TOKYO TRUST COMPANY

New York

Loài hoa trên đá

THẦY giáo chống hai tay lên mặt bàn. Sau khi hạ lệnh cho tất cả lớp ngồi yên và đặt tay trước, thầy bắt đầu giảng bài mới.

— ... Thực vật là loài có sống, chết, có sinh sản nhưng không cử động được, cũng không có cảm giác. Đó là những cây cỏ mọc đầy rẫy khắp nơi...

Thầy ngừng lại và cho học sinh kể tên những cây chúng biết. Cả lớp nhao nhao xin trả lời, đưa nào cũng có trong đầu tên hàng chục thứ cây cỏ. Thăng Viên, có bà mẹ trồng rau thì tỏ ra thông thạo về rau hơn hết. Thăng Toàn nói một hơi về các cây hoa trong vườn nhà nó, nó kể ra nhiều cái tên lạ lùng khiến thầy giáo phải kinh ngạc. Thầy cho cả lớp vỗ tay khen ngợi làm nó thích chí định trình bày luôn một lèo về bón phân, bắt sâu, tưới hoa. Trò Hưng con nhà giàu, chưa có dịp nào phải còng lưng gánh nước tưới rau hay mút mồ hôi gánh hoa ra chợ bán cũng tỏ sự hiểu biết của mình bằng một câu đầy vẻ thông thái làm các bạn nhỏ của nó phục lãn.

— Thừa thầy, ở trên sa mạc có nhiều cây xương rồng, con coi trong hát bóng, thầy.

Nguyên mấy lần định dơ thật cao tay để xin nói về những cây hoa lạ lùng nó thấy mọc trên sườn núi. Những bông hoa từ kẽ đá mọc lên một cách khó khăn, Nguyên đã được trông thấy chúng trong cái ngày lếch thếch ôm quần áo theo gia đình đến một chỗ ở mới. Nhưng mỗi lần thầy giáo quay nhìn về phía Nguyên, Nguyên lại thụt tay xuống vì ngán ngại. Lúc này thầy hỏi về việc chọn nghề sau này, rất nhiều đứa được phát biểu ý kiến : đứa đòi làm thợ mộc, đứa ước được đi dạy học, đứa mong làm... công chức, có đứa quyết theo nghề hút tóe của ông bố. Riêng Nguyên, nó muốn vừa được làm « ông lái tàu bay » vừa làm lính nhảy dù, nó thấy cả hai thứ đều oai cả nên tiếc rẻ không biết nên bỏ cái nào. Nguyên không nói ra ý nghĩ của mình, bây giờ nó cũng lại đành im lặng. Khi thầy tiếp tục giảng thì Nguyên không nghe được gì cả, tự

nhìen nó cảm thấy lo và buồn rầu. Ba ngày nay nó toàn được những điểm thật xấu và bị trách mắng vì đủ thứ tội : không làm bài, không học bài, đi học muộn, ở bẩn. Hôm nay con số không đáng sợ mà thầy giáo thẳng tay phê vào vở nó đã làm cho nó choáng người.

Suốt buổi học Nguyễn ngồi yên, đôi mi mắt nó hơi trĩ xuống như người buồn ngủ.

Tan học ra về, đi qua bãi rác, nhìn thấy những đồng rác mới đổ cao ghê Nguyễn mới hết buồn. Dưới ánh nắng mặt trời nó nhìn thấy mấy chiếc bơ sữa bò còn sót lại sáng loáng, mùi rác gặp sức nóng xông lên như muốn bịt chặt lấy mũi nó, một mùi rác khó người quen thuộc. Bãi rác rộng mênh mông và phì nhiêu như một cánh đồng. Mấy đứa bạn rủ Nguyễn vào đá bóng trên con đường đất đỏ trong nghĩa địa đô thành, Nguyễn lắc đầu từ chối. Quả bóng cũ quá rồi có lẽ sắp sửa đứt đôi ra, đá hết gân cũng chỉ lăn lết xệt trên mặt đất. Thành Cẩu lại chuyên môn chơi xấu mỗi lần bên nó thua là nó móc bàn chân vào lỗ rách của quả bóng, vung tay đâm lung tung rồi chạy một mạch đến dúi vào tận thành bên địch mặc cho cả bọn phản đối kêu la ầm ĩ.

Mẹ Nguyễn lom khom đứng cuộc ở vườn rau không trông thấy nó về. Quảng sách vở lên miếng gỗ đóng ngang trên vách xong, Nguyễn chạy thẳng xuống bếp. Những ngày ba Nguyễn đi vắng, Nguyễn được toàn quyền ăn cơm trước và khua khoắng đĩa thức ăn tùy thích. Cơm và thức ăn đã được sắp sẵn cả. Nghĩ đến mấy cái ống bơ và những mảnh ve chai trên bãi rác, Nguyễn ăn vội vàng cầu thả

như một con rắn nuốt mồi. Tuy được tự do, Nguyễn vẫn cẩn thận để phần mẹ nó một ít thức ăn không nhỏ quá đến nỗi khiến bà có thể bực mình mà truất cái quyền ăn ưu tiên của nó đi.

No bụng, Nguyễn thay chiếc áo trắng bằng một chiếc áo dày, bẩn, vá chằng chịt và ngắn cùn cùn. Mặc cái áo này nó có thể nhặt rác, đá bóng, đánh lộn mà không áy náy gì cả. Lấy chiếc cần xé ở góc nhà đeo lên vai rồi Nguyễn mới chợt nhớ đến cái mũ dạ rách. Hôm qua kiếm được hơn hai chục lúc về nó đã cao hứng thấy cái mũ lên chiếc đỉnh ở cột nhà, chẳng may nó nhầm bực nên bây giờ cái mũ còn nằm yên tít trong gầm giường. Chẳng hiểu hôm qua lũ chuột có ngứa răng mà chiều cổ đến cái mũ không ? Nguyễn lấy que chọc cái mũ ra, đập mạnh vào chân giường để phúi bụi rồi vội vã chụp lên đầu.

Nguyễn ra khỏi nhà được mấy bước thì mẹ nó dừng tay cuộc, gọi giục nó lại và quát :

— Lại đi nhặt rác đó hả.

Nguyễn quay lại không nói gì, nhẹ răng cười.

— Không học hành gì cả cứ lông bông suốt ngày. Ba mày về thì chết đòn. Chiều nay ba mày về đây.

Vẫn tiếp tục bước, Nguyễn quay tròn cái gậy trong tay :

— Chiều nay con về sớm.

Mỗi lần Nguyễn đeo chiếc cần xé lên vai, mẹ nó thường mắng mỏ, cau ngăn nhưng đến lúc nó đem về nộp số tiền kiếm được thì mẹ nó vẫn tỏ ra hài lòng, hoặc dùng những lời trách móc nhẹ nhàng.

Trông thấy mẹ tươi tỉnh nhét tiền vào túi đã là một cái thú, nhưng điều thú vị nhất là hôm sau thường có những món ăn ngon đến viếng thăm mâm cơm một cách bất ngờ. Nguyên chỉ cho những lời cảm đoán của ba nó là đáng kể. Ba nó ngoài việc trồng rau vẫn làm thêm nghề bới rác, làm một cách chăm chỉ. Buổi sáng, khi Nguyên đi học qua bãi rác nó đã thấy ba nó đứng lẫn trong đám người chờ xe đến đổ rác mới. Hơi rác bốc lên trắng đục như những làn sương mỏng bao bọc lấy bọn người bới tìm. Họ lăm lăm làm việc, không cạnh tranh nhau quyền ưu tiên của kẻ nhìn thấy một vật có giá trị, đầu tiên bao giờ cũng được tôn trọng. Ba Nguyên cũng ăn mặc rách rưới, lưng đeo cần xẻ, đầu đội chiếc mũ dẹt rách mà nó đang đội bây giờ. Mặc dầu ông không có vẻ gì đặc biệt giữa đám người lổ nhổ ấy bao giờ Nguyên cũng nhận được cha nó. Có lần nó đánh bạo mon men đến gần xem ông đã kiếm được những thứ gì, nhưng nó vội vàng quay lại con đường đưa đến trường ngay khi cha nó quay lại nhìn nó. Cái mũ và ánh nắng buổi sáng yếu ớt làm cho khuôn mặt cha Nguyên tối tăm hẩn đi nhưng đôi mắt ông trừng lên và đôi lông mày cau lại làm nó sợ như đang bị quát mắng. Hình như cha Nguyên kiếm được khá tiền nhờ nghề này nhưng ông cấm Nguyên bắt chước ông. Nhưng lần Nguyên nhặt những thứ đồ chơi ở bãi rác về ông cũng tỏ ra khó chịu và nói vài câu đe dọa.

Buổi trưa bãi rác có vẻ thưa thớt hơn cả. Ngoài bọn trẻ nhỏ bằng tuổi Nguyên, vừa làm vừa chơi, thì bây giờ chỉ còn lác đác vài người đàn bà nhặt giấy vụn và giẻ rách. Năm sáu con chó cũng chạy

lang thang khắp chỗ để kiếm ăn. Nguyên để ý không thấy con chó mập lông vàng nữa. Nó đã mất tích từ hai hôm nay. Theo sự hiểu biết của Nguyên thì muốn tìm ra dấu vết cuối cùng của con chó đáng thương ấy, người ta chỉ nên mổ bụng, khám cái dạ dày của anh chàng gần cổng nghĩa địa. Anh ta đã thủ tiêu khá nhiều chó, toàn những con đi kiếm ăn trên bãi rác. Đã có lần Nguyên thấy anh ta trở lại bắt một con chó hoang nhanh và gọn không thua gì những người bắt chó chuyên nghiệp.

Nhặt được bốn cái ống bơ và một ít mảnh chai vỡ Nguyên cảm thấy lưng hơi ran rát vì nắng, mồ hôi làm cho tóc nó bết xuống trán, nó kiếm một chỗ mát ngồi nghỉ. Ở cổng Nghĩa - địa Nguyên thấy anh em thằng Cúi đang điều đình với một bà về cái đồng vỏ dừa mà chúng vừa nhặt được. Bà này vẫn lấy vỏ dừa khô về tước ra làm thành những tấm thảm chùi chân rẻ tiền. Công việc nhặt vỏ dừa có vẻ nặng nhọc nên bà ta giao cho anh em thằng Cúi và trả công ba bốn hay năm đồng tùy theo số vỏ dừa ít hay nhiều. Nguyên nghĩ rằng bà ta rất khôn, cứ đợi cho thằng Cúi chặt vỏ dừa thành đồng xong bà ta mới định giá, thằng Cúi có kỳ kèo cũng không ăn thua gì.

Lấy tiền đồng vỏ dừa xong anh em thằng Cúi tiến về phía Nguyên. Thằng Cúi có làn da đen mốc đầu tóc bù xù như người rừng, con em nó cũng bẩn thỉu không kém. Quần áo của chúng chẳng có vẻ gì là sạch hơn những túm giẻ rách trong cái cần xẻ chúng đeo trên lưng. Hai đứa lúc nào cũng đi với nhau, cả ngày chẳng nói với nhau một câu nào nhưng bênh nhau

chăm chấp. Nguyên không tra gì hai anh em nhà này.

Thằng Cúi lấy trong cái căn xẻ của con em ra một toa xe lửa tí hon bẹp đầu và còn có một bánh rời dơ cho Nguyên xem :

— Mua không ?

— Không có tiền.

Tuy trả lời một cách thản nhiên, bắt cìn như thế nhưng Nguyên đã cảm thấy khoái cái nước sơn xanh đỏ của toa xe lửa lấm rồi. Thằng Cúi tần ngần nhìn Nguyên một lúc rồi ngó vào chiếc căn xẻ của Nguyên :

— Đổi.

Nguyên cầm toa xe lửa ngắm nghía rồi bấu mỗi chỉ vào chỗ bẹp, chỗ thiếu các bánh xe. Sau một hồi ché bai và giả bộ phân vân đủ để cho thằng Cúi tin chắc rằng trong vụ đổi chác này anh em nó được lợi nhiều, Nguyên mới chịu ưng thuận đổi. Khi trút ve chai và ống bơ sang căn xẻ của thằng Cúi Nguyên làm với vẻ miên cưỡng :

— Năm sáu đồng đó mày. Đổi rồi cầm đòi lại đây.

Cúi gật đầu. Hai bên thề thốt rất độc để kết tội kẻ nào bội tín. Sở dĩ Nguyên phải cẩn thận thế là vì mấy lần trước thằng Cúi bị bọn trẻ khác xúi đến nằng nặc đòi lại những thứ nó đã đổi cho Nguyên. Trong khi hai bên cãi cọ, con bé em thằng Cúi chỉ đứng xem một cách thản nhiên nhưng nếu Nguyên nổi nóng đánh anh nó là thế nào nó cũng xông vào nghênh chiến ngay.

Nắm chắc toa xe lửa, đi xa anh em thằng Cúi rồi Nguyên mới mỉm cười

thích chí. Từ đấy cho đến chiều Nguyên thỉnh thoảng lại ngừng bới rác để ngắm nhá móm đồ chơi.

Khi cảm thấy cái căn xẻ đã hơi nặng Nguyên rời bãi rác. Ngoài số thủy tinh ống bơ Nguyên còn nhặt được một ít mi ca vụn. Trị giá tất cả có lẽ đã hơn mười đồng. Nguyên đem hàng đến bán cho một chú Tàu mập ở ngay đầu con đường dẫn vào một lò thủy tinh lớn. Nhưng căn nhà mua thủy tinh vụn ở đây không thiếu gì nhưng Nguyên ưa chú Tàu mập nhất vì chú cáo nhanh và trả tiền cũng nhanh, thêm nữa chú chịu mua đủ thứ, miễn là những thứ đó phải đủ số lượng đáng giá từ một đồng trở lên. Lũ trẻ nhặt ve chai buổi chiều thường đứng ở cửa chú Tàu mập khá đông. Nhiều đứa cứ năm sáu ngày mới mang một bao thủy tinh vụn đến bán một lần. Nguyên quen mặt gần hết bọn này và nó cũng biết sơ sơ về tính tình của chúng: từ những đứa hay gây lộn cho đến những đứa chuyên ăn cắp vặt.

Trong khi chờ đợi tới phiên mình Nguyên thường đứng tựa vào cửa sắt của lò thủy tinh nhìn vào xem người ta làm việc.

Nhân công trong lò toàn là người gốc Trung-Hoa họ hoạt động đều đặn, nhanh nhẹn quanh một cái lò lúc nào cũng đỏ hồng. Nguyên cho rằng những người phụ trách việc lấy thủy tinh trong lò ra là những người chịu đựng sức nóng tài tình nhất.

Người nào cũng đứng chỉ cách lò chưa đầy một thước, mặc quần đùi, lưng trần, trên vai có phủ một cái khăn lông lớn để thấm mồ hôi. Tuy vậy, bắp thịt cánh tay

nhieu người vẫn luôn luôn bóng loáng. Cử động của những người này thật điều hòa, họ phải làm sao cho thủy tinh lấy ra chỉ chảy xuống khi được đặt đứng trên miệng khuôn, lớn không hơn một đồng năm cái. Sau lưng mỗi người đều có một cái quạt máy chạy hết tốc lực nhưng cũng chẳng giảm bớt được sức nóng là bao nhiêu. Trước cửa lò lửa những dòng thủy tinh nhỏ xuống dài và trắng như cước. Nguyên thích những sợi thủy tinh này lắm.

Quanh lò, có đến hơn mười cái máy biến thủy tinh thành chai lọ. Mỗi khuôn sản xuất một thứ: chai thuốc ho, lọ dầu chải tóc, lọ dầu thơm, lọ đựng thuốc v.v. Ở mỗi khuôn có hai người đàn ông và một người đàn bà luôn luôn nói chuyện với nhau trong khi tay vẫn làm thoăn thoắt. Những người lấy thủy tinh trong lò ra đôi khi ngừng tay đến đứng cạnh thùng nước đá cũng nói gộp năm ba câu: Tiếng họ như chim đi trong tiếng máy luôn luôn nổ vình xịch.

Chai lọ lấy ở khuôn ra còn đỏ hồng. Một bọn trẻ nhỏ khoảng chín mười tuổi gấp lấy đặt vào cái đựng của mình rồi mang đến các lò hấp lại. Tuy đã thành hình các chai lọ còn phát ra sức nóng làm mặt chúng hồng lên. Chúng chạy đi chạy lại thật nhanh nhẹn, thỉnh thoảng lại gởi cho Nguyên một cái nhìn đầy vẻ coi thường.

Chỉ có anh chàng phụ trách lò hấp là cô đơn nhất. Anh ta làm ở một góc khá xa lò nấu. Về mặt anh lúc nào cũng lăm lì. Thỉnh thoảng có đứa bé vào đặt chai lọ vào miệng lò không cẩn thận anh ta lại cau sừng quát lên một tiếng, đứa trẻ phạm lỗi

toét miệng cười chẳng có vẻ ăn năn hối hận chút nào.

Nguyên đứng xem một cách chăm chú. Cái việc một cục thủy tinh lỏng trắng sáng biến thành những chai lọ một cách quá nhanh chóng thường khiến nó ngạc nhiên. Khi người đốc công, nghi Nguyên đứng đây nhìn ăn tấp, lên tiếng đuổi, hoặc Nguyên thấy bọn trẻ bu quanh nhà chú Tàu mập đã thừa thốt nó mới chịu rời lò thủy tinh.

Hôm nay, vì cần về sớm Nguyên xách cần xẻ chen lẫn với bọn trẻ, chờ đến phiên mình. Chú Tàu mập ngồi xồm, cỡi trần, bàn tay chú nhanh nhẹn gạt ngang trên những đồng thủy tinh và như thế tất cả những sự gian dối của bọn trẻ đều được trình bày rõ ràng trước mắt chú. Những kẻ nào hy vọng vì trời tối chú Tàu không trông thấy những mảnh ve chai vàng, xanh lẫn trong đám ve chai trắng thì lắm to. Chú nhặt ra hết những mảnh thủy tinh vụn vô giá trị ấy. Đôi khi chú còn kiểm được cả những cục sắt bọn trẻ lén để vào đồng thủy tinh, Nguyên chưa thấy bọn trẻ lừa được chú Tàu mập lần nào.

Sau khi bán hai bao tải thủy tinh vụn, thằng Phi, một đứa bé lớn nhất trong bọn còn trình ra hai chiếc chậu nhôm mới tinh nhưng bẹp rúm. Nguyên biết là thằng Phi thường vừa đi bới rác vừa la cà vào trong các xóm để ăn cắp những thứ nó có thể ăn cắp được. Hai cái chậu này chắc cũng không phải là sản phẩm của bãi rác. Chú Tàu cầm cái chậu lớn ngắm nghía rất nhanh rồi buông thõng một câu:

— Đồ ăn cắp hả?

— Đâu có.

— Sao còn mới quá?...

Thằng Phi gãi đầu nhưng trả lời không lúng túng chút nào :

— Ba má tôi ướm lộn l..

Chú Tàu cười nhạo thằng Phi bằng nửa miệng và chú nhún mũi :

— Bộ ba má mày lấy thau lộn nhau hả ?

— Chớ sao.

Tuy thừa biết rằng ba má thằng Phi dù có ướm lộn thật thì họ cũng không đủ can đảm làm cái công việc quá hoang phí là dùng những cái chậu mới tinh để ném nhau, chú Tàu cũng ngừng cuộc điều tra ở đây. Chú chỉ hỏi để thằng Phi chột dạ và việc trả giá dễ dàng hơn. Nếu không sống trong tình trạng bị đe dọa thì Phi thường kỳ kèo rất dai để nài thêm tiền, khó mà hơn thưng nó chừng năm các bạc.

Trong khi chú Tàu mập cân kéo xem xét món hàng của Nguyên, Nguyên nhìn những người đàn bà đang ngồi chọn lựa thủy tinh vụn để đóng bao trong nhà chú Tàu. Cả một căn nhà rộng tràn đầy thủy tinh vụn khiến Nguyên cảm thấy gai gai ở mắt.

Chú Tàu trả Nguyên mười hai đồng, Nguyên không kỳ kèo thêm, đeo cần xé lên vai tung tăng ra về. Bao giờ có tiền trong túi nó cũng có cảm giác khoan khoái và tưởng như mình lớn hẳn lên.

Nguyên rẽ vào một ngõ hẻm để đến nhà thằng Phùng - Cún, nó vừa muốn khoe chiếc xe lửa vừa muốn biết tại sao hôm nay Phùng - Cún nghỉ học. Hai cha con Phùng - Cún cũng làm cho một lò thủy tinh chuyên sản xuất các thứ thông phong đèn.

Cún ngồi ở ngay gần cửa vào kỳ cách gỗ những mảnh thủy tinh thừa thải trên những chiếc thông phong đèn mới ra lò. Cha nó thì đang dờ cái ống ở đầu có thủy tinh lỏng, lên xuống nhíp nhàng, để thổi thành những chiếc thông phong đèn. Ông ta làm công việc đó một cách tài tình và đầy vẻ nhàn hạ. Thằng Phùng-Cún khoe rằng nó cũng thổi được thủy tinh như ba nó nhưng Nguyên biết chắc rằng thằng Cún nói khoác.

Nguyên hỏi :

— Sao hôm nay mày nghỉ học ?

— Má tao sanh.

Cún quay vào phía trong nói một tràng tiếng Tàu. Nghe bạn phát âm những tiếng lạ lòng Nguyên cảm thấy hay hay và có cảm tưởng là thằng Cún trở thành lạ hoặc, không phải là bạn mình. Nguyên lấy toa xe lửa bằng sắt ra khoe, thằng Cún cũng tỏ vẻ khoái nó khuyên Nguyên nên lấy nút bìa làm bánh xe để thay vào những chỗ khuyết. Câu chuyện đang vui thì Nguyên chợt nhớ rằng ba nó có thể về tỉnh lình vào chiều nay, ba nó đi Đà Lạt đã năm ngày rồi. Nguyên nhìn những tia nắng buổi chiều còn sót trên ngọn cây, những con chim nhỏ tí ti đang bay lượn trên nền trời xanh và cao, nó đành từ giã thằng Cún.

Nguyên đi như chạy trên con đường trải nhựa hư hỏng. Nó bắt đầu cảm thấy lo. Ba thằng Cún không bao giờ cấm nó làm nghề nấu thủy tinh. Nếu Cún cũng thổi được thông phong đèn thì chắc ba nó sẽ hài lòng lắm. Cha thằng Trung làm nghề khắc những pho tượng Phật bằng gỗ, thằng Trung cũng lấy làm kiêu hãnh trong

khi tử mĩ giúp cha bảo từng chút gỗ một cách tài tình. Bây giờ Trung đã có thể tự mình tạo được một con trâu gỗ khá đẹp và vì thế trong lớp Nguyễn không đứa nào thắng nổi Trung về mục thủ công. Hình như đứa nào cũng có quyền tập cái nghề mà cha nó đang làm, chỉ có mình Nguyễn là bị cấm đoán. Nguyễn biết lẽ mớ rằng hình như trước kia ba nó cũng giàu có và bây giờ ông luôn luôn bức tức khi phải sống bằng nghề trồng rau, bới rác.

Đến cửa nhà Nguyễn giặt mình : ba nó đã về từ hồi nào, ông đang ngồi chăm chú dỡ từng trang vở của nó. chiếc cặp da căng phồng còn để bên cạnh ông Nguyễn mới gỡ cái mũ dạ rách trên đầu xuống chưa kịp nói gì thì ba Nguyễn đã quay ra :

— Á ! Đẹp nhỉ ! Lên nằm xấp trên giường rồi tao bảo.

Môi dưới của ông đẩy lên làm cho phía môi trên như căng phồng. Nguyễn biết rằng những giây phút ghê gớm sắp sửa đến với nó. Nguyễn lò dò đặt cái cần xẻ vào góc nhà và nó cởi phăng cái áo bẩn thỉu ra để mặc cái áo trắng. Kinh nghiệm cho nó biết rằng nếu nó càng tỏ ra tiểu tụy thì ba nó càng nổi giận nhiều hơn. Trong khi Nguyễn nằm thẳng căng trên giường và chỉ nghĩ đến cái roi thì ba nó bắt đầu lớn tiếng phê bình mấy quyển vở của nó.

Cuối cùng ba Nguyễn cầm roi đến cạnh giường :

— Ai cho mày đi nhặt rác ? Ai cho mày đi nhặt rác ? ...

Mỗi câu hỏi là một roi vút xuống. Nguyễn cảm thấy đau quắn mông, chỉ còn biết van lạy rồi rút.

— Mày muốn sau này làm nghề bới rác hả ?

Trong sự đau đớn và sợ hãi tột độ Nguyễn vẫn còn nhớ rằng nó chẳng hề mong sau này đi làm nghề bới rác, nó muốn được làm « ông lái tàu bay » kiếm linh nhảy dù, nhảy dù mà phải gần tới đất mới chịu mở dù cơ, nhưng nó không dám nói và cũng không thể nói được điều đó lúc này.

Ba nó đã ngừng tay, ông bắt đầu kể cái tội bỏ học đi nhặt rác, cái tội nó không thuộc bài. Thành linh ông lại quát lên :

— Mày thích bới rác lắm hả ?

— Dạ ... không ạ.

— Thế sao cứ vắng tao là mày bỏ học để chúi đầu vào đồng rác. Mày kiếm mấy chục để làm gì ? Tao có bỏ mày đói bữa nào không ?

— Dạ ... không.

Ba Nguyễn thở dài, bỏ roi xuống và đột nhiên ngồi yên lặng, Nguyễn vẫn nằm xấp không dám liếc nhìn. Nguyễn hy vọng ba nó sẽ dịu dàng bắt nó hứa chăm học trở lại. Đến giây phút được hứa thì êm rồi, cùng lắm thì ba nó cũng sẽ chỉ đánh một roi cho lời hứa « thấm vào thịt » và nó sẽ nhớ lâu hơn. Nhưng ba Nguyễn vẫn chỉ im lặng.

Mẹ Nguyễn bưng mâm cơm lên đặt trên bàn, trước khi trở xuống bếp bà nói :

— Thôi dậy, đi rửa chân tay rồi ăn cơm. Con cái gì mà bảo không được.

Câu nói ấy có tính tách cứu nguy cho Nguyễn. Mặc dầu mông và chân còn đau ê ẩm Nguyễn cũng vội nín khóc, lồm cồm định bò dậy. Nhưng ba nó quát :

— Nằm yên đấy !

Nguyên vừa sợ vừa kinh ngạc, đây là lần đầu tiên nó thấy câu nói cứu nguy của mẹ nó không có kết quả. Nguyên mếu máo lại nằm xấp xuống giường, lén liếc nhìn cha. Ba Nguyên nhắc cái điều cây lên, chậm rãi nhồi thuốc. Đôi mắt ông nhìn chăm chăm vào ngọn đèn dầu, ngọn lửa đóm ông châm hai lần đều tắt phụt trước khi ông kịp hút. Khi ông đưa cái điều cây lên môi những thớ thịt hai bên má ông nung lên và lúc cái đóm cháy còn ngấn một mẩu ông mới rít được một hơi.

Nguyên biết rằng cơn giận của ba nó chưa giảm đi chút nào.

Đột nhiên ba Nguyên nói, nhưng không phải nói với nó :

— Cứ để cho nó chơi bời đàn đúm với bọn trẻ la cà trên bãi rác thì chả mấy lúc mà sinh ra ăn trộm, ăn cắp lưu manh. Bà phải biết rằng mình đã vô phúc dốt nát rồi thì cũng phải làm sao cho con nó khá. Có chữ thì còn xoay ra mọi nghề được, chứ biết cho rành cái nghề bói rác thì có ra gì.

Mẹ Nguyên ngồi xuống thềm cửa bếp, nhìn ra khoảng vườn rau đang chìm dần trong bóng tối.

— Ai muốn cho nó học cái nghề bói rác ! Nó lên đi lúc nào tôi có biết đâu.

— Hừ ! Thì lúc nó về phải đánh vào xác nó cho nó chừa đi chứ. Tôi vắng mấy ngày mà nó bỏ cả học hành để vác giỏ rác đi kiếm ăn trên đồng rác, tôi tàn như những con chó đói.

Thình lình ông vợ lấy roi vụt liên hồi lên mông Nguyên ông quát tháo đến lạc cả giọng đi.

— Mày thấy ba mày phải đi nhặt rác : mày không nhọc hay sao mà lại còn bắt

chước hả Nguyên ? Mày muốn đi học hay đi bói rác.

— Dạ .. đi học.

Cơn giận của ba Nguyên dịu dần rồi ông bắt nó hứa chăm học và cho nó đi rửa chân tay. Nguyên lau nước mắt thút thít ra sân sau, quờ quạng mức nước trong cái chum sành. Gió mát và nước lạnh làm sự đau đớn của nó dịu đi, nhưng nó vẫn cảm thấy rõ hàng chục vết roi trên lưng, mông và chân nó còn ghi lại những cảm giác tê buốt.

Chưa bao giờ Nguyên bị một trận đòn đau đến như thế. Đây là lần đầu tiên nó bị ba nó đánh mà ông không chậm rãi tính từng roi.

Mẹ Nguyên vẫn ngồi trên bậc cửa, hình như bà đang chăm chú nhìn một cái gì ở trên nền trời màu hồng nhạt phương tây, bà không chớp mắt.

Có tiếng ba Nguyên nói trong nhà.

— Còn phải sống bằng nghề này ngày nào tôi còn nghĩ nhục ngày ấy.

Mẹ Nguyên trả lời, giọng trách móc :

— Thì tại ông chứ tại ai. Tôi đã bảo cứ ở yên một chỗ bỏ vốn ra buôn thì ông có chịu đâu, ông đưa gia đình đi lang thang khắp chỗ, làm gì cũng thất bại, có đồng nào tiêu đồng ấy. Làm thế nào được.

Nhờ ánh lửa bếp chập chờn Nguyên kinh ngạc thấy nước mắt mẹ nó trào ra. Mặt mẹ nó bình thản, đôi mắt Bà vẫn nhìn về phía xa.

Nguyên rửa chân tay thật chậm chạp để khỏi phải vào nhà sớm. Bây giờ, thấy mẹ, Nguyên cảm thấy rằng nó đã phạm một tội nặng lắm, nặng hơn cả những lần nó làm vỡ một đồ vật quý giá nhưt gia đình.

QUAN NIỆM HỘI HỌA

do NGUYỄN-NGU-Ĩ và

DƯƠNG-BÍCH-NGUYỄN phụ trách

XIV



Trần-Dzụ-Hồng

* TRẦN-DZỤ-HỒNG

Họa sĩ Trần-Dzụ-Hồng.

Sinh 1922 tại Côn-Minh Trung-Hoa (Người V. N).

Hiện dạy tại trường Cao-Đẳng Mỹ thuật từ năm 1956 (1).

— Theo ý Anh thì hội họa ngày nay ở Việt-Nam có những xu hướng nào đáng kể nhất và riêng bạn Anh đã ngã về xu hướng nào hay tự tìm lấy một đường lối riêng biệt?

— Hội họa Việt-Nam hiện nay có nhiều xu hướng, nào là

- Tân-Cổ Điển.
- Hiện Thực.
- Ấn tượng — Tân ấn tượng.

• Lập thể

• Siêu Thực và sau hết là Trừu Tượng (abstrait). Những tên kể trên không phải do họa sĩ đặt ra mà chính

(1) Không kể vào mục này những cuộc triển lãm của T. D. H., vì theo ý ông thì: Đã là Họa sĩ tất nhiên phải có nhiều cuộc Triển Lãm trong nước, ngoài nước và một ít huy chương. Nhưng triển lãm và huy chương không phải là thành công, mà điều đáng kể là tác phẩm mình có được mọi người mến chuộng và ưa thích hay không.

(Lời người phỏng vấn)

CUỘC PHÒNG VẦN VỀ QUAN NIỆM HỘI HỌA

thật nó đã bị người đời gán cho nó. Những Họa sĩ tiền phong trong mỗi môn phái có bao giờ nghĩ rằng sau này lỗi vẽ của họ sẽ có tên là Hiện Thực, Ấn-Tượng hay chỉ chi đâu, có chăng là họ đã tìm thấy một lối đi riêng biệt trong lúc sáng tác, và, sau khi đã thành công nổi tiếng, có nhiều họa sĩ khác đi theo, trước ít sau đông, nhiều cho đến thành một nhóm rồi được gọi là một phái và phái ấy được các nhà phê bình giới thường ngoạn đặt tên cho. Theo ý tôi, ta không nên bắt Họa sĩ gò ép vào bất cứ một môn phái nào cả vì tâm hồn họa sĩ vốn vẫn ưa cái đẹp, cái hay mà mỗi môn phái lại có cái đẹp cái hay riêng của nó. Họa sĩ cần phải tìm hiểu và học hỏi tất cả để sáng tạo lấy đường lối của mình. Anh có thấy không, tranh tôi thuộc về đủ thứ. Mỗi tác phẩm đều theo một môn phái riêng không bức nào giống bức nào.

Con đường mà tôi đang theo đuổi, hay, nói cho đúng hơn « cảm » nhiều nhất là « Sơn ta » hay « Sơn mài » cũng thế, vì tôi cho rằng ngành này mới chính thật là của Việt-Nam ta. Tôi có đi xem cuộc triển-lãm quốc tế vừa qua tại vườn Tao-Đàn, tôi nhận thấy rằng chỉ có sơn mài (lối cũ riêng biệt của dân tộc ta) mới có thể góp mặt với mọi tác phẩm mỹ-thuật năm châu. Bằng chứng hùng hồn nữa là trong những kỳ triển-lãm quốc-tế ở ngoại-quốc, Sơn mài lúc nào cũng được đại-diện cho mỹ-thuật Việt-Nam để đua tài cùng nhiều tác-phẩm của các Quốc-gia khác.

Ngoài vẻ đẹp độc-đáo có dân tộc tính tranh sơn mài còn thêm tính chất bền bỉ không thua bất cứ loại nào trên thế-giới. Tôi còn nhớ trước đây người ta vớt được một chiến thuyền bị đánh chìm tại Sầm Sơn hồi thời Trịnh Nguyễn phân-tranh (Đầu thế-kỷ 19), tìm được một sò vàng bạc, ít nhiều gương, áo đã bị rỉ sét và một cái ngai (ghế) làm bằng sơn ta mà nước sơn vẫn còn nguyên vẹn. Với bằng chứng ấy, tôi có thể nói rằng tính chất bền bỉ chịu đựng của sơn ta lâu hơn cả thép, sắt. Có người bảo rằng « sơn ta » không hẳn có dân tộc tính vì nó chỉ được cầu tạo một phần bằng nguyên liệu Việt-Nam còn về kỹ thuật diễn-tả thì theo lối-lỗi Tây phương. Tôi thì không cho như thế vì về Hội-họa, kỹ-thuật diễn-tả lối-lỗi hòa hợp màu sắc không là của riêng của một nước Đông Phương hay Tây phương nào nhưng là mực thước căn bản mà tất cả Họa sĩ đều phải biết như thi-sĩ muốn làm thơ thì phải rành niêm luật. Có chăng người phương tây đã áp-dụng lối-lỗi này trước ta mà thôi. Tôi thêm thí dụ này rõ hơn: như người học chữ nho tiên khởi phải tập viết chữ chân phương cho đúng nét rồi sau đó, khi đã nhuần tay hay chữ rồi, muốn viết thảo, viết liễu thế nào tùy thích. Hơn nữa, tôi vẫn tin tưởng rằng sơn ta sẽ còn tiến nhiều nếu được tích cực nâng đỡ. Tôi đã đeo đuổi tìm tòi, học hỏi các bậc đàn anh từ khi bắt đầu bước chân vào nghiệp vẽ; thành công cũng có, thất bại cũng nhiều, và tôi quyết tâm theo nó mãi mãi. Tôi



Phong cảnh (Đà Lạt)

văn tiếu là hầu hết những tác phẩm sơn mài có giá trị đều được bán ra ngoại quốc vì tôi cho đó là những quốc bảo mà sau này chúng ta không thể nào thu về được.

— Nếu có người cho rằng Hội-Họa phải có dân tộc tính thì có người lại cho rằng Hội-Họa cần phải được quốc tế hóa. Theo ý Anh hai lập luận trên đây có trái nghịch nhau không và Anh có nghiêng về lập luận nào không ?

— Tôi nghĩ rằng H. H. cần phải có Dân tộc tính. Xin hỏi thật anh, trong kỳ triển lãm Q T vừa qua, nếu gỡ tất cả những bảng đề tên Quốc-gia của các tác phẩm dự thi thì liệu anh có còn phân biệt được tác phẩm này của Đức hay tác phẩm kia của Ý không ? Xưa nay ai cũng rõ người Nhật-Bản vẫn nổi tiếng về Mộc-bán, người Pháp về sơn dầu, người Ý về điêu khắc, Trung-

Hoa về tranh thủy mặc. Việt-Nam về sơn mài v.v... vậy nếu ta vào một phòng triển lãm quốc tế, không bảng ghi tên Quốc-gia tham dự ta thấy một bức sơn mài với đồng xanh bát ngát hay một bức thủy mặc, thì chắc chắn ta biết rõ xuất xứ của nó rồi.

Hội-Họa của mỗi Quốc-gia đều có sắc thái riêng biệt, không nước nào giống nước nào, điều cần là mình nên giữ những cái hay của mình đồng thời góp nhặt cái hay của người khác để bồi bổ vun quén cho cây nhà lá vườn mỗi ngày một thêm xinh tươi. Vì thế, theo tôi Họa-sĩ Việt-Nam không thể chời bỏ hay quên lãng Dân tộc tính được.

— Xin Anh cho biết những công trình tìm kiếm và những kết quả của Anh trên địa hạt hội họa.

CUỘC PHÒNG VẤN VỀ QUAN NIỆM HỘI HỌA

Về những tìm kiếm và những kết quả của tôi trên địa hạt Hội-Họa thì thật chưa có gì đáng kể. Riêng về ngành sơn mài tôi đã tìm được một thể chất mới có thể thay thế cho đồng hay thạch cao để đúc tượng. Tôi tin rằng thể chất này bền bỉ hơn đồng và thạch cao nhiều mà không làm mất vết tay của người nắn tượng.

Sau nhiều lần nghiên-cứu tôi thấy rằng khi sáng tác một họa phẩm bằng sơn mài, họa sĩ phải tự tay mài lấy tranh của mình và không nên giao cho thợ làm công việc trên như nhiều Họa Sĩ đã làm. Có tự tay mình mài lấy, mình mới định được màu sắc đậm nhạt theo ý muốn. Nếu giao cho thợ, họ chỉ việc mài cho nổi lên hết, vì thế tranh sẽ kém đẹp và màu sắc không được chính. Hiện tôi đang góp nhặt dành dụm từng miếng xà cừ nhỏ để có đủ số hấu hoàn thành một bức tranh sơn mài lớn và hy vọng sẽ làm xong trước kỳ triển lãm cuối năm 1963 tới.

— Trong các họa phẩm của Anh bức nào Anh cho là hợp với đường lối riêng của Anh hơn cả và xin Anh vui lòng giải thích rõ các đặc tính của tác phẩm đó ?

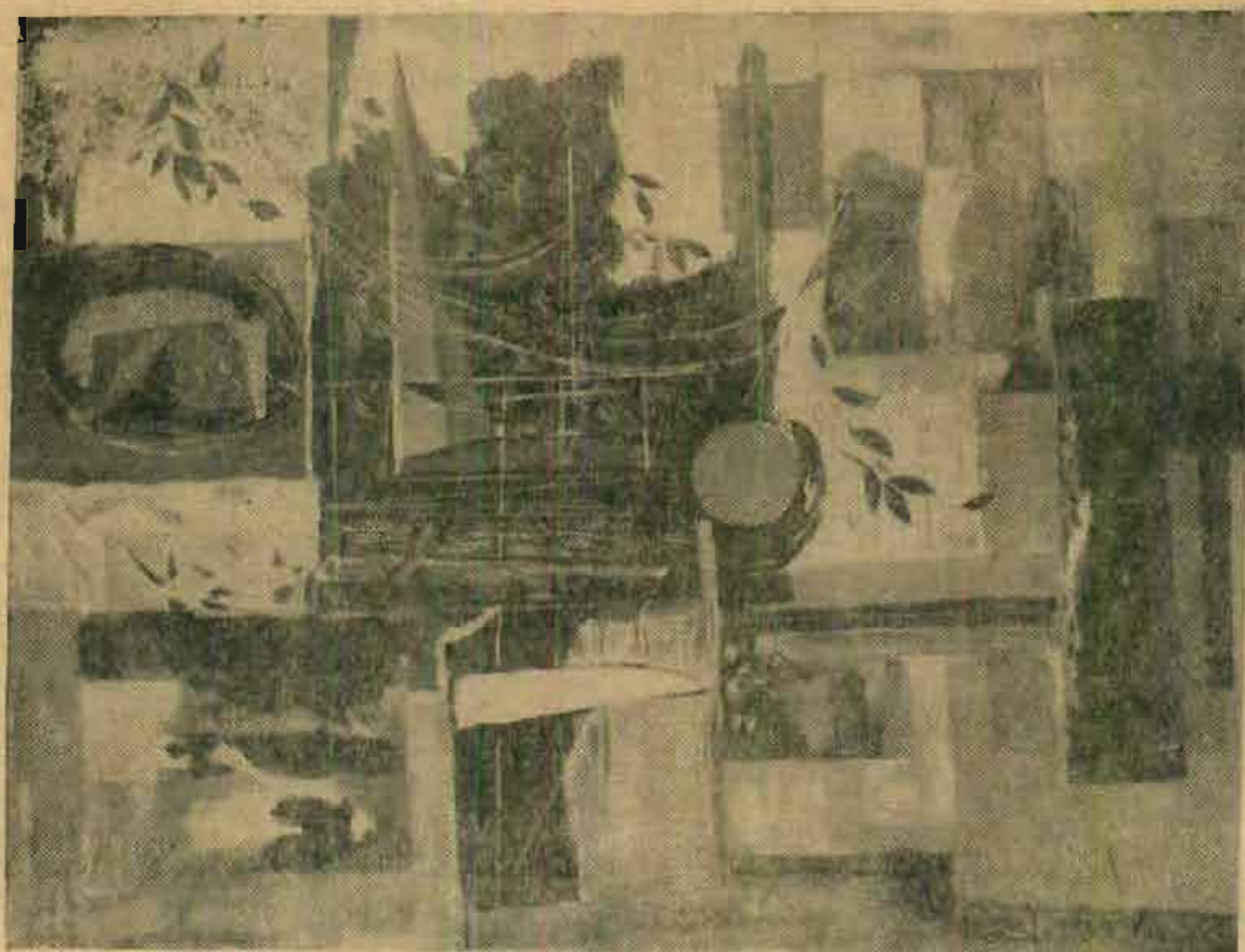
— Thật ra thì tôi chỉ vừa lòng những họa phẩm của tôi trong khi vẽ mà thôi. Ít lâu sau khi xem lại tôi vẫn thấy có đôi chỗ cần phải sửa chữa nhưng khôn nổi nếu là sơn-dầu thì còn làm được, còn gặp sơn mài thì đành để vậy mà chịu. Cũng có vài bức sơn mài đem lại cho tôi đôi chút

hài lòng nhưng vì sinh kế, hay vì cần mua sơn, vật liệu để vẽ bức khác nên đành phải bán đi. Có một điều cũng thấy vui mừng là bức tranh « Sinh hoạt Đồng-Quê Việt-Nam » do bộ Lao-Động đặt trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật vẽ (dưới sự trông nom của tôi từ lúc khởi công cho đến khi hoàn tất) để đưa đi dự kỳ triển lãm ở Kuala Lumpur năm 1959 sau này được Bộ Lao-Động tặng cho Trụ sở Lao-Động Quốc tế tại Genève. Nơi đây nó được treo vào chỗ danh dự nhất trong số hàng chục bức tranh của nhiều Quốc-Gia Âu-Á khác gửi tặng. Không biết đến bao giờ mới được đặt chân đến chôn ầy để nhìn lại tác phẩm mà mình đã bỏ biết bao nhiêu công phu và thời gian để đào tạo ra nó !

Hiện còn tại nhà mấy bức tranh sơn dầu vừa vẽ xong, tôi định sẽ đem triển lãm trong mùa Noël năm tới. Anh muốn chụp bức nào tôi cũng sẵn lòng.

— Chắc Anh hài lòng bức tranh này lắm? Nhìn qua màu sắc nhẹ nhàng và lối cấu tạo hình ảnh tôi cho đó là một bản nhạc thì phải hơn.

— Tôi chưa để tựa mà anh đoán gần trúng. Tên tựa nó là « Phút Nhạc Cảm ». Trong khi sáng tác nó, tôi có cảm giác như nghe trong tâm tư một điệu nhạc, khi cao vút, khi trầm buồn, khi nhặt khi khoan và điệu nhạc đó lúc thì dẫn dắt tôi quay về một chiều nào trong dĩ vãng, trên bến nước, mênh mông, có thuyền đậu, khi hoàng hôn nhu m tím cả chân



Phút nhạc cảm

trời lúc thì gọi cho tôi nhớ đến một mùa xuân nào nơi quê hương cũ có mai vàng, nắng ấm, trời xanh lúc thì lại đưa tôi đến một đêm trăng mờ hồ huyền ảo trên sông vắng...

— *Còn về câu hỏi thứ năm, anh cho biết luôn ý kiến về tình trạng hiện tại và triển vọng của ngành hội-họa Việt-Nam.*

— Trong năm ngoái và năm nay đã có biết bao nhiêu cuộc triển lãm của nhiều họa-sĩ trình bày liên tiếp tại Saigon điều đó chứng tỏ rằng song song với đà tiến hóa của mọi ngành trong xứ ta hiện tại, giới họa-sĩ Việt-Nam đang hăng say sáng tác và ngành hội-họa đang ở vào thời kỳ phát triển mạnh.

Số người thường ngoạn ngày ngày tăng nhiều thêm. Nhất là với sự nâng đỡ

thiết thực của Chánh-phủ, và báo chí Thủ-Đô tôi tin rồi đây sẽ có nhiều hứa hẹn tốt đẹp và chắc chắn trong tương lai.

Nguyện vọng thiết tha nhất của tôi là được Chánh-phủ nâng đỡ nhiều hơn cho ngành sơn mài của ta được phát triển mạnh và tiến xa thêm nữa bằng cách :

a) Thêm giờ dạy vẽ sơn mài tại Trường Quốc-gia Cao-đẳng Mỹ-huật lập riêng cho ngành này một chương trình tối thiểu là 3 năm để đào tạo thêm Họa-Sĩ lành nghề. Hiện nay về Sơn mài Học sinh lên đến năm thứ ba mới bắt đầu học sơ qua có mấy tháng. Với thời gian quá ngắn ngủi ấy còn ai thu thập cái hay lạ trong môn này được !

CUỘC PHÒNG VẦN VỀ QUAN NIỆM HỘI HỌA

b) Cho Trường được ưu tiên lãnh những món hàng (bằng sơn mài) do Chính phủ đặt làm thay vì giao nó cho một cơ sở thương mại tư nhân.

c) Vì cạnh tranh thương mại (để giá xuống thấp) người ta không dùng toàn chất sơn ta mà lại pha trộn nó với nhiều hóa chất khác nên tranh thiếu tính chất bền bỉ. Vì thế sau một thời gian ngắn được xuất cảng ra ngoại quốc, một số tranh sơn mài bị bong sơn hay co lại, điều đó làm mất uy tín không ít cho sơn mài Việt-Nam ta. Yêu cầu Chính-phủ cho chuyên viên xem xét kỹ lưỡng tranh và các loại mỹ-phẩm khác bằng sơn ta trước khi cho xuất cảng ra ngoại quốc.

d) Lập một viện bảo tàng, giữ lại những tác phẩm giá trị của các Họa-sĩ đàn anh hầu những người đi sau có phương tiện nghiên cứu và học hỏi thêm.

— Công việc giảng dạy ở nhà trường có làm ngưng trệ hay cản trở việc sáng tác của Anh không ?

— Bao nhiêu tranh vừa vẽ xong cũng đủ là bằng chứng hùng hồn để trả lời câu đó rồi. Thật tôi tuy mất rất nhiều thì giờ cho công việc nhà trường như cũng còn tiếp tục vẽ được và không thấy có gì cản trở nổi sự thích thú ấy.

— Hiện giờ tại trường, sinh viên có được giảng-dạy về tư tưởng và đường lối mới của Hội Họa không ?

— Không có, mà nếu có thì cũng không biết lấy gì làm căn bản để giảng cho họ. Theo ý tôi thì nhà trường chỉ chuyên chú vào việc chỉ cho sinh viên những căn bản chính của Hội Họa mà thôi. Còn việc lựa chọn một đường lối tự do riêng biệt thì là việc sau này, sau khi đã rời hẳn ghế nhà trường. Tôi tưởng sinh viên cũng cần chín chắn nghĩ rằng trước khi muốn chạy được mau người ta ai ai cũng phải qua nhiều giai đoạn tập trườn, tập bò, rồi chập chững từng bước một chớ không ai mới sinh ra mà đã chạy được liền.

— À quên mất, anh nghĩ sao về tranh trùu tượng ?

— Nếu trên đời này ai cũng hiểu, thích, và mến chuộng loại tranh đó thì thiết tưởng cũng không còn cần có trường Mỹ-Thuật làm gì, mà muốn thành một họa-sĩ thì chỉ cần quẹt bậy quẹt bạ và có chút ít tiểu xảo là được rồi.

Còn đối với các họa-sĩ trùu tượng thì tôi nghĩ rằng một là họ đi xa quá mình không hiểu nổi, hai là họ ... điên.

★ Hạnh phúc ở trong hành động: ấy là dòng suối chảy chớ không phải ao tù phẳng lặng.

John Mason Good



Thanh-Bach

★ THANH-BACH

Tên : Lê-Thị-Thanh-Bach.

Sanh ngày 13-8-1945 tại Saigon.

Học vẽ ở trường A.B.C. Dessin, học với Lê-Trung và Huy-Tường.

Đã triển lãm Lễ Quốc-Khánh năm 1960, 1961 tại tòa Đô-Sảnh Saigon. Triển lãm Hội Văn-Hóa Việt-Nam tại Saigon năm 1960. Triển lãm hi lịch Stanvac 1961. Dự triển lãm Hội Họa Mùa Xuân năm 1961, 1962.

1) Theo ý tôi thì ở Việt-Nam ngày nay khuynh hướng tân họa đang được phát triển ở các họa-sĩ trẻ, phần nhiều đang tìm tòi những đường lối mới. Riêng tôi mới bước chân vào con đường, nghệ-thuật đang cố học hỏi mong tìm được một đường lối riêng biệt.

2) Từ những tranh lợn gà, mộc bản in phẩm của ta xưa đến những hình vẽ trong hang đá thời tiền sử, từ những tượng mặt nạ Phi-Châu đến các mộc bản Nhật, hội họa đã nói lên một cái gì Quốc-Tê. Từ cái mặt nạ da đen đến tranh lập thể của Picasso có sự liên hệ, nhưng ở hai thứ cá tính dân tộc đã bộc lộ rõ ràng tách hẳn nhau.

3) Trên bước đường học hỏi, nhất là với bước khởi đầu, việc tìm kiếm đối với tôi còn khó khăn. Tranh vẽ chưa đạt được kết quả mong muốn.



Tiếng nấc (hay là Mảnh đàn) đã đăng trong Nghệ-Thuật Việt-Nam hiện đại.

Những đường cong đan vào nhau mang hình thể những mảnh đàn và con người. Bố cục nghiêng đổ diễn tả nỗi buồn. Sắc độ nâu và trắng mang ý nghĩa của dề tài.



Buồn : Màu trắng tím của những phôi đàn lan tràn dưới cánh tay phải, kéo những nét thẳng khô đen chìm trong nỗi buồn của người thiếu nữ

4) Trong khi học hỏi, để tìm hiểu một đường lối riêng biệt tôi đã dùng những hình ký-hà, những (valeur) sắc màu rực-rỡ hay những độ nóng lạnh để cô diễn tả sự ray-rứt của nội tâm suy-tư trước những chuyện đời.

Tôi chưa dám cho họa phẩm nào của tôi hợp với ý thích mà mình đã sáng tác, vì nó thiếu sâu-sắc và chưa làm rung động người xem tranh.

5) Lây so-sánh các phòng triển lãm đã qua để đánh dấu những bước tiến

của nền hội-họa Việt - Nam, những phòng tranh kế tiếp mở ra tại Saigon đã chứng minh sự làm việc không ngừng (mãnh liệt) của các bạn họa-sĩ Việt-Nam.

Tôi rất tiếc không thể nói dài và đầy đủ hơn, cũng như ông biết tôi tuổi hầy còn nhỏ sự hiểu biết đến đâu thì tôi viết đến đó, nên không có những ý nghĩ hay hoặc những câu trả lời chính xác và đầy đủ như những bậc thầy (anh chị) trên tôi.



★ PHƯƠNG-MAI

Tên đầy đủ : Lê - Thị - Phương-Mai.

Sanh ngày 29-3-1940 tại Hà-Nội.

Hiện học năm thứ hai trường Cao-đẳng Mỹ-thuật quốc gia.

Dự triển lãm Hội-họa mùa xuân Tân-Sửu (1961) và Stanvac (1961).

Được giải thưởng lệ danh dự hội họa mùa Xuân Tân-Sửu với bức họa « Tà áo trong phở buồn ».



Phương-Mai



Tĩnh vật

Chúng ta phải công nhận rằng từ mấy năm nay hội họa Việt-Nam đã «vươn ra khỏi cái bọc» để khoe sắc với Quốc Tề, nhưng cũng còn quá ít ỏi để có thể tìm xem một xu hướng nào đáng kể nhất.

Riêng tôi hiện giờ còn phải học, phải theo khuôn khổ nhà trường nên tôi chưa từng nghĩ mình sẽ theo một xu hướng nào. Họa phái nào đối với tôi cũng có cái hay và có cái không thích hợp bởi vậy tào nhiên rồi đây tôi cũng sẽ phải tìm cho ra một đường lối riêng biệt của mình.

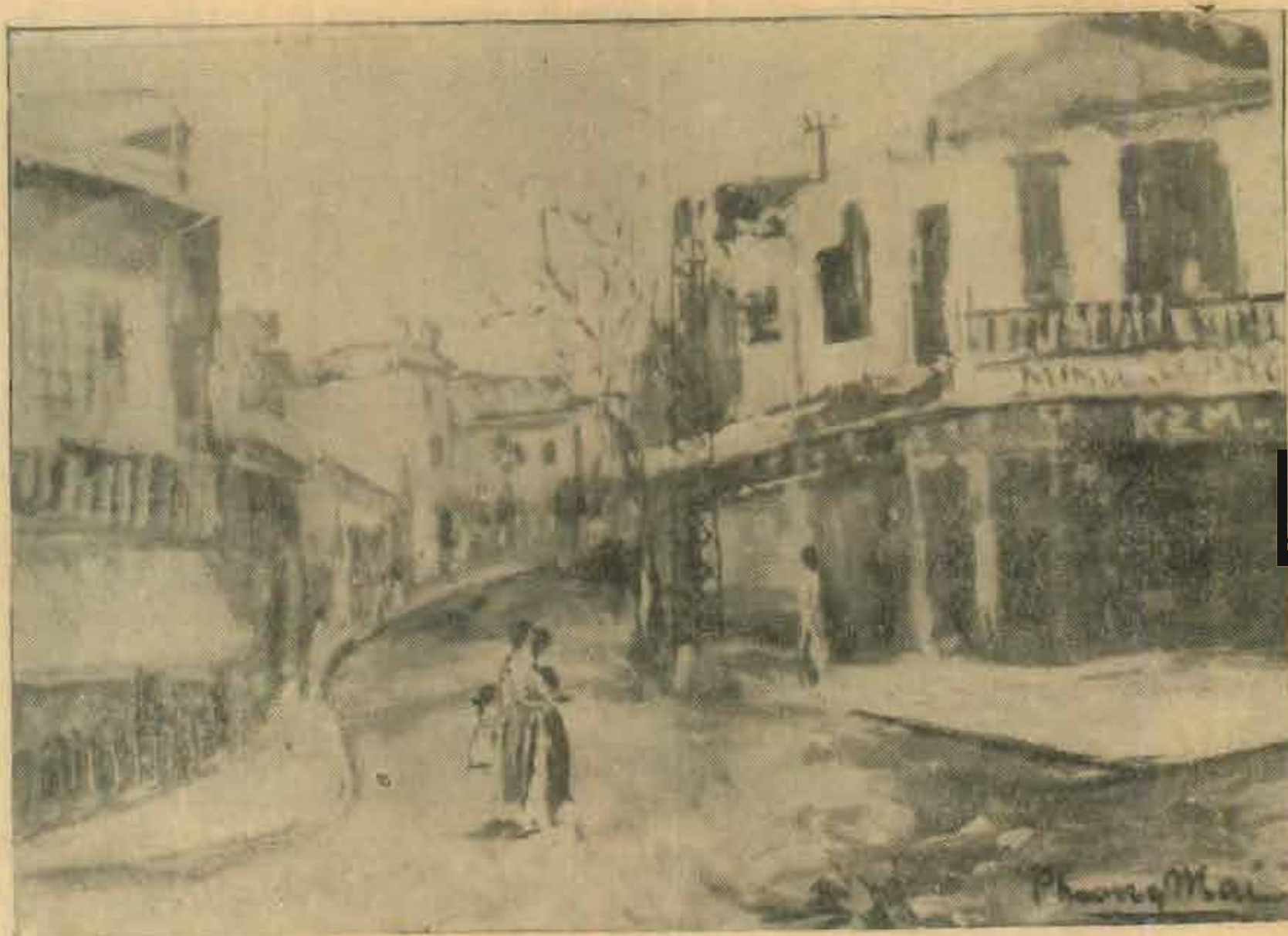
Khi vẽ, khi đã đứng trước khung vải, mình cứ để cho tự cảm hứng thành hình không cần chú ý tới có hay không có dân tộc tính trong họa phẩm. Tôi thiết nghĩ, dù theo trường phái nào, dù sáng tác ở một góc trời nào

thì họa phẩm của mình vẫn không thể không mang những nét đặc-biệt của dân tộc mình.

Chưa có một tác-phẩm nào của tôi có thể làm tôi hài lòng được đến một tuần lễ, chỉ sau khi vẽ hai hay ba ngày là tôi đã cảm thấy rất khó sở khi đứng trước tranh mình, bởi thế cho nên khi vẽ xong một bức tranh tôi ít khi dám nhìn ngắm lại.

Về màu sắc tôi thích những màu buồn dịu như xám, vàng đất, xanh nhạt... thích vẽ những màu «ton sur ton» và tôi ghét kinh khủng màu nóng.

Không một họa sĩ nào trước khi thành tài mà không phải thụ giáo các bậc thầy, học hỏi kiến thức và kinh-nghệm của các người đi trước để trau



Tà áo trong phố buồn

đổi cho tài nghệ mình thêm vững chắc, rồi sau đó mới tạo cho mình một đường lối riêng biệt được. Nhưng nếu ở trường học mà vô phúc gặp phải những ông giáo quá khắc-khe, ép buộc mình phải thực hành như cái

máy thì thật là thất vọng. Đôi khi tôi cũng cảm thấy chán nản đến cực độ đối với không khí gò bó của nhà trường và điều này đã làm tôi trở thành một đứa học trò lười nhát từ xưa tới nay !

Bạn yêu thơ đón đọc

NHỮNG DÒNG NƯỚC TRONG

thơ HOÀNG.BẢO-VIỆT

NGUYỄN-TRUNG trình bày — Phát hành hạ tuần tháng chạp

ĐIỂM SÁCH

Cô PHƯƠNG - THẢO

Tên sách : **Kỷ niệm văn thi sĩ hiện-đại**

Tên tác giả : **Bàng-Bá-Lân**

Nhà xuất bản : **Xây dựng (1962)**

GIỮA lúc mọi người khát khao, chờ đợi cái mới trong những sinh-hoạt tinh-thần thì Bàng-Bá-Lân cho ra *Kỷ-niệm văn thi-sĩ hiện-đại*, một quyển « *phê bình không giống những sách phê bình đã có ở nước ta* » từ trước đến giờ, theo lời tác giả bày tỏ trong những trang đầu tác-phẩm.

Quyển sách mới mẻ ấy thuộc một thể-loại mới mẻ, được tác - giả gọi là loại « *Kỷ-túc — Phê-bình* ». Nền tảng của nội dung sách là cái quan-điểm sau đây : « *Muốn phê-bình thật đúng một nhà thơ, nhà văn nào, phải quen biết nhà thơ, nhà văn ấy* » (trg 5). Câu kết luận này, theo lời tác-giả, đã được tìm ra sau khá nhiều năm thắc mắc, từ khi tác-giả còn ngồi trên ghế nhà trường cho đến ngày nay.

Áp dụng quan-điểm ấy, tác-giả bắt đầu nói về các nhà thơ, văn, biên - khảo, ít nhiều có mối tương - quan giao-hảo với mình, đó là mười vị sau đây : Nguyễn-Nhượng-Pháp, Nguyễn-Hiến-Lê, Anh-Thơ,

Đông Hồ, Vũ-Hoàng-Chương, Nguyễn-Vỹ, Toàn-Ánh, Phạm-Đình-Tân, Phạm-Đình-Khiêm, Phạm-Văn-Sơn. Về những nhà thơ, văn khác, tác giả mong rằng sẽ giới-thiệu đến trong những tác-phẩm tiếp theo. Bởi lẽ thể-loại *Kỷ-túc — Phê-bình*, như chúng ta biết, là một thể-loại không bao giờ hết, nếu như tác giả còn nhiều sức khỏe và còn quen biết nhiều người.

Trên cái quan-điểm phê-bình dựa vào « *quen biết* », tác - giả tất nhiên phải có phương-pháp thích - hợp để thực - hiện những ý-định của mình. Phương-pháp ấy, là đem cái « *tôi* » của mình làm « *một nhịp cầu thông-cảm giữa các nhà văn, nhà thơ với bạn đọc, làm tấm gương phản-chiếu tâm-tình của họ để độc-giả soi xem* ». (trg 6) Tác-giả nói thêm : « *Qua cái tôi của tôi, các bạn sẽ nhìn rõ cái tôi của các thi-văn-sĩ ấy* ».

Và như thế, văn lời tác-giả, những ai « *đọc sách này, ngoài chân-dung, tiểu-tử, thù-bát, chữ ký còn được đi sâu phần nào vào tâm-tình một số các nhà thơ, nhà văn* ».

hiếu-danh hiện-đại qua những kỷ-niệm vui buồn, ngộ - ngĩnh hay cảm - động ; được thưởng thức những vần thơ, những áng-văn đặc-sắc của các thi-văn-sĩ ấy ; được biết những bài thơ nào, áng-văn nào họ ưa thích nhất và sáng-tác trong trường-hợp nào, được hiểu rõ và đúng cái hay, cái đẹp của thơ văn » (trg 6).



Trên những con đường văn-ngệ cũ mòn, bánh xe sáng tác dầy lên từng đám bụi mù tình tự xa xưa, ai cũng thêm đợi công-trình mới mẻ như người ở cũ thêm chua, như kẻ cô-đơn thêm món ái-tình ! Dù là ký-ức, dù là phê-bình, dù là thể loại nào chăng nữa, nếu có sáng kiến đều phải chào mừng, miễn sáng kiến ấy ít nhiều có một ý-nghĩa khám-phá thực-sự, ít nhiều đóng góp hữu-ích vào sự-nghiệp chung.

Bàn tay đang buổi chờ mong đón vội tác-phẩm của thi-sĩ họ Bằng.

Và dừng lại, ngẩn-ngơ trước cái tên sách.

« *Kỷ-niệm văn thi-sĩ hiện-đại* »... là gì ? Người đọc không hiểu vai trò của tiếng kỷ-niệm. Nếu là danh-tự, thì đằng sau nó phải có một tiếng giới-tự không sao thiếu được. Nếu là động-tự thì cái đầu đề trở nên vô-nghĩa. Nhưng mấy trang sách sau bìa giải thích cho ta điều ấy : *Kỷ-niệm văn thi-sĩ hiện-đại* là *Vài kỷ-niệm về mấy văn-thi-sĩ hiện-đại* ! Như thế kỷ-niệm là một danh-tự. Nhưng ai quen nói tiếng Việt hằng ngày cũng nhận thấy được điều giản-dị này : Ta không thể nói : « *Sự hi-sinh tổ-quốc* » để thay « *Sự hi-sinh cho tổ-quốc* » cũng như không thể viết « *Câu*

nói nàng *Kiều* » để thay cho « *Câu nói về nàng Kiều* ».

Tên sách *Kỷ-niệm văn-thi-sĩ hiện-đại* là một ngbi-nghia, nói lên một sự giản ước vô-lỗi đi ngược tinh-thần tiếng nói. Đó là một điều rất khó chấp nhận khi nó được in chữ lớn ngoài bìa và khi tác-giả là một giáo-sư dạy môn Việt văn ở các cấp bậc Trung-Học.



Nhưng gác ra ngoài vấn-đề văn-phạm, đọc xong tác-phẩm người ta vẫn không hiểu được ý-nghĩa của tiếng kỷ-niệm vốn được ngầm xem như là linh-hồn cuốn sách. Sự không hiểu ấy phát sinh từ những thắc mắc như sau :

Một là tác - giả họ Bằng không cho chúng ta linh hội thể nào là một kỷ-niệm. Co nhiều sự-kiện được đem trình bày như một cái cớ, một chuyện ngoài lề, một thứ ngộ nhận đã được giải-đáp dễ-dàng như trăm ngàn chuyện ngộ-nhận ngoài đời. Người đọc tự hỏi : Lá thư thù tạc của Nguyễn-Nhược-Pháp gửi cho tác-giả là một kỷ-niệm ? Mấy dòng tiểu sử để chép nguyên văn của Đại-An-Am Đông-Hồ là một kỷ-niệm ? Sự lầm tưởng rằng Toan-Ánh là một « *thanh-niên hoạt bát* » đến khi gặp mặt mới rõ là người « *hiền-lành, chậm-chạp* » là kỷ-niệm sao ? Thật tình trong trường hợp các ông Phạm-Đình-Tân, Phạm - Đình - Khiêm người ta không rõ kỷ-niệm đối với tác-giả là đâu, và khi nói về ông Phạm-Văn-Sơn tác-giả chỉ cho ta biết cùng với nhà viết sử kia quen biết từ hồi còn trẻ, như biết bao người đã biết, đã quen từ lúc nào rồi.

Hai là người đọc không hiểu yếu-tố kỷ-niệm đóng một vai trò thể nào đối với,

nội-dung tác-phẩm. Xem trang đầu sách người ta nghĩ rằng đây là tác-phẩm phê-bình dựa vào ký-ức, nhưng đến cuối sách người đọc nhận thấy có nhiều nhân vật tác-giả phê-bình không hề dựa vào ký-ức chút nào, nếu hiểu ký-ức với cái tinh-thần *kỷ-niệm* theo như tác-giả trình bày. Chẳng những chúng ta không rõ điều ấy mà đến tác-giả cũng không hiểu nốt. Cứ xem tác-giả viết rằng : « *Đây cũng là một loại ký-ức — ký-ức và phê-bình — nên mới mang cái nhan-đề dài dòng : 'Kỷ-niệm v v...'* » (trang 7) thì cũng không ai hiểu được thật sự nội-dung của tiếng *kỷ-niệm* ra sao



Nhưng lại gác ra ngoài vấn đề danh-từ đã thành một lỗi quá sức phổ biến ở trong thời đại chúng ta, xin hãy đi vào quan-niệm phê-bình ở trong tác-phẩm. Sau khá nhiều năm thắc mắc, tác-giả đi đến một câu kết luận : « *Muốn phê-bình thật đúng một nhà thơ, nhà văn nào phải quen biết nhà thơ nhà văn ấy !* ». Trên quan điểm này chắc-chắc là chúng ta đây không sao phê-bình đúng-dắn tác-phẩm cổ điển (bởi vì khó lòng xuống mồ để làm quen với Nguyễn-Du hay Đoàn-Thị-Điểm) cả đến tác-phẩm cận-dại ta cũng chịu thua và những tác-giả hiện-dại, nếu đã qua đời trước khi ta tìm ra được cơ-hội quen thân với họ thì ta đành phải đầu hàng sự thực trong những công trình của họ mất thôi. Theo quan-niệm ấy, chúng ta cũng không làm sao thưởng-thức đúng đắn được các văn-hào quốc tế, bởi lẽ khó lòng quen thân được với những con người mà ta phải có khá nhiều ngoại-tệ mới có thể thân-mật giao du. Như thế quan điểm phê-bình của Bàng-Bá-Lân đã rút lui về trong

một thời khoảng hiện-dại, giữa những biên-giới quốc-gia chật hẹp chỉ được chấp nhận cách đây hàng trăm hàng ngàn niên kỷ. Khốn nỗi, trong một quốc-gia, chúng ta cũng không làm sao quen biết cho hết, dù ta sống được cuộc đời Bành-Tổ, do đó muốn phê-bình đúng theo ý họ Bàng thì chỉ còn mỗi một cách là phê bẻ bạn họ hàng của chúng ta thôi. Ở đây không khéo lại thêm một quan-điểm phê-bình mới mẻ, tạm gọi là *quan-điểm phê-bình gia-tộc*.

Nhưng với quan-niệm hẹp hòi như thế, người ta có thể phê-bình thật đúng hay chẳng ? Chúng ta xin được tỏ lòng ngờ-vực.

Sự ngờ vực ấy dựa vào những lẽ sau đây : một người không đủ năng-lực tìm hiểu đúng đắn tác-phẩm, phải dựa cậy vào quen biết, e sẽ lạc lối ở trong những cảm-tình, trong tâm sự vụn, khó lòng nhận xét tác-phẩm một cách khách quan. Hơn nữa, quen biết thật chưa phải là *cảm-hiểu*. Trong sự giao tiếp, mỗi người đều tạo cho mình một thứ mặt nạ tự-vệ thay đổi tùy theo trường hợp, tùy theo đối tượng thì gặp một kẻ chưa có tương quan mật thiết sâu xa, chưa thật hoàn toàn thông cảm với mình, chắc đâu người ta đã chịu cởi mở tâm hồn. Muốn tìm hiểu được những người như thế chúng ta phải có trình độ tâm-lý, phải có kinh-nghiệm về người, về đời để đọc những phần ẩn nấp ở trong người họ, che dấu sau mặt nạ họ. Nếu không có trình độ ấy, thì dù quen biết mười mươi ta cũng không thật nhìn thấy ai hết mà chỉ căn cứ vào những nhận xét bề ngoài hơi hợt về những kẻ khác để làm bề sâu cho tâm-hồn mình. Nhưng khi nhà văn sáng tác, dù nhà

văn ấy có tài hay không có tài, những phần u-ẩn, sâu xa trong con người họ đều thể-hiện trong tác-phẩm một cách đủ đầy. Nếu biết nhận xét tác-phẩm là biểu được về con người tác-giả, bắt tất phải được cùng nhau quen biết mới hiểu đúng được về nhau.

Người ta chỉ có thể nói: *Có một phương pháp khoa-học, một quan-điểm tiến bộ, một kiến-thức căn-bản về văn-học và khái-quát về mọi sinh-hoạt con người, thì sự tìm hiểu tác-phẩm, tác-giả, mới mong đến gần sự thực.* Nói như thế, chúng ta không hề phủ nhận sự quen biết một nhà văn nào có thể giúp ta rõ thêm về nhà văn ấy, nhưng sự rõ thêm ấy chỉ là điều kiện hoàn-toàn phụ thuộc vào những điều kiện căn-bản trên kia.

Thêm nữa, lập-luận theo như tác-giả còn nói lên điểm ngộ-nhận về cái tính cách độc-lập của một tác-phẩm đối với tác-giả và cái tính-chất xã-hội trong một giá-trị tác-phẩm. Một khi người làm văn-ngệ đã hoàn thành một công-trình thì công-trình ấy tự nó đã có đời sống riêng biệt, đã thành vật-phẩm xã-hội, và tùy ở nơi nhận thức xã-hội mà nó có một giá-trị nào đó. Nhà thơ có thể buồn chết ruột gan nhưng chỉ làm được thi-phẩm khiến ai đọc lên cũng ngáp chứ không mặt ủ mày chau thì cái giá-trị của thi-phẩm ấy chỉ ở cái ngáp mà thôi, còn những tâm sự khổ đau ngoài bài thơ ấy, không thể giúp ta hiểu đúng giá-trị của nó ngoài cái ngáp được.

Tuy nhiên, trình bày như vậy sợ rằng chúng ta cũng không hiểu hết dụng ý Bàng-quân. Có lẽ khi tìm ra câu kết luận

như trên, tác giả cũng đã thấy rằng có nhiều trường hợp người văn-ngệ-sĩ không sao diễn tả được hết lòng mình, do đó gào gào được họ, thấy một chừng nào cá tính của họ, nghe được ít nhiều tâm sự của họ thì sự thưởng thức sẽ thêm sâu sắc, có những khám phá tinh tế hơn nhiều. Chủ trương như vậy, chắc là Bàng-quân đã có kinh nghiệm, nghĩa là có những cống hiến mới mẻ về các nhà văn nhà thơ quen biết từ lâu. Và ta có thể nghe Bàng-quân nói về mười tác giả để hiểu cái quan điểm ấy thực có giá trị thế nào.

Trước hết, về Nguyễn-Nhượng-Pháp, tác giả nhận-xét: « *Đọc thơ anh ta vui nhưng không vui ồn ào, không cười ầm ĩ. Ta chỉ cười thầm nhưng là nụ cười sâu sắc, ý vị biết bao! Và ta thấy — cùng với tác giả — mến yêu những người xưa tha thiết.* (trg 12). Ngày xưa Hoài-Thanh từng viết: « *Cái cười của Nguyễn-Nhượng-Pháp hiền-lành, thanh-tao... Với Nguyễn-Nhượng-Pháp, nụ cười trên miệng bao giờ cũng kèm theo một ít cảm-động trong lòng...* » Khác chăng là ngày nay thì sĩ họ Bàng thêm vào hai tiếng *sâu sắc*, ý vị không rõ khen Nguyễn-Nhượng-Pháp hay tự khen mình, và thêm hai tiếng *tha-thiết* không rõ thành thật hay là giả-dối, bởi vì thơ Nguyễn-Nhượng-Pháp không phải là loại gây nên những thứ tình cảm như thế. Đây là một đoạn tác giả giảng thơ của Nguyễn-Nhượng-Pháp: « *... thời đó thần tiên cũng « đi lấy vợ » cũng để cho « lòng tơ vương » và — cũng như người trần chúng ta — thích khoe khoang (trích dẫn) cũng biết « lấy lệ » với gái (trích dẫn) cũng biết « dương vẫy » trước người đẹp (trích dẫn)* » thì nhiều bạn đọc đến phải quay mặt, cúi đầu vì nổi ngượng ngùng.

Về thi-ngệ của Anh-Thơ, tác-giả phê-bình :

« Ngắm bức tranh « chợ ngày đông » mới đây, nếu ai không cảm thấy cái buồn lạnh-lẽo thì người ấy quả là một... kẻ vô tình (trích dẫn). Bạn có cảm thấy rét chùng trước cảnh (trích dẫn). Và tôi chắc rằng ai cũng thích có một trong mấy bức tranh chấm phá đây thi-vị sau đây để treo nơi phòng khách (trích dẫn) » thì ai chẳng liên-tưởng đến những tiếng « mai vô » ở một quãng đường nào đó.

Người đọc có thể tìm thấy nhan nhản những lời phê bình « không giống những sách phê bình đã có ở nước ta » như thế trong tác-phẩm này.

Thi sĩ họ Bằng phần lớn chỉ trích dẫn các đoạn văn thơ và kèm ở trước một lời giới thiệu xuất-xứ, hoặc kèm một lời kêu gọi chú ý, hoặc lặp lại các đầu đề, chẳng hạn : « Đây là một cảnh mưa » (trang 65) « Đó là cơn giông, và đây là một đêm giông-tổ... (trang 65) hoặc thêm những lời phê-phán mư-hồ, đại loại « tác-giả đã tả rất đúng bằng những văn thơ đầy âm-thanh và hình ảnh » « tác-giả không bỏ qua những cảnh đó và diễn tả rất rõ ràng » khiến cho người đọc nhiều khi tưởng mình lạc-lối trong một quyển sách giảng văn đệ-thất, đệ-lục, theo lối diễn giải dễ-dàng ngày xưa.

Còn về con người của các văn-thi-sĩ ấy, chúng ta được biết những gì ?

Tác giả đã đăng nguyên văn cả bản giễu sử khá nhiều chi-tiết của Đông-Hồ tôi đến cho mình rồi ghi chú thêm : « Đọc những dòng tiền-sử trên đây do chính tác giả gởi cho và tôi để nguyên-văn, chỉ bỏ bớt

ít nhiều chi-tiết không quan-trọng, bạn đọc chắc cũng hiểu đại-khái nhà thơ Đông-Hồ là người thế nào » (trang 90). Người ta không rõ qua cái sự-kIỆN « tôi để nguyên-văn » và câu ghi chú trên đây nhà thơ họ Bằng có dụng ý gì để giới thiệu thêm Đông-Hồ với các độc giả. Sau đó, qua đôi lời khen, người ta nghe Bằng-Bá-Lân xét nhận về nhà thơ ấy : « Đông-Hồ đúng là một trong số ít nhà thơ của thế hệ cũ còn sót lại » (trang 99)... Thơ Đông-Hồ — trừ vài trường-hợp thích-nghĩ — quả có kém truyền-cảm vì nhiều khuôn mồm sáo cũ. (trg 92) « Nếu không mắc lỗi tầm thường, trống rỗng thì lại rơi vào sáo cũ khuôn mồm » (trg 93) v. v...

Về Vũ-Hoàng-Chương, họ Bằng phát giác thêm cho chúng ta thấy rõ tác giả của *Máy* và *Say* đã bị thiếu thuốc-phiện tàn phá thế nào. Đó là « một người gầy nhom, nét mặt hốc-hác... gương mặt choắt choo, ốm yếu... » (trg 109) « một người lập đi » (trg 110) và đây là một kỷ-niệm, — nếu có thể gọi là kỷ-niệm — khi Bằng thi-sĩ đến thăm họ Vũ : « Thấy anh lâu chưa dậy, tôi đến bên giường, vén màn lên., bỗng giật nẩy mình, lùi lại : dưới chân có vật gì cựa quậy, rồi nhảy vọt ra, chạy vòng quanh giường. Thì ra là một chú chó Nhật-Bản trắng nhỏ xíu, lông xù... (trg 111). Ngoài cái việc đã làm cho tác-giả « hoảng hốt » (trg 111) trên đây, tác giả còn cho ta rõ thi-sĩ họ Vũ là kẻ thất vọng vì tình nên « phải đi sâu vào truy-lạc » (trg 117) phải ghiền ngập nặng làm cho cuộc đời « tàn tạ như kẻ chết nửa đời » (trg 119). Về thơ bây giờ của Vũ-Hoàng-Chương, thì Bằng thi sĩ nhận thấy « rừm rừm lời mà không nói được gì » (trg 125) « thiếu sự cảm hứng, sự gương-giao đến giả-tạo » (trg 124)

vô duyên trơ trẽn (trg 126) chẳng khác
thằng người gỗ làm trò múa rối (trg 127)...

Tóm lại, về hai nhà thơ có nhiều tiếng
tâm đã được đề cử đi ra quốc tế ngày nào
là Đông-Hồ và Vũ-Hoàng-Chương thì
Bàng thi-sĩ thấy họ đã tàn tạ rồi, già nua
cằn cỗi lắm rồi. Chỉ riêng Đông-Hồ có một
chiếc ảnh trẻ trung thì họ Bàng đã kịp ghi
vào dưới một câu: «*Hình chụp năm còn trẻ*»
(trg 89) có lẽ để cho các nữ độc-giả bốn
phương khỏi lăm, mặc dầu ở trong tiểu-
sử, Đông-Hồ có ghi rất rõ là mình sinh
năm 1909, trên nửa thế-kỷ nay rồi!

Còn về các nhà thơ khác, thì Bàng thi-
sĩ nhờ sự quen biết nên nhận-xét họ
không có tài năng bao nhiêu. Trừ Nguyễn-
Nhược-Pháp, một người đã chết từ lâu
là có «*chân tài*» (trg 13) có những
«*kiệt-tác*» (trg 16) còn những kẻ hiện
đang sống thì sao? Về Nguyễn-Vỹ thì
Bàng-Bá-Lân bảo mình đồng ý với Hoài-
Thanh ở trong vài điểm, ngoài ra họ
Bàng nhận thấy Nguyễn-Vỹ chỉ thành
công được ở những bài thơ nói... chớ
mà thôi: «*Ta có thể nói Nguyễn-Vỹ là
nhà thơ Việt-Nam có cảm-tình với chó
nhiều nhất, và lần nào anh đưa con vật
đó vào trong thơ cũng đều xúc-cảm được
người đọc*» (trg 153). Còn về những
bài thơ khác thì Bàng thi sĩ cho rằng
Nguyễn-Vỹ «*thường mắc phải những lời
sáo, rườm rà hoặc quá dễ-dãi trong cách đặt
câu dùng chữ*» (trg 151). Nói về Anh-
Thơ, họ Bàng gọi là «*Cô em*», — dù
không bà con gì ráo — và cho ta biết là
cô «*cười, hơi vô duyên*» và lần đầu tiên
gặp gỡ tác giả «*ít có cảm tình*». Anh Thơ
là một thi-sĩ cũng viết về cảnh thôn-quê
— như Bàng thi-sĩ — nhưng thơ thì «*rất
sáng sủa và đúng văn phạm*» (trg 62) lại

«*thiếu cô-động và thường có những chữ
rườm rà ít chất thơ*» (trg 63). Về
Phạm-Đình-Tảo thì sau khi khen vài lời,
thi-sĩ họ Bàng chọn ngay bài thơ thi-sĩ
họ Phạm cho là đặc ý nhất của mình —
trong lá thư riêng gửi cho tác giả — để
công bố lên và phê phán là «*vừa thô, vừa
nặng*» (trg 192), có chữ làm cho tác giả
«*phì cười*» (192). Về Toàn-Anh Bàng-
Bá-Lân nhận xét: «*Thơ như thế có thể
phê là được trong trường hợp xướng họa,
ngâm vịnh lúc tiêu hân, trà dư*» (trg 172)
Và đây, ý kiến của Bàng thi-sĩ nói về thơ
Phạm-Văn-Sơn: «*Kể ra thơ của Phạm-
Văn-Sơn cũng có nhiều triển vọng đấy
chứ?*» (trg 220).

Tất cả sự chuẩn-bị ấy của Bàng thi-sĩ
khiến cho người đọc muốn hỏi:

— Còn Bàng-Bá-Lân thì sao?

Một điểm đáng kể là Bàng thi-sĩ có
một trí nhớ rất tốt về cá nhân mình.
Đang nói về Nguyễn-Nhược-Pháp, tác
giả cũng không tự quên: «*Nguyễn-Nhược-
Pháp, một nhà thơ lúc đó — cũng như
tôi — chưa ai biết tiếng...*» (trg 11)
Đang phê-bình thơ Anh-Thơ, tác giả
cũng cần nhắc đến một khả năng khác
của mình: «*Với những người ấy, tôi
xin đứng trên cương-vị một nhiếp ảnh gia
có đôi chút kinh nghiệm mà thưa rằng:
chụp ảnh không phải chỉ làm một việc
có tính cách máy móc, phải là một nghệ-sĩ
thực tài mới khám phá...*» (trg 68)
để nói một điều mà không có một người
nào nói khác.

Tác giả cũng nhớ trích một đoạn thư
của Nguyễn-Nhược-Pháp gửi cho tác giả

có những câu nói về thơ tác giả như sau : « *Thơ cảnh có tình thì hoàn-toàn vậy. Tôi dám quả-quyết rồi sau này anh sẽ chiếm một địa vị độc-nhất trong làng thơ : anh sẽ là thi sĩ của thôn quê. Chắc anh không quên nhà thi sĩ la-tinh trác danh nhất là Virgile...* » (trang 22) Ở đây tác giả quên rằng giữa những thư từ thù tạc người ta không muốn hẹp hòi. Và không thể đem những lời khen riêng trong một lá thư của kẻ đã chết — nghĩa là không thể cải-chính, không thể xác nhận — để đề cao mình.

Tác giả còn trích cả một đoạn dài của Nguyễn-Hiền-Lê trong quyển *Luyện văn* để tự giới thiệu thi-tài của mình qua câu « *êm-đềm sóng lụa trôi trên lúa* » là « *ông à như tơ, du dương như nhạc... tự nhiên, hoa mỹ...* » (trang 37). Người ta có thể hiểu được tại sao suốt trong tác phẩm, thi sĩ họ Bàng chỉ khen có Nguyễn-Nhược-Pháp và Nguyễn-Hiền-Lê và đặt hai người lên trên đầu sách theo đúng thứ tự của sự trân-trọng. Có lẽ cả Nguyễn-Nhược-Pháp — nếu còn sống ở trên đời — và Nguyễn-Hiền-Lê, hai người mà phần đông chúng ta ai cũng có lòng quý mến, không thể ngờ được những câu nhận xét rộng rãi của mình có thể làm vui lòng người đến thế.

Thi sĩ họ Bàng còn cho ta biết nữ sĩ Ngân-Giang rất thích, rất thú hai câu thơ của tác giả như sau :

*Tương tư thuyền nhớ sông dài,
Tương tư là có hai người nhớ nhau.*

và cũng không quên ghi ở dưới rằng Ngân-Giang là « *nữ thi sĩ khá nổi tiếng hồi đó...* » (trang 73). Đồng thời họ Bàng không quên nói úp nói mở để người

ta hiểu Ngân-Giang đã tương tư mình ra sao. Nhờ thế người ta hiểu Bàng-Bá-Lân tốt số đào-hoa nhưng Bàng-Bá-Lân hẳn không nghĩ rằng nhắc lại những cái kỷ-niệm xa mờ của một thời kỳ lãng-mạn lỗi thời như vậy có thể làm hại cho người đàn bà trong cuộc thế nào, nhất là người đàn bà ấy chỉ quen biết mình ở trong giới hạn văn-chương và người đàn bà ấy sống trong xã-hội Việt-Nam.

Tóm lại, Bàng-quân thật là số trường về thơ tuy không số trường chút nào về sự khiêm tốn.

*
* *

Căn cứ vào câu nói ở trang đầu của Bàng-Bá-Lân : « *Qua cái tôi của tôi, các bạn sẽ nhìn rõ cái tôi của các thi văn sĩ ấy* » thì bây giờ đây chúng ta đã thấy rõ rồi. Và ta thấy rõ « *đứng vững trên cái quan điểm dựa vào quen biết* » (trg 6) tác giả đã nhìn « *thật đúng* » ra sao. Nhờ sự quen biết, tác giả đã thấy rõ được bạn bè văn hữu của mình và nói về họ một cách thật là sốt sắng đến nỗi chúng ta không ai có thể ngờ đến. Trước những khuyết điểm của họ, luôn luôn ta thấy Bàng quân mở lời « *tôi rất thành thực nhận thấy* » cho nên ta đều thông cảm tấm lòng chí thành khá đặc biệt ấy. Ta chỉ tiếc rằng — ngoài Bàng thi sĩ — họ có những khuyết điểm quá đáng về văn, về thơ cũng như về các tính tình, tư tưởng. Và ta cũng tiếc rằng những nhận xét của Bàng thi sĩ về họ không phải để làm công tác-văn học mà chỉ để thêm sáng tỏ một người đang bị một mối tự-ti ám-ảnh tâm-hồn.

Sự thật, nếu không nhờ sự quen biết với họ thì có dễ gì mà nói lại được bao nhiêu điều ấy để cho người đời thông cảm mà xót xa họ, như Bàng thi-sĩ đã

từng tỏ lòng thương cảm ở trong nhiều đoạn.

Thế mà mở đầu tác phẩm Bàng-Quân bảo sẽ cho ta « hiểu rõ và đúng cái hay cái đẹp của thơ văn » chứ không chịu nói là sẽ cho ta biết thêm cái tệ cái xấu của các văn hữu của mình.

Cái tình bằng hữu thiêng liêng mà biết bao người ca tụng từ xưa, cái tình nghĩa ấy đến thời bây giờ đã được Bàng-quân khai thác thật là xứng đáng. Chúng ta tin rằng thể nào sách của Bàng-quân cũng sẽ bán chạy. Bởi vì ngoài các di ảnh, chân dung, ngoài những thủ bút, chữ ký, ngoài những tính tốt, tính xấu, tâm tình của văn-thì-sĩ, tác-giả còn bán được cả những đoạn văn thơ thích nhất của họ công trình nào-tủy của họ.

Như thế Bàng-quân sẽ có triển vọng nhờ tác-phẩm này mà được cả lợi lẫn danh. Thực sự, trước kia có lẽ không được mấy người biết danh Bàng-quân như Bàng-quân đã tưởng lầm. Người ta thường coi Bàng-quân là người làm thơ viết được đôi bài trôi chảy về cảnh thôn-quê, thỉnh thoảng có đôi câu khá có thể trích dẫn trong sách luyện-văn cho những học sinh ở những bước đầu tập viết. Kể về vị trí ở trên văn-đàn — thật chưa có một kẻ xôi-thịt nào hăm-hở xếp hạng — nhưng người ta vẫn đặt Bàng thì-sĩ ở sau Anh-Thơ, sau Đoàn-văn-Cừ. Còn về Đông-Hồ, nhà thơ tiêu biểu đầy đủ cho một giai-đoạn văn-ngệ lãng-mạn từ buổi phối-thai đến buổi trưởng thành ở miền Nam này, thì người ta xem như là tiền bối của Bàng-Bá-Lân và đến bây giờ phong độ độc đáo của nhà thơ đất Hà-Tiên vẫn đầy lùi được khá xa thì-sĩ họ Bàng. Về Vũ-Hoàng-Chương, mà ngày nào đây ở trong phong trào lãng-mạn người ta xem như

một ngọn núi cao vòi vọi, thì thơ Bàng-quân chỉ là một trái đồi con khuất chìm trong vô-số đồi thấp thỏi chung quanh chân núi.

Nhưng không, Bàng-quân cho ta biết rằng Đông-Hồ già rồi, xưa rồi còn Vũ-Hoàng-Chương hồng rồi, tàn rồi và kẻ thấy được cái hồng cái xưa nói trên là người có một quan-điểm phê-bình « thật đúng », đó là Bàng-quân, mặc dầu bây giờ Bàng-quân không thích sáng tác gì nữa, ngoài... sách giáo-khoa. Bàng-quân không phải đào huyệt chôn gắp các người đi trước của mình để cho xóm làng văn-ngệ tiền chiến ở đây trở nên quang đãng hơn xưa và cho lộ rõ một người chìm lấp. Không, Bàng-quân không có dã tâm như thế, Bàng-quân « chỉ tiếc cho thi phẩm » họ (trg 128) đó thôi. Hơn nữa, Bàng-quân cũng thừa hiểu rằng giá trị thực sự của một người làm văn nghệ không phải là một thứ nắm phải tìm sự sống trên những thân cây ngả gục.

Tuy vậy, điều mà Bàng-quân khiến cho chúng ta suy nghĩ là không biết xếp tác phẩm trên đây vào mục loại nào. Nó không là thứ văn tuyển, không là phê bình, không là ký ức, không có một đường lối nào, một thể thức nào rõ rệt. Thế thì biết đặt vào đâu, nếu không đặt vào tủ sách ?

Chúng ta xin gởi mỗi bản khoản này trở lại Bàng-quân. Bởi vì, đời sống còn dài, Bàng-quân sẽ còn quen biết bao nhiêu bạn nữa. Mà loại tác phẩm trên đây, theo lời Bàng-quân, mới chỉ là quyển thứ nhất.

Và bởi bạn bè Bàng-quân muốn được phê phán vô tư, ngay thẳng, chứ không muốn làm thứ vật hi sinh để cho vẻ vang mặt cổ của người đồ-tể.

HỘP THƯ BÁCH - KHOA

Bách-Khoa vừa nhận được :

- Lãng ca thái cổ... (Cồ-Lữ) Nhạc buồn Tâm-Tư (Viên-Linh-Ngọc) Năm tháng hao mòn (Nguyễn) Cành hoa trắng — Tiếng em nói... (Cao-Xuân-Lý) Chiều nơi công viên (Phạm-Ngũ-Hồ) Xưa sau — Quê hương loài chim di (Hà-Nguyên-Thạch) Đuổi bắt đêm dài (Nguyễn-Phê) Vết buồn phố hội — Thân phận mình — Mùa mưa xứ Quảng (Mã-Khá) Đi tìm sự độc đáo ở thi ca (Trần-Văn-Nam) Tự sát (Mộng-Băng-Côn) Lầu thơ — Mộng hồn (Thi — Thi-Hoài-Mộng) Thơ (Nguyễn-Linh) Phan-Rang 59 — 62 (Nguyễn-Hoài-Thảo) Huế-Lan v. v... (Nghiêm-Thiệu) Mây buổi sáng — Nẻo về — Độc hành (Ngọc-Hương-Dương) Đường em đi — Buồn hải đảo (Nguyễn-Trọng-Anh) Buồn Xuân năm cũ — Phiêu hành — Buồn đêm (Lê-Đình-Phạm-Phú) Mồ côi — Đói khổ — Đau thương (Quang-Luân) Thơ say — Ván nguyệt — Hồn Xuân (Thi Thi Hoài Mộng) Trong giấc ngủ — Trong lớp học (Triều-Dương) Hoài vọng (Kiều-Nga) Ước mong — Vào Thu — Say Mộng (Ngọc-Minh) Dấu vết nửa đời — Mái tóc niềm thương — Độc hành (Hàn-Bô) Linh hồn Phi-Châu — Bài thân phận — Chân dung... (Lê-Trình-Mai) Tình yêu (Trần-Đại) Tình ca Huyền-Châu (Do-Tử-Lê) Quê-Hương — Hoàng hôn (Thái-Dương) Trăng khuya chủ nhật — Đêm buồn — Mùa

đông cô đơn (Phong-Vân) Đêm No en (Hồng-Vân) Gió-Lạnh — Tại sao (Nguyễn-Nguyệt-Nga) Bến nước xưa (Nguyễn-Tăng-Khương) Ngày xưa — Em ơi (N.Y.S.) Tủi phận (Cao-Phan) Nẻo lạc... (Thương-Thương-Thùy) Cuộc đời... (Trần-Triệu-Luật) Âm ỉ — Trong tay nàng (Độn-Độn-Hề) Nhạc buồn đơn điệu (Hoài-Duy-Minh) Sầu Khúc tình yêu — Hương phấn đài thơ — Tim mang niềm khát vọng (Hàn-Thi Ngọc-Thu) Tôi đi trên những phím dương cầm (Phạm-Thế-Trúc) Độc-Huyền cầm — U uẩn — Bờ trắng (Hồ-Dạ-Thảo) Về đây — Cho em (Vương-Duy) Thức giấc — Phần thiên thu v. v... (Hoàng-Ngọc-Hiền).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng **trừ THƠ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

- **Mục lục đệ nhất triển-lãm quốc-tế mỹ-thuật** tại Sài-gòn, do nha Mỹ-thuật học-vụ ấn hành và gửi tặng. Sách dày trên 250 có in hình một số tác-phẩm hội họa và điêu khắc trưng bày trong cuộc triển-lãm quốc-tế tại Sài-gòn.
- **Hoa thề** tập thơ của Lê-Minh-Ngọc, do tác-giả xuất bản và gửi

tặng. Thi phẩm trên đây, in khổ lớn, giấy nền mỹ-thuật, do Vũ-Hoàng-Chương đề tựa, Tạ-tý vẽ bìa nền và chân dung tác giả, Phạm-Duy phổ nhạc một bài thơ — Sách dày trên 80 trang gồm 50 bài thơ, bản đặc biệt không đề giá.

— **Thư nhà** của Võ-Phiến, Thới-mới xuất bản, do tác-giả gửi tặng. Sách dày 160 trang do Đinh-Cường trình bày gồm 3 truyện: Ngày xuân êm đêm Thư nhà, Lại thư nhà. Bản đặc biệt không đề giá.

— **Một vài cảm nghĩ của người thầy thuốc** của Anh-Tuấn Nguyễn-Tuấn-Phát, do N. ộn Luận xuất bản, tác giả gửi tặng. Sách dày trên 150 trang, gồm ngoài 20 bài gần đây đã đăng trên Ngôn-Luận dưới đề mục: «Văn nghệ và y-học. Cảm nghĩ của

một người thầy thuốc». Bản đặc biệt không đề giá.

— **Chuyện đời xưa** của Trương-Vĩnh-Kỷ, do nhà sách Khai-Tri xuất bản và gửi tặng. Sách dày 100 trang, giá 30 đ.

— **Luật thơ mới** của Minh-Huy, in lần thứ hai do nhà sách Khai-Tri xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 130 trang, giá 38 đ.

— **Lam-Y nữ hiệp** (quyển nhất và quyển nhì) của Tề-phong-quân, người dịch: Trương-Giang Mạnh-Vũ, nhà Thế-Kỷ xuất-bản và gửi tặng. Mỗi cuốn trên dưới 500 trang, giá 98 đ.

— **Cải táng** truyện dài của Dzoãn-Luân, do Tân-Khoa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 200 trang, giá bán 60 đ.

ĐÃ XUẤT BẢN :

HOA - THÈ

Thơ LÊ-MINH-NGỌC

Tựa của VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Bìa, nền, phụ bản của TẠ-TÝ

Toàn tập gồm 500 bài thơ — Bìa 5 màu phụ bản 3 màu

- | | |
|--|--------|
| — Loại giấy vàng nhạt nền lụa sáng giá | 48 \$ |
| — Loại đặc biệt giấy Bạch-Vân nền Thanh-lam | 130 \$ |
| — Loại đặc biệt giấy Phấn-Hương nền Gấm-hồng | 160 \$ |

Có bán tại các hiệu sách — Riêng bản đặc biệt xin liên lạc với thi-sĩ Vũ-Hoàng-Chương

345 / 2, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SAIGON

BÁCH-KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

B. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA

DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thẻ thức trả tiền _____

_____ ngày _____ tháng _____ 1962

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm: 180 \$

6 tháng : 90 \$

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gửi bưu phiếu.

• Mua dài hạn Bách-Khoa

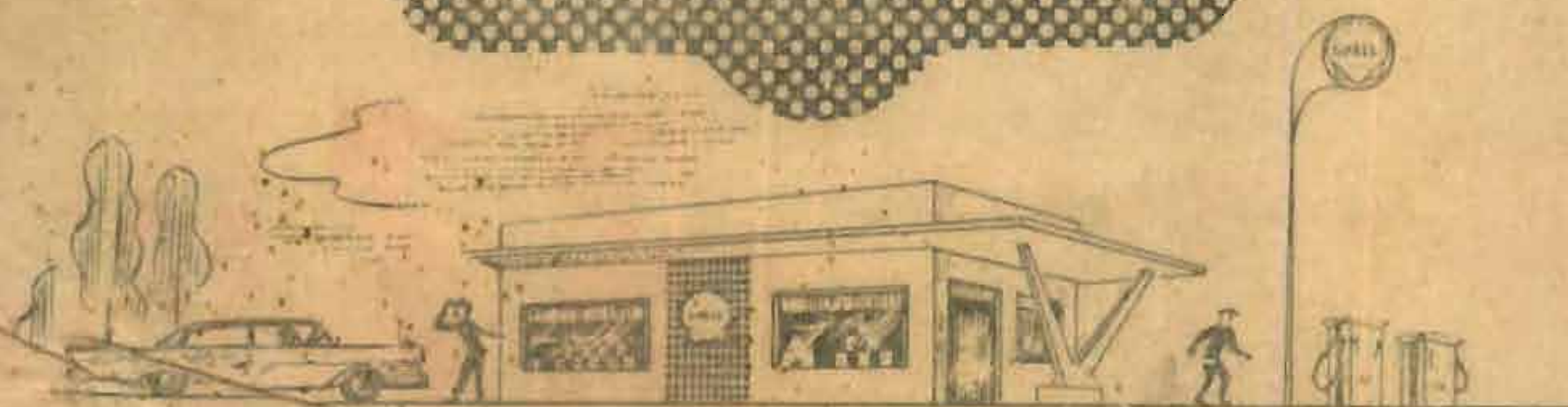
— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— Trả trước 180 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 \$ (20 số thường 200 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 \$ = 240 \$)

• Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhà trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

Dầu nhớt giữ máy xe luôn luôn sạch-sẻ



hơn **50** năm tại Việt-Nam

